CÔNG THƯƠNG

TẠP CHÍ CÔNG THƯƠNG - CƠ QUAN THÔNG TIN LÝ LUẬN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

VIETNAM INDUSTRY AND TRADE REVIEW p-ISSN: 3093-3811

Bức tranh

NHẬP SIÊU 9 THÁNG
VÀ NHỮNG CHUYỂN ĐỘNG ĐANG DIỄN RA

CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH KINH DOANH XĂNG DẦU:
PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ DỰA TRÊN YẾU TỐ CẠNH TRANH, AN NINH CUNG ỨNG VÀ BÌNH ỔN GIÁ



Số 10, tháng 10/2026 ● Website: tapchicongthuong.vn

Vietnam Value

LỄ CÔNG BỐ SẢN PHẨM ĐẠT THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM LẦN THỨ 10 NĂM 2026

DÒNG CHẢY THƯƠNG HIỆU VIỆT

THỜI GIAN
17H00, NGÀY 16 THÁNG 10 NĂM 2026

ĐỊA ĐIỂM
TRUNG TÂM HỘI NGHỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

Truyền hình trực tiếp trên: VTV

Livestream trên: VTVgo

CƠ QUAN CHỦ TRÌ: BỘ CÔNG THƯƠNG

CƠ QUAN THỰC HIỆN: CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI



TÀI TRỢ KIM CƯƠNG

TH | ACIT | Vinamilk

TÀI TRỢ VÀNG

PHUMY | Masan consumer

TÀI TRỢ BẠC

NUTRICARE | ITL | SeABank | BRG GROUP | TAKYtour | ETC | Vietcombank

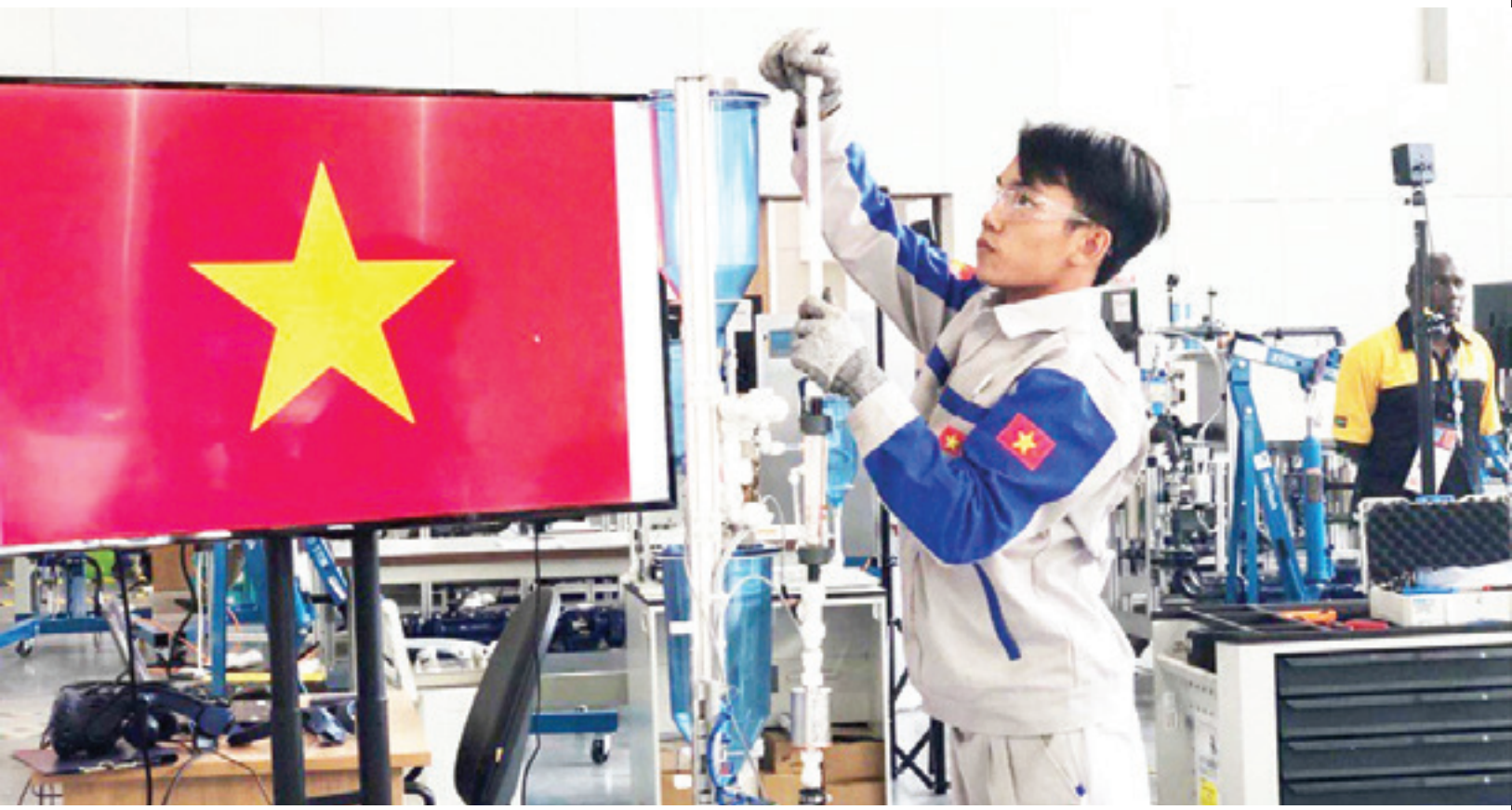
TÀI TRỢ ĐỒNG

VƯƠN TẦM VỊ THẾ

XỨNG DANH THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI KHÔNG ĐƯỢC UỐNG RƯỢU, BIA



ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG NGÀNH CÔNG THƯƠNG:

BÀI TOÁN THỰC TIỄN VÀ GIÁ TRỊ GIA TĂNG MỚI

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
GS.TS. Trần Thọ Đạt
GS.TS. Trần Văn Địch
GS.TS. Nguyễn Bách Khoa
GS.TSKH. Đỗ Ngọc Khuê
GS.TSKH. Bành Tiến Long
GS.TSKH. Nguyễn Xuân Quỳnh
GS.TS. Đinh Văn Sơn
GS.TSKH. Trần Văn Sung
PGS.TS. Lê Văn Tán
GS.TS. Phạm Minh Tuấn
GS.TSKH. Đào Trí Úc
GS.TSKH. Đăng Ứng Vận
GS.TS. Võ Khánh Vinh

Trình bày: Tại tòa soạn
In tại Công ty CP Phát triển In Việt Nam

Giá: 20.000đ

TỔNG BIÊN TẬP
Nhà báo Phạm Thị Lệ Nhung

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
Nhà báo Ngô Thị Diệu Thúy

TÒA SOẠN
Tầng 8, số 655 Phạm Văn Đồng,
phường Nghĩa Đô, Hà Nội.
ĐT: 0243. 2088856 - 0936.131861
Email: tapchicongthuong.moit@gmail.com

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN NAM
Số 12 Nguyễn Thị Minh Khai,
P. Đa Kao, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
Số 7 đường Cách mạng tháng Tám,
phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng

Giấy phép hoạt động báo chí: Số 196/GP-BTTTT cấp ngày 5/6/2023
Tạp chí Công Thương - Kinh tế ngành: p-ISSN 3093-3811
Tạp chí Công Thương điện tử : e-ISSN 3093-3870
Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ: p-ISSN 0866-7756
Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ điện tử: e-ISSN 3093-3994

Website: www.tapchicongthuong.vn

MỤC LỤC

4
Bộ giải pháp cho kịch bản tăng trưởng những tháng cuối năm của ngành Công Thương

6
Kinh tế 9 tháng đầu năm 2026: Những điểm sáng và điểm tựa tăng trưởng

13
Đại biểu Quốc hội Phan Đức Hiếu: Tận dụng nguồn lực nhập khẩu để nâng cao năng lực sản xuất trong nước

16
Tái cấu trúc nguồn cung, tận dụng lợi thế của Hiệp định CPTPP

19
Hoàn thiện cơ chế quản lý kinh doanh xăng dầu: Nâng cao năng lực bảo đảm nguồn cung và tính thị trường

28
Tăng quyền tự chủ của doanh nghiệp xăng dầu: Tự do kinh doanh phải đi cùng kỷ luật cạnh tranh

32
Xây dựng thương hiệu doanh nghiệp Việt: Từ "sản xuất tại Việt Nam" đến "tạo ra giá trị từ Việt Nam"

50
Văn hóa an toàn EVN bắt đầu từ những việc hàng ngày

52
Công ty Thuốc lá Sài Gòn: Lan tỏa trách nhiệm với cộng đồng

CONTENTS

(40-42) FEATURES

☆ Minister Lê Mạnh Hùng's activities during his visit to Canada as Part of the delegation accompanying General Secretary and State President Tô Lâm on his state visit

(43-45) FINANCE

☆ Vietnam's industry and trade sector maintains strong growth momentum in first nine months of 2026

(46-47) INTEGRATION

☆ Strengthening Vietnam's National Brand to Enhance global competitiveness and international standing

(48-49) MARKETS

☆ Leveraging resources and aligning training and scientific research with key challenges facing the industry and trade sector



Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng chủ trì Hội nghị sơ kết nhiệm vụ quý III, triển khai nhiệm vụ tháng 10 và phương hướng nhiệm vụ quý IV/2026

BỘ GIẢI PHÁP CHO KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

TRONG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM, NGÀNH CÔNG THƯƠNG TIẾP TỤC PHẢI ĐỐI MẶT VỚI NHIỀU THÁCH THỨC, ĐÒI HỎI TOÀN NGÀNH TIẾP TỤC NỖ LỰC ĐỂ HOÀN THÀNH MỤC TIÊU ĐỀ RA. BÊN CẠNH ĐÓ, NGÀNH CÔNG THƯƠNG CŨNG CHỊU ÁP LỰC TỪ NHỮNG YẾU TỐ BÊN NGOÀI NHƯ THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU BIẾN ĐỘNG KHÓ LƯỜNG, LẠM PHÁT VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, ĐẶT RA YÊU CẦU PHẢI CHỦ ĐỘNG NHẬN DIỆN, DỰ BÁO VÀ CÓ GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ PHÙ HỢP TRONG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM.

● NGUYÊN HÀ

Tại Hội nghị sơ kết nhiệm vụ quý III, triển khai nhiệm vụ tháng 10 và phương hướng nhiệm vụ quý IV/2026, Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng đánh giá cao những kết quả toàn ngành Công Thương đạt được trên các lĩnh vực công nghiệp, thương mại và năng lượng. Bộ trưởng khẳng định, ngành Công Thương đã hoàn thành và đạt được những kết quả khá toàn diện, góp phần bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế, đặc biệt là bảo đảm an ninh năng lượng.

Theo Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng, để đạt được các mục tiêu đã đề ra, ngành Công Thương cần xây dựng bộ giải pháp điều hành cho quý IV, dựa trên dư địa và các động lực tăng trưởng. Bên cạnh những động lực truyền thống đã cận biên, cần rà soát, xác định và phát huy những động lực tăng trưởng mới, tạo thêm dư địa để hoàn thành các mục tiêu đề ra. Trên tinh thần đó, Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng chỉ đạo và yêu cầu các đơn vị thuộc Bộ; các tập đoàn, doanh nghiệp và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố tập trung thực hiện các nhóm nhiệm vụ:

Thứ nhất, liên quan đến các giải pháp về thể chế

Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng chỉ đạo Vụ Pháp chế, trên cơ sở kế hoạch quý IV và những khó khăn, thách thức đã được nhận diện, cần tập trung đơn giản hóa thủ tục, xử lý những khó khăn trong giải quyết công việc hành chính. Đồng thời nhấn mạnh, mục tiêu đặt ra là hoàn thành 100% nhiệm vụ xây dựng thể chế, xây dựng pháp luật.

Thứ hai, liên quan đến lĩnh vực công nghiệp, năng lượng

Bộ trưởng cũng nhấn mạnh mục tiêu cao nhất, trong mọi tình huống không được để đứt gãy, không để thiếu năng lượng và cũng không để giá năng lượng tăng cao. Mục tiêu này phải đồng bộ với lộ trình dịch chuyển năng lượng. Đây là những khía cạnh quan trọng trong bảo đảm an ninh năng lượng. Để thực hiện được mục tiêu này, yêu cầu được đặt ra là phải hoàn thiện về thể chế. Theo đó, trong quý IV/2026, Bộ trưởng lưu ý ưu tiên cao nhất cho dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực. Song song đó, hoàn thiện các nội dung còn tồn tại trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh

Đối với lĩnh vực địa chất, khoáng sản mới tiếp nhận, Bộ trưởng đề nghị tất cả các đơn vị trong Bộ nghiên cứu thêm về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình để phối hợp với Cục Địa chất và Khoáng sản, cùng chia sẻ và phối hợp trong quá trình thực hiện công việc, đặc biệt là công tác xây dựng pháp luật.

Riêng đối với các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trong lĩnh vực công nghiệp, Bộ trưởng đề nghị đánh giá và nhìn rõ lại toàn bộ bức tranh công nghiệp của đất nước, từ đó xây dựng lại chính sách về công nghiệp, chú trọng phát triển khu công nghiệp.

Thứ ba, nhóm nhiệm vụ liên quan đến phát triển thị trường trong nước

Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng đề nghị, trong quý IV, tiếp tục hoàn thiện thể chế, hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế các Nghị định của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; tập trung hoàn thiện dự án Luật. Đối với mục tiêu tăng trưởng bán lẻ trong cơ cấu thương mại trong nước, mục tiêu đặt ra là 14%, do đó, phải tập trung thúc đẩy tiêu dùng và bán lẻ trong nước, tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ; phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh, thành để triển khai tại địa phương.

Thứ tư, liên quan đến xuất nhập khẩu và phát triển thị trường nước ngoài

Trong những tháng cuối năm, mục tiêu đặt ra là giảm nhập siêu xuống dưới 10 tỷ USD. Theo đó, Bộ trưởng cho rằng cần tận dụng hiệu quả các FTA đã ký kết. Cùng với đó, quản trị thị trường nước ngoài theo chiến lược dài hạn, mở rộng dư địa tại các thị trường còn tiềm năng. Song song đó, tập trung vào công tác phòng vệ thương mại, tăng cường cảnh báo sớm, chia sẻ thông tin, kết nối với các địa phương để xử lý các vấn đề liên quan đến điều tra thương mại; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các hiệp hội, doanh nghiệp và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và nền kinh tế.

Về thương mại điện tử, Bộ trưởng cũng nhấn mạnh mục tiêu phấn đấu tăng trưởng thương mại điện tử đạt ít nhất 21%. Đồng thời, phải tận dụng lợi thế của hệ thống pháp luật về thương mại để thúc đẩy phát triển lĩnh vực này.

Đối với hệ thống Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài, Bộ trưởng đề nghị các Thương vụ tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động, cập nhật kết quả định kỳ, đặc biệt các địa bàn, thị trường có yếu tố đặc thù; đồng thời tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin với các Cục, Vụ trong nước cũng như các Thương vụ tại những địa bàn khác để trao đổi thông tin, bổ trợ cho nhau.

Đối với Sở Công Thương các địa phương, Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng đề nghị các địa phương nắm chắc địa bàn của mình trong lĩnh vực Công Thương, tham mưu cho UBND các tỉnh, thành phố về tổ chức, quy hoạch, bảo đảm đồng bộ với các quy hoạch của ngành Công Thương■

Bảng 1. Tổng hợp các chỉ tiêu của ngành Công Thương năm 2026

Đơn vị tính: %

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu cả năm 2026	Kết quả đạt được		Đánh giá 9 tháng
			Tháng 9	9 tháng	
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	12-14	16,6-16,9	12,1-12,2	Đạt
2	Tổng điện năng sản xuất và nhập khẩu (tốc độ tăng)	8,5-14,1	10,4	9,5	Đạt
3	Tổng công suất nguồn điện (tốc độ tăng, không gồm ĐMT mái nhà)	Tối thiểu 6,6		3,5	Chưa đạt
4	Tỷ lệ dự phòng công suất nguồn	21,8		26,3	Vượt
5	Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu	15-16	35,5	24,0	Vượt
6	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	13-15	15,0-15,3	13,1-13,6	Đạt
7	Tăng trưởng thị trường thương mại điện tử B2C	20-22	21	19,5	Chưa đạt
8	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử	60-62	68	68	Vượt

KINH TẾ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026:

NHỮNG ĐIỂM SÁNG VÀ ĐIỂM TỰA TĂNG TRƯỞNG

TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI TIẾP TỤC BIẾN ĐỘNG PHỨC TẠP, KHÓ LƯỜNG VỚI NHIỀU YẾU TỐ BẤT ĐỊNH, KINH TẾ NƯỚC TA TRONG 9 THÁNG NĂM 2026 TIẾP TỤC DUY TRÌ ĐÀ TĂNG TRƯỞNG VÀ ĐẠT NHIỀU KẾT QUẢ TÍCH CỰC. MỨC TĂNG TRƯỞNG 9,01% LÀ MỨC TĂNG TRƯỞNG RẤT CAO TRONG NHIỀU NĂM QUA, TẠO NỀN TẢNG QUAN TRỌNG ĐỂ ĐẠT MỨC CAO NHẤT CÓ THỂ THEO MỤC TIÊU ĐÃ ĐỀ RA.

● VIỆT HẰNG

Tốc độ tăng trưởng đang được cải thiện qua từng quý

Theo báo cáo của Cục Thống kê, GDP quý I tăng 8,15%, quý II tăng 8,81% và quý III tăng 9,95%. Tính chung 9 tháng, GDP tăng 9,01% so với cùng kỳ năm trước.

Động lực tăng trưởng được hình thành từ cả 3 khu vực của nền kinh tế. Trong 9 tháng, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,21%, đóng góp 49,62% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế; khu vực dịch vụ tăng 8,69%, đóng góp 45,03%; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,02%, đóng góp 5,35%.

Trong đó, công nghiệp tiếp tục giữ vai trò nổi bật. Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng tăng khoảng 12,3%, mức tăng cao nhất trong 9 tháng kể từ năm 2019; riêng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,9%. Một số ngành có tốc độ tăng khá cao, cho thấy năng lực sản xuất đang được mở rộng ở nhiều lĩnh vực.

Cùng với sản xuất, đầu tư đang tạo thêm năng lực cho nền kinh tế.



(Nguồn: Cục Thống kê)

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 9 tháng tăng 15,1%; vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tăng 19%. Đáng chú ý, vốn FDI thực hiện đạt 21,07 tỷ USD, tăng 12,1%, là mức cao nhất trong 9 tháng của 5 năm qua. Công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu trong dòng vốn FDI thực hiện.

Những kết quả trên cho thấy một điểm tựa quan trọng của tăng trưởng hiện nay là sự kết hợp giữa mở rộng năng lực sản xuất và gia tăng đầu tư. Đây cũng là cơ sở để kỳ vọng khu vực công nghiệp tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt trong những tháng cuối năm.

Ở phía cầu, nền kinh tế cũng ghi nhận những tín hiệu tích cực. Trong quý III, tiêu dùng cuối cùng tăng 8,96%, tích lũy tài sản tăng 21,39%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 23,27%.

Thị trường trong nước tiếp tục là một điểm tựa quan trọng khi tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng tăng khoảng 13,4%. Đặc biệt, dịch vụ

tiếp tục phục hồi khá rõ nét. Doanh thu lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành đều tăng, góp phần mở rộng đóng góp của khu vực dịch vụ vào tăng trưởng.

Điều này cho thấy bên cạnh động lực từ sản xuất và xuất khẩu, sức mua trong nước và sự phục hồi của các ngành dịch vụ đang ngày càng trở thành một trụ cột của tăng trưởng.

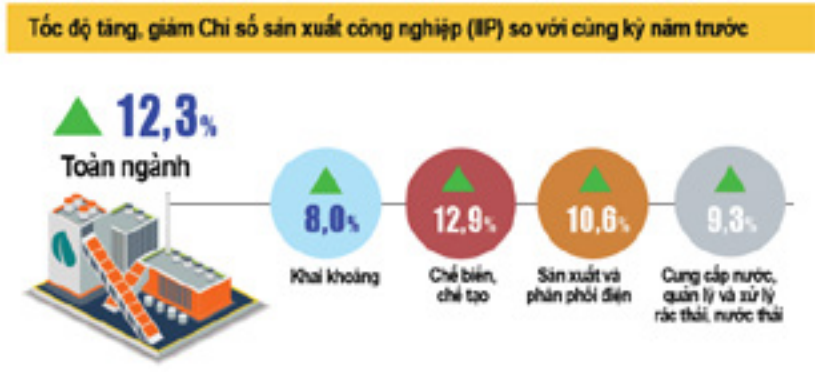
Xuất khẩu tăng mạnh, thị trường trong nước mở rộng

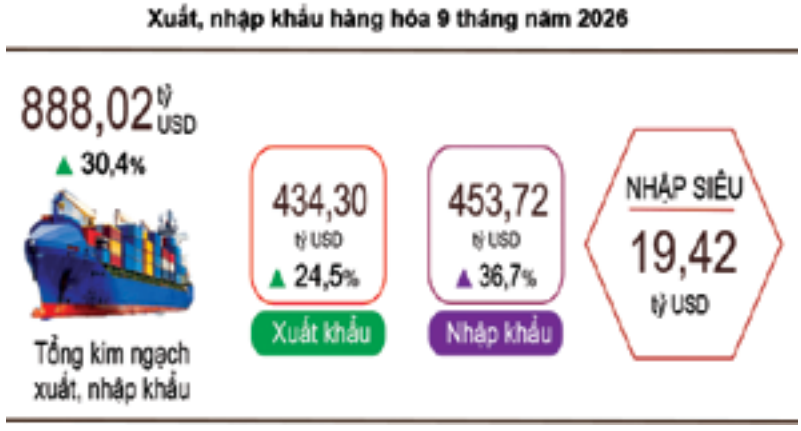
Xuất khẩu tiếp tục là một trong những điểm sáng nổi bật nhất của kinh tế 9 tháng. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt hơn 888 tỷ USD; xuất khẩu tăng 24,5%. Quy mô thương mại mở rộng nhanh cho thấy doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục duy trì khả năng tham gia và khai thác các thị trường quốc tế.

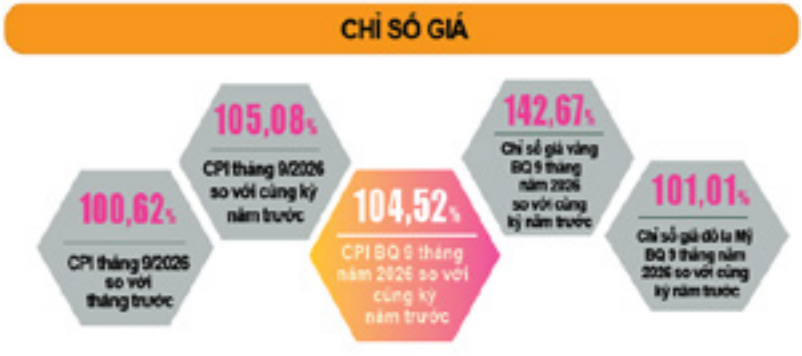
Cơ cấu xuất khẩu tiếp tục tập trung chủ yếu ở nhóm hàng công nghiệp chế biến. Đây là tín hiệu tích cực đối với năng lực sản xuất, nhưng đồng thời cho thấy yêu cầu nâng cao hơn nữa giá trị gia tăng và mức độ tham gia của doanh nghiệp trong nước vào chuỗi cung ứng.

Một điểm cần lưu ý là nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu, khiến cán cân thương mại 9 tháng nhập siêu 19,42 tỷ USD. Khu vực kinh tế trong nước tiếp tục nhập siêu lớn, trong khi khu vực FDI duy trì xuất siêu.

Nếu xuất khẩu là động lực quan trọng từ bên ngoài, thị trường trong nước đang cho thấy dư địa ngày càng lớn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng tăng 13,4%; trong đó lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành đều có mức tăng khá. Đây là nền tảng để tiếp tục thúc đẩy tổng cầu trong những tháng cuối năm, nhất là thông qua các chương trình kích cầu, xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu và mở rộng hệ thống phân phối.









(Nguồn: Cục Thống kê)

Bức tranh

NHẬP SIÊU 9 THÁNG VÀ NHỮNG CHUYỂN ĐỘNG ĐANG DIỄN RA

9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026, NHẬP KHẨU TĂNG NHANH HƠN XUẤT KHẨU, ĐƯA CÁN CÂN THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA CHUYỂN SANG TRẠNG THÁI NHẬP SIÊU. TUY NHIÊN, NHÌN SÂU VÀO CƠ CẤU HÀNG HÓA VÀ DIỄN BIẾN CỦA KHU VỰC SẢN XUẤT CHO THẤY, PHÍA SAU MỨC TĂNG CỦA NHẬP KHẨU LÀ NHIỀU CHUYỂN ĐỘNG VỀ GIÁ ĐẦU VÀO, DỰ TRỮ NGUYÊN LIỆU, ĐẦU TƯ MÁY MÓC, THIẾT BỊ VÀ MỞ RỘNG NĂNG LỰC SẢN XUẤT.

● THY THẢO



Nhìn sâu vào cán cân thương mại

Theo Cục Thống kê, Bộ Tài chính, 9 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt trên 888 tỷ USD, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu đạt trên 434 tỷ USD, tăng 24,5%; nhập khẩu trên 453 tỷ USD, tăng 36,7%. Cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 19,42 tỷ USD.

Tuy nhiên, chênh lệch giữa quy mô kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu mới phản ánh một phần bức tranh. Đi sâu vào cơ cấu hàng hóa cho thấy phần lớn dòng nhập khẩu đang tập trung vào các yếu tố đầu vào cho sản xuất.

Cụ thể, trong 9 tháng, nhập khẩu nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 426,92 tỷ USD, chiếm 94,1% tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong đó, nhóm máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng chiếm 58,3%; nhóm nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 35,8%.

Đáng chú ý, số liệu chi tiết của Cục Hải quan, Bộ Tài chính cho thấy sự gia tăng nhập khẩu tập trung rất mạnh vào một số nhóm hàng. Nổi bật nhất là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện với kim ngạch nhập khẩu 9 tháng đạt gần 188,94 tỷ USD, tăng tới 71,7% so với cùng kỳ. Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đạt gần 53,95 tỷ USD, tăng 21,9%. Như vậy, chỉ riêng hai nhóm hàng này đạt gần 242,89 tỷ USD, tương đương khoảng 53,5% tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước. Bên cạnh đó, nhập khẩu nhiều loại vật tư và sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất cũng tăng, như kim loại thường khác tăng 37,3%; sản phẩm từ sắt thép tăng 25,6%; dây điện và dây cáp điện tăng 22,8%; linh kiện, phụ tùng ô tô tăng 37,6%.

Diễn biến trên cho thấy mức tăng của nhập khẩu 9 tháng có sự đóng góp đáng kể từ những nhóm hàng gắn với hoạt động sản xuất. Nhưng ngay cả với các nhóm hàng này, sự gia tăng về trị giá nhập khẩu cũng cần được bóc tách kỹ hơn.

Đơn cử, đối với ngành điện tử - một trong những nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn, đồng thời có sự tham gia sâu của các doanh nghiệp FDI và các chuỗi sản xuất toàn cầu, bà Trịnh Thị Thu Hiền, Phó Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương chỉ ra 3 nhóm yếu tố có tác động đáng kể, gồm: trị giá nguyên liệu tăng cao; gia tăng tích trữ, tồn kho; và mở rộng sản xuất.

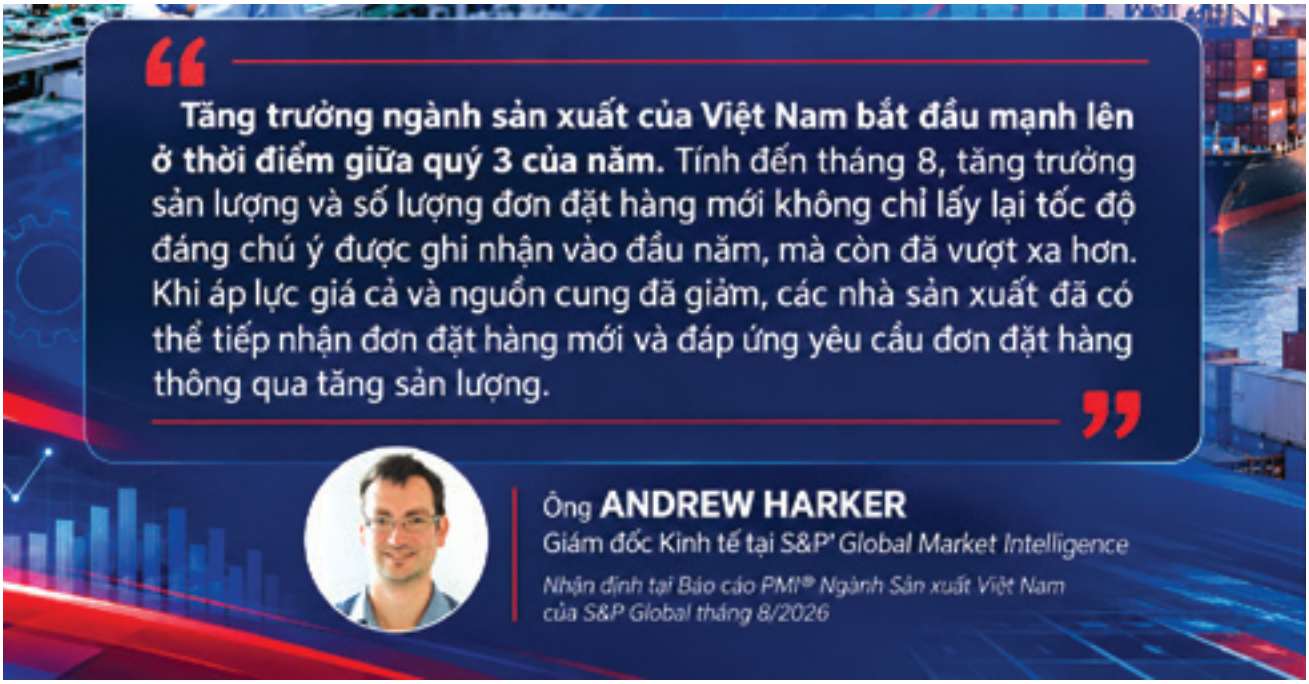
Yếu tố đầu tiên là sự gia tăng trị giá nguyên liệu đầu vào. Trong bối cảnh AI phát triển nhanh, theo thông tin được ghi nhận, giá một số vi mạch, chip và SSD phục vụ sản xuất các mặt hàng điện tử có thể tăng từ 300 - 500%. Vì vậy, ngay cả khi số lượng linh kiện nhập khẩu không tăng, trị giá nhập khẩu vẫn có thể tăng mạnh do tác động của giá.

Lãnh đạo Cục Xuất nhập khẩu dẫn ví dụ, nếu năm trước doanh nghiệp nhập 1.000 chip và năm nay vẫn nhập 1.000 chip nhưng giá chip tăng mạnh thì kim ngạch nhập khẩu sẽ tăng tương ứng. Thực tế tại một số doanh nghiệp thuộc hệ thống Samsung cũng cho thấy, dù vẫn xuất siêu nhưng mức xuất siêu giảm so với cùng kỳ năm trước do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao.

Yếu tố thứ hai là việc doanh nghiệp tăng tích trữ và tồn kho để phục vụ sản xuất trong tương lai. Qua làm việc với một số doanh nghiệp điện tử và sản xuất máy tính, Cục Xuất nhập khẩu ghi nhận, trước tình trạng khan hiếm nguyên liệu đầu vào, một số nhà máy và chuỗi công ty đa quốc gia đã chủ động nâng mức dự trữ.

"*Có những doanh nghiệp hiện nay đã có dự trữ tồn kho đến tháng 3/2027. Ví dụ, vòng đời liên quan đến dự trữ tồn kho trước kia thông thường là 6 tuần thì nay có trường hợp đã được nâng lên thành 12 tuần*", bà Trịnh Thị Thu Hiền thông tin. Theo bà, tại một số doanh nghiệp, giá trị tồn kho và tích lũy nguyên liệu từ mức khoảng 100 triệu USD đã tăng lên tới 700 triệu USD. Khi số liệu của các doanh nghiệp được cộng gộp, việc gia tăng dự trữ này cũng làm tăng kim ngạch nhập khẩu của ngành điện tử.





Yếu tố thứ ba là quá trình mở rộng sản xuất, tạo thêm tài sản cố định của các chuỗi doanh nghiệp đa quốc gia tại Việt Nam. Bà Hiền dẫn trường hợp Samsung Thái Nguyên mở rộng sản xuất với quy mô tăng thêm 1,8 tỷ USD; Intel chuyển hoạt động sản xuất từ Costa Rica sang Việt Nam; BYD tại Phú Thọ cũng mở rộng và tăng thêm công suất nhà máy. Rõ ràng, quá trình tạo lập tài sản cố định và mở rộng các chuỗi nhà máy sản xuất cũng kéo theo nhu cầu nhập khẩu đầu vào và có thể là một trong những nguyên nhân tác động đến cán cân thương mại của riêng ngành điện tử.

Những chuyển động phía sau dòng nhập khẩu

Nếu mở rộng góc nhìn từ trường hợp ngành điện tử sang khu vực sản xuất, một số diễn biến về giá đầu vào, hoạt động mua hàng và dự trữ nguyên liệu cũng được phản ánh trong các báo cáo PMI ngành sản xuất Việt Nam do S&P Global công bố hàng tháng. Các báo cáo chỉ ra, trong 9 tháng đầu năm 2026, doanh nghiệp sản xuất đã trải qua những biến động đáng kể về chi phí đầu vào, hoạt động mua hàng và dự trữ nguyên liệu.

Nổi bật trong đó là áp lực gia tăng chi phí. Trong giai đoạn tháng 3 - 5, xung đột tại Trung Đông khiến giá nhiên liệu, logistics và nhiều yếu tố đầu vào tăng mạnh. Lạm phát chi phí đầu vào có thời điểm đã tăng lên mức cao nhất trong 15 năm.

Diễn biến này cho thấy, yếu tố giá mà bà Trịnh Thị Thu Hiền chỉ ra đối với nguyên liệu, linh kiện điện tử diễn ra trong bối cảnh rộng hơn, khi các doanh nghiệp sản xuất cũng phải đối mặt với áp lực gia tăng chi phí đầu vào. Theo đó, sự gia tăng về trị giá nhập khẩu trong một số nhóm hàng không chỉ cần được xem xét từ lượng hàng nhập về, mà còn phải tính đến tác động của biến động giá.

Cùng với yếu tố chi phí, hoạt động mua và dự trữ nguyên vật liệu của doanh nghiệp cũng có những thay đổi. Theo khảo sát của S&P Global, sau giai đoạn xung đột Trung Đông có dấu hiệu ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, doanh nghiệp tăng mua nguyên vật liệu để tích trữ do lo ngại về nguồn cung. Đến tháng 7, lượng mua đầu vào tăng với tốc độ nhanh nhất trong khoảng 4 năm rưỡi.

Đà mở rộng của khu vực sản xuất được duy trì trong suốt 9 tháng. Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam liên tục ở trên ngưỡng 50 điểm, kéo dài chuỗi mở rộng lên 15 tháng liên tiếp. PMI đạt 54,3 điểm vào tháng 2, khi sản lượng tăng nhanh nhất trong 19 tháng.

Sau những biến động trong tháng 3 - 4, hoạt động sản xuất phục hồi trở lại; đến tháng 8, sản lượng tăng với tốc độ nhanh nhất trong hơn hai năm. Sang tháng 9, mặc dù đà tăng chậm lại và đơn hàng xuất khẩu suy giảm, sản lượng và tổng số đơn đặt hàng mới vẫn tiếp tục tăng.

Tồn kho nguyên vật liệu nhìn chung chịu áp lực giảm khi doanh nghiệp sử dụng đầu vào để đáp ứng nhu cầu sản xuất. Trong khi đó, tồn kho thành phẩm giảm mạnh; riêng tháng 9/2026 ghi nhận tốc độ giảm nhanh nhất kể từ khi khảo sát PMI bắt đầu vào tháng 3/2011.

Những con số này cho thấy, nhu cầu đầu vào phục vụ sản xuất được duy trì trong bối cảnh hoạt động sản xuất tiếp tục mở rộng. Việc doanh nghiệp gia tăng mua nguyên vật liệu trong một số thời điểm, đồng thời sử dụng lượng đầu vào để đáp ứng nhu cầu sản xuất, cho thấy hoạt động mua hàng và dự trữ có sự điều chỉnh theo diễn biến nguồn cung và nhu cầu sản xuất.

Mặt khác, quá trình mở rộng sản xuất diễn ra trong bối cảnh dòng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục tập trung mạnh vào công nghiệp chế biến, chế tạo.

Theo Cục Thống kê, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam trong 9 tháng năm 2026 đạt 21,07 tỷ USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 17,4 tỷ USD, chiếm 82,6% tổng vốn FDI thực hiện. Riêng về đăng ký mới và điều chỉnh, công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút 21,82 tỷ USD, chiếm 50,3% tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm.

Việc phần lớn vốn FDI thực hiện tập trung vào công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy hoạt động đầu tư vào khu vực sản xuất tiếp tục diễn ra mạnh trong kỳ. Đây cũng là bối cảnh cần tính đến khi xem xét sự gia tăng nhập khẩu máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

Cùng với những chuyển động về đầu vào và đầu tư, hoạt động sản xuất công nghiệp thực tế tiếp tục tăng. Theo Cục Thống kê, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 9 tháng năm 2026 tăng 12,33% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,93%, riêng ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 15,16%.

Nhìn rộng hơn, khi đặt cạnh nhau, các dữ liệu về nhập khẩu, PMI, đầu tư và sản xuất công nghiệp cho thấy sự gia tăng nhập khẩu tư liệu sản xuất trong 9 tháng diễn ra đồng thời với những chuyển động về giá và chi phí đầu vào, hoạt động mua và dự trữ nguyên vật liệu, dòng vốn đầu tư tập trung vào công nghiệp chế biến, chế tạo và sự mở rộng của hoạt động sản xuất. Điều này không đồng nghĩa có thể quy toàn bộ mức tăng nhập khẩu cho nhu cầu mở rộng sản xuất, nhưng cho thấy cần nhìn dòng nhập khẩu trong mối quan hệ với những chuyển động đang diễn ra bên trong khu vực sản xuất.

"Cần xem xét đồng thời cán cân thương mại và cán cân thanh toán. Nhiều doanh nghiệp điện tử tại Việt Nam hiện sản xuất, gia công theo chỉ định của công ty mẹ ở nước ngoài, trong đó công ty mẹ cung cấp nguyên vật liệu và thanh toán chi phí nguyên liệu. Vì vậy, số liệu cán cân thương mại của một ngành hàng có thể ghi nhận nhập siêu, nhưng cần tiếp tục kiểm tra, đối chiếu với cán cân thanh toán để có đánh giá đầy đủ hơn."

Bà Trịnh Thị Thu Hiền,
Phó Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương

Từ nguồn lực nhập khẩu đến năng lực sản xuất

Đặt trong mối quan hệ với hoạt động sản xuất của nền kinh tế, máy móc, thiết bị nhập khẩu có thể tham gia vào quá trình hình thành tài sản cố định, mở rộng công suất và đổi mới dây chuyền sản xuất; nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu được đưa vào quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm phục vụ thị trường trong nước hoặc xuất khẩu. Vì vậy, việc gia tăng nhập khẩu tư liệu sản xuất cần được nhìn trong cả quá trình những nguồn lực này được hấp thụ và chuyển hóa trong nền kinh tế.

Các diễn biến trong 9 tháng đầu năm phần nào cho thấy quá trình này đang diễn ra. Nhập khẩu tư liệu sản xuất tăng cùng với hoạt động mua đầu vào của doanh nghiệp, dòng vốn đầu tư tiếp tục tập trung vào công nghiệp chế biến, chế tạo và chỉ số sản xuất công nghiệp duy trì mức tăng.

Tuy nhiên, việc các nguồn lực nhập khẩu được đưa vào sản xuất mới là một bước của quá trình chuyển hóa. Vấn đề tiếp theo là từ những đầu vào đó, nền kinh tế tạo ra thêm được bao nhiêu năng lực sản xuất và giá trị gia tăng trong nước. Trong đó, một khía cạnh cần xem xét là khả năng doanh nghiệp trong nước tham gia

cung ứng nguyên liệu, linh kiện, sản phẩm và dịch vụ cho các chuỗi sản xuất.

Đây là vấn đề đáng chú ý khi nhìn vào mối liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với khu vực FDI và các chuỗi giá trị. Báo cáo Kinh tế tư nhân Việt Nam 2025 và PCI 2025 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) chỉ ra, 63,7% doanh nghiệp được khảo sát cho biết vừa mua đầu vào từ khu vực tư nhân trong nước, vừa bán sản phẩm cho chính khu vực này. Trong khi đó, tỷ lệ doanh nghiệp vừa gắn với khu vực FDI ở cả đầu vào và đầu ra chỉ ở mức 5,6%.

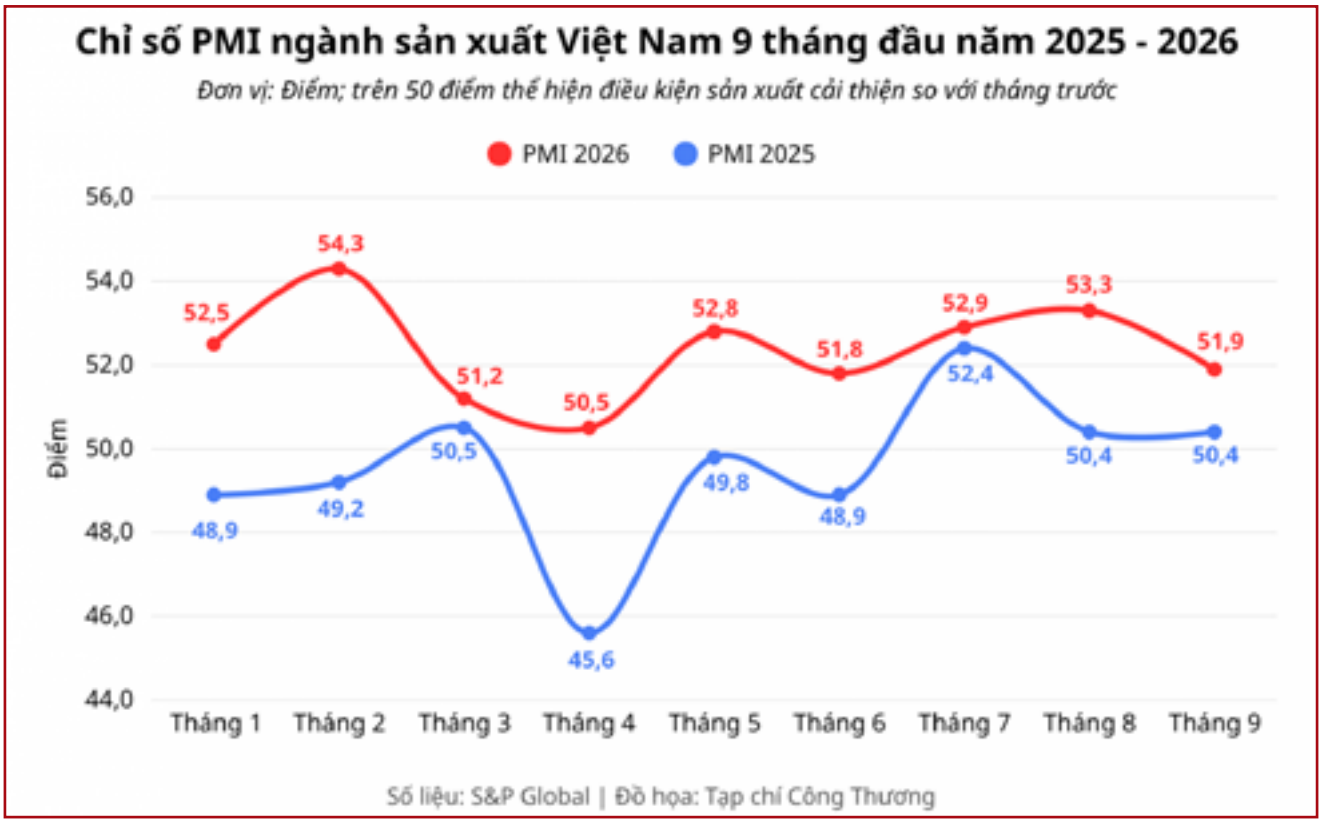
Theo báo cáo, điều này phản ánh mức độ kết nối của doanh nghiệp với khu vực FDI và chuỗi giá trị toàn cầu vẫn còn hạn chế so với các liên kết nội địa. Cấu trúc chuỗi cung ứng của doanh nghiệp Việt Nam mang tính nội địa hóa cao, với các mối liên kết chủ yếu xoay quanh khu vực tư nhân trong nước và sự tham gia đáng kể của khu vực phi chính thức.

Khi một phần máy móc, linh kiện và nguyên liệu phục vụ sản xuất vẫn phải nhập khẩu, sự mở rộng của sản lượng và xuất khẩu có thể tiếp tục kéo theo nhu cầu nhập khẩu tương ứng. Ở chiều ngược lại, quá trình đầu tư và mở rộng sản xuất cũng tạo ra nhu cầu đối với linh kiện, nguyên vật liệu, sản phẩm phụ trợ và các dịch vụ phục vụ sản xuất, qua đó mở ra dư địa để doanh nghiệp trong nước tham gia sâu hơn vào các chuỗi sản xuất.

Khả năng doanh nghiệp trong nước từng bước đáp ứng những nhu cầu này có ý nghĩa đối với mức độ lan tỏa của quá trình mở rộng sản xuất. Nếu nhiều đầu vào hơn được cung ứng trong nước, giá trị được tạo ra và giữ lại trong nền kinh tế có điều kiện gia tăng, đồng thời mức độ phụ thuộc vào một số nguồn nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu có thể từng bước được thu hẹp.

Ở góc độ này, chất lượng tăng trưởng xuất nhập khẩu không chỉ được phản ánh ở quy mô kim ngạch hay trạng thái xuất siêu, nhập siêu. Dòng nhập khẩu máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu có thể tạo nguồn lực cho sản xuất, nhưng hiệu quả của quá trình này cuối cùng cần được nhìn ở năng lực sản xuất được hình thành, sản phẩm được tạo ra, giá trị gia tăng trong nước và mức độ tham gia của doanh nghiệp Việt Nam vào các chuỗi sản xuất.

Bởi vậy, trong bối cảnh cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng mạnh, vấn đề không đơn thuần là hạn chế nhập khẩu hay hướng tới một trạng thái cán cân thương mại nhất định. Quan trọng hơn là khả năng hấp thụ và chuyển hóa nguồn lực nhập khẩu thành năng lực sản xuất, đồng thời gia tăng phần giá trị được tạo ra và giữ lại trong nền kinh tế Việt Nam■





ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI PHAN ĐỨC HIẾU:

TẬN DỤNG NGUỒN LỰC NHẬP KHẨU ĐỂ NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

THEO ÔNG PHAN ĐỨC HIẾU, ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI, ỦY VIÊN ỦY BAN KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH CỦA QUỐC HỘI, CẦN NHÌN SÂU HƠN VÀO CƠ CẤU VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NHẬP KHẨU VỚI SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU; QUAN TRỌNG HƠN NỮA LÀ CẦN CHUYỂN HÓA NGUỒN LỰC NHẬP KHẨU NÀY THÀNH CƠ HỘI NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NƯỚC. TẠP CHÍ CÔNG THƯƠNG ĐÃ CÓ TRAO ĐỔI VỚI ÔNG PHAN ĐỨC HIẾU XUNG QUANH VẤN ĐỀ NÀY.

● NGUYỄN PHONG (*thực hiện*)

TCCT: *Thưa ông, 9 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt hơn 888 tỷ USD, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó xuất khẩu tăng 24,5%, nhập khẩu tăng 36,7%. Cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 19,42 tỷ USD.*

Ở góc độ kinh tế vĩ mô, ông nhìn nhận như thế nào về vấn đề nhập siêu trong những tháng đầu năm?

ÔNG PHAN ĐỨC HIẾU: Ở góc độ vĩ mô, đặc biệt khi định hướng phát triển kinh tế của nước ta là hội nhập, thu hút FDI, đẩy mạnh xuất khẩu và tạo giá trị gia tăng trong nước, đồng thời doanh nghiệp cũng định hướng mở rộng thị trường, rõ ràng con số nhập siêu cho thấy có những vấn đề cần được nhìn nhận kỹ hơn so với các mục tiêu và cách thức vận hành nền kinh tế đặt ra.

Sâu xa hơn, trong một thế giới nhiều biến động, các hoạt động thương mại hiện nay rất khó lường và chịu tác động lớn bởi yếu tố chi phí, giá cả. Trước hết là chi phí về nguyên vật liệu, hàng hóa nhập khẩu. Nếu chi phí ở nước ngoài tăng thì trong nước chắc chắn cũng bị tác động; hay nếu thị trường bên ngoài bất ổn thì trong nước cũng có thể bị ảnh hưởng. Đây là vấn đề cần phải lường trước.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh thúc đẩy tăng trưởng nhưng vẫn phải giữ cân đối vĩ mô, những yếu tố này đều gây áp lực rất lớn lên điều hành kinh tế cũng như hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, nhìn vào các con số chung, tôi cho rằng bức tranh này có thể có cả những mặt tích cực, nhưng cần được phân tích và chứng minh cụ thể.

Chẳng hạn, khi nền kinh tế đang tăng trưởng cao và chúng ta đặt mục tiêu tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng, việc gia tăng nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất, máy móc, thiết bị rõ ràng có mối quan hệ với hoạt động đầu tư và tăng trưởng. Điều đó có thể lý giải nền kinh tế cũng đang tăng đầu tư, chuẩn bị cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và chu kỳ phát triển tiếp theo, qua đó đóng góp vào tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Thế nhưng, sâu xa hơn nữa, khi nhập khẩu máy móc, nguyên vật liệu để phục vụ cho tăng trưởng, chúng ta mong muốn cơ hội tăng trưởng đó phải là cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước. Đây là cơ hội tốt để nâng cao năng lực sản xuất, chứ không phải chúng ta lại xây dựng năng lực chủ yếu bằng nhập khẩu.

Vì vậy, theo tôi, cần bóc tách sâu hơn bức tranh xuất nhập khẩu. Không chỉ nhìn vào quy mô, giá trị kim ngạch, mà cần xem mức tăng đó có chịu tác động bởi yếu tố giá hay không; bức tranh xuất nhập khẩu có cân bằng không, cơ cấu trong từng lĩnh vực, từng mặt hàng như thế nào; mối quan hệ giữa nhập khẩu và xuất khẩu, giữa các chủ thể, thậm chí là trong từng doanh nghiệp lớn, ra sao?

Có như vậy mới có thể nhận diện rõ hơn đâu là những yếu tố mang tính thời điểm và đâu là nguyên nhân căn cơ của bức tranh xuất nhập khẩu hiện nay.

TCCT: *Như ông vừa phân tích, nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ tăng trưởng cũng có thể mở ra cơ hội cho sản xuất trong nước. Các số liệu cho thấy nhập khẩu nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 426,92 tỷ USD trong 9 tháng, chiếm 94,1% tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong đó, nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 58,3%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 35,8%.*

Theo ông, cần làm gì để chuyển hóa hiệu quả nguồn lực nhập khẩu thành năng lực sản xuất, phát triển sản phẩm và nâng cao giá trị gia tăng trong nước, qua đó giúp doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị?

ÔNG PHAN ĐỨC HIẾU: Đối với xuất nhập khẩu, tôi nghĩ có hai vấn đề mà chúng ta luôn mong muốn đạt được.

Thứ nhất, phải gia tăng giá trị, đặc biệt là giá trị tạo ra cho doanh nghiệp trong nước. Muốn vậy, doanh nghiệp Việt Nam phải tham gia, kết nối nhiều hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, đồng thời tham gia cung cấp nhiều hơn nguyên vật liệu sản xuất trong nước cho các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu.

Thứ hai, bản thân doanh nghiệp trong nước phải tự nâng cao năng lực và tham gia trực tiếp vào các hoạt động kinh tế trong nước và quốc tế.

Để cải thiện hai vấn đề này, tôi cho rằng hiện nay các chủ trương của Đảng đã rất rõ, đặc biệt là trong thời gian vừa qua, chúng ta đã có bộ ba Nghị quyết về kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Tất cả những quan điểm, chủ trương, mục tiêu đã được xác định khá đầy đủ. Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành cũng đang rất tích cực, quyết liệt trong việc thể chế hóa các Nghị quyết của Đảng.

Điều quan trọng nhất bây giờ là phải chuyển những định hướng, giải pháp đó thành thực tiễn. Theo tôi, không nên chỉ dừng lại ở việc xây dựng pháp luật và các khung chính sách, mà cần có những chương trình cụ thể để thể chế hóa các Nghị quyết của Đảng và các quy định của pháp luật, như chương trình kết nối doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài; chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực sản xuất.

Nói đến xuất khẩu hay nhập khẩu, tôi vẫn cho rằng, xét về bản chất, vấn đề không chỉ là mở rộng thị trường hay bao bì, đóng gói, mà quan trọng nhất vẫn là năng lực sản xuất ra những sản phẩm thực sự có chất lượng và sức cạnh tranh. Vì vậy, các chương trình nâng cao năng lực sản xuất phải được coi là giải pháp căn bản, chứ không

phải những chương trình mang tính chất bổ trợ. Ở thời điểm này, tôi rất mong các cơ quan quản lý nhà nước, bên cạnh việc hoàn thiện các khung chính sách, cần lựa chọn và triển khai những chương trình thiết thực.

Đây cũng là một cơ hội rất tốt khi chúng ta đặt mục tiêu tăng trưởng và phát triển. Chúng ta có cơ hội đầu tư, mua sắm trang thiết bị, tư liệu sản xuất để phục vụ các chu kỳ sản xuất mới. Nhưng nếu có thể biến cơ hội từ nhập khẩu đó thành cơ hội phát triển năng lực sản xuất trong nước thì đây sẽ là một dư địa rất lớn. Nói cách khác, phải làm sao biến những cơ hội tăng trưởng của nền kinh tế thành cơ hội cho chính doanh nghiệp trong nước.

Một vấn đề nữa là cần sớm nghĩ đến một chiến lược xuất nhập khẩu theo hướng bài bản và căn cơ hơn. Ở đây không nên chỉ dừng lại ở xuất nhập khẩu hàng hóa mà còn phải tính đến bài toán về xuất nhập khẩu dịch vụ.

Theo tôi, chiến lược này phải hướng vào những giải pháp thực sự nâng cao năng lực sản xuất trong nước và tận dụng ngay chính cơ hội phát triển của mình, thay vì chỉ tập trung vào các biện pháp mang tính bổ trợ.

Đây rõ ràng không phải là một bài toán dễ và cũng không nên coi là một bài toán ngắn hạn. Có những giải pháp cần triển khai ngay trong ngắn hạn, nhưng tổng thể phải được đặt trong một bài toán dài hạn, gắn với mục tiêu tăng trưởng của đất nước.

TCCT: *Thưa ông, để giải quyết được những vấn đề đó, đâu là những ưu tiên chính sách cần tập trung, ưu tiên để vừa tận dụng được nguồn lực nhập khẩu cho tăng trưởng trước mắt, vừa từng bước nâng cao năng lực tự chủ của nền kinh tế theo hướng bền vững trong lâu dài?*

ÔNG PHAN ĐỨC HIẾU: Đây đúng là câu chuyện của toàn nền kinh tế, của tất cả các ngành, các cấp. Tôi cho rằng các chủ trương và định hướng giải pháp hiện nay đã khá rõ và tương đối đầy đủ. Tôi chỉ muốn gợi ý thêm một số vấn đề trong quá trình triển khai.

Trước hết, các cơ quan cần bám sát diễn biến xuất nhập khẩu để có động thái, chính sách điều tiết phù hợp, nhất là đối với các vấn đề về tỷ giá, thanh toán, dự trữ ngoại hối...

Bên cạnh đó, có 3 vấn đề mà tôi cho rằng cần đặc biệt quan tâm.

Thứ nhất, xem xét cơ hội phát triển của chúng ta theo mục tiêu và mong muốn dài hạn. Trước mắt chúng ta có thể nhập tư liệu sản xuất, máy móc, thiết bị để đáp ứng yêu cầu phát triển, nhưng không nên để tình trạng này tiếp tục kéo dài. Khi xây dựng các chương trình, giải pháp, phải coi yêu cầu tăng trưởng hiện nay là một cơ hội để nâng cao năng lực sản xuất trong nước.

Tôi vẫn nhìn nhận đây là một cơ hội chưa từng có. Vì vậy, các chương trình cần hướng đến mục tiêu từng bước thay thế những máy móc, tư liệu sản xuất mà chúng ta đang nhập khẩu. Thời kỳ đầu có thể không tránh khỏi, nhưng về lâu dài phải hướng tới nâng cao năng lực sản xuất để trong nước tự chủ được, bởi đây không phải là câu chuyện chỉ diễn ra trong vòng một, hai năm tới.

Thứ hai, chúng ta nói nhiều về liên kết doanh nghiệp trong nước với FDI, về việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Nhưng theo tôi, tại sao chúng ta không tiếp cận theo hướng phát triển những chuỗi giá trị của doanh nghiệp Việt? Điều này đã được nhắc đến nhưng chưa thực sự rõ nét.

Chúng ta đã có định hướng thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam "Go Global", cần hình thành những doanh nghiệp trong nước đủ năng lực đứng đầu, dẫn dắt và tạo ra các chuỗi giá trị của Việt Nam, của doanh nghiệp Việt. Tôi tin rằng chúng ta có thể làm được, nhưng rõ ràng cần những biện pháp mạnh mẽ hơn để các doanh nghiệp lớn dẫn dắt, vươn ra nước ngoài và kéo theo các doanh nghiệp khác trong chuỗi. Chúng ta khó có thể chỉ trông chờ vào việc được tham gia vào các chuỗi sẵn có, mà phải chủ động hơn để thay đổi cuộc chơi thông qua từng bước định hình chuỗi của chính mình.

Thứ ba, đối với bài toán xuất nhập khẩu, cần chú ý hơn đến một số vấn đề kỹ thuật. Trước hết, phải rất minh bạch về nguồn gốc xuất xứ và ghi nhãn, đặc biệt đối với những sản phẩm xuất khẩu sang những thị trường mà Việt Nam có mức xuất siêu lớn. Điều này rất quan trọng. Chúng ta phải kiểm soát tốt, bảo đảm minh bạch, tuân thủ tuyệt đối các quy định, đồng thời kịp thời cung cấp thông tin và giải trình để tránh những quan ngại không đáng có.

Cùng với đó, đối với sản xuất trong nước, cần nâng cao chất lượng chứng nhận xuất xứ hàng hóa, ghi nhãn, và tiếp tục tăng cường đấu tranh với các hành vi vi phạm sở hữu trí tuệ. Chính phủ thời gian qua đã rất tích cực trong vấn đề này, nhưng đây là công việc phải làm thường xuyên và không có điểm dừng.

Một doanh nghiệp bỏ ra rất nhiều nguồn lực để nghiên cứu, phát triển, tạo ra một sản phẩm, trong khi vòng đời của sản phẩm hiện nay ngày càng ngắn. Nếu sản phẩm đó bị xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thì gần như chúng ta không tạo được cơ hội cho doanh nghiệp, chưa kể đến bối cảnh hiện nay các nền kinh tế khác cũng rất quan tâm đến vấn đề này.

Làm tốt những vấn đề này sẽ góp phần nâng cao tính minh bạch cũng như năng lực sản xuất trong nước.

TCCT: *Trân trọng cảm ơn ông!*

TÁI CẤU TRÚC NGUỒN CUNG, TẬN DỤNG LỢI THẾ CỦA HIỆP ĐỊNH CPTPP

SAU HƠN 7 NĂM THỰC THI, HIỆP ĐỊNH CPTPP ĐÃ MỞ RA KHÔNG GIAN THỊ TRƯỜNG RỘNG LỚN CÙNG NHỮNG ƯU ĐÃI ĐÁNG KỂ CHO HÀNG HÓA VIỆT NAM. TUY NHIÊN, KHẢ NĂNG TẬN DỤNG CÁC LỢI THẾ NÀY VẪN CHƯA TƯƠNG XỨNG VỚI QUY MÔ CỦA THỊ TRƯỜNG. VẤN ĐỀ KHÔNG CHỈ NẰM Ở NĂNG LỰC XUẤT KHẨU, MÀ SÂU HƠN LÀ CẤU TRÚC NGUỒN CUNG VÀ MỨC ĐỘ THAM GIA CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM VÀO CHUỖI GIÁ TRỊ TRONG NỘI KHỐI.

● VIỆT HẰNG

Theo chia sẻ của ông Ngô Chung Khanh, Phó Vụ trưởng Vụ Phát triển thị trường nước ngoài và Thương mại đa biên (Bộ Công Thương) tại Tọa đàm với chủ đề: "Từ "Made in Vietnam" đến "Made in CPTPP": Tái cấu trúc nguồn cung để đáp ứng xuất xứ và tăng sức chống chịu" do Tạp chí Công Thương tổ chức mới đây, năm 2025, tổng kim ngạch nhập khẩu của khối CPTPP, không tính Việt Nam, khoảng 4.250 tỷ USD, trong khi xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường CPTPP đạt hơn 70 tỷ USD. Thị phần của Việt Nam vì vậy mới chỉ chiếm hơn 1%. Đáng chú ý, tỷ lệ sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) ưu đãi năm 2025 chưa đến 10%.

Khoảng cách này cho thấy, dư địa từ CPTPP còn rất lớn. Tuy nhiên, để biến dư địa thành giá trị thực tế, doanh nghiệp không thể chỉ tiếp tục cách tiếp cận truyền thống là sản xuất tại Việt Nam rồi tìm cách đưa hàng vào thị trường CPTPP. Yêu cầu đặt ra là phải nhìn lại toàn bộ chuỗi cung ứng, từ nguyên liệu, nhà cung cấp, công nghệ, phương thức sản xuất đến liên kết với các đối tác trong và ngoài nước. Đây chính là nội hàm của bài toán tái cấu trúc nguồn cung.

Tái cấu trúc nguồn cung: Từ bài toán xuất khẩu sang bài toán năng lực cạnh tranh

CPTPP tạo ra lợi thế về thị trường và thuế quan, nhưng ưu đãi chỉ trở thành lợi thế cạnh tranh khi doanh nghiệp đáp ứng được các quy tắc xuất xứ tương ứng. Vì vậy, năng lực sản xuất trong nước không còn là điều kiện duy nhất quyết định khả năng tận dụng FTA.

Dệt may là ví dụ rõ nét. Năm 2025, xuất khẩu dệt may Việt Nam sang khu vực CPTPP đạt 8,3 tỷ USD, tăng 33,3% so với thời điểm trước khi Hiệp định có hiệu lực. Tuy nhiên, ngành vẫn gặp khó trong việc tận dụng đầy đủ ưu đãi do quy tắc xuất xứ "từ sợi trở đi" (yarn forward).

Theo ông Trương Văn Cẩm, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Dệt may Việt Nam: *"Quy tắc xuất xứ "từ sợi trở đi" là rào cản lớn. Trong chuỗi sản xuất, khâu sợi đáp ứng khá tốt, nhưng điểm nghẽn lớn nhất là khâu dệt, nhuộm và hoàn tất vải"*. Điểm đáng chú ý là nút thắt này không đơn thuần nằm ở một công đoạn sản xuất. Nó phản ánh sự phụ thuộc của doanh nghiệp vào một hệ thống nguồn cung đã hình thành từ trước, trong khi nguồn nguyên phụ liệu trong nội khối CPTPP chưa đủ đa dạng để dễ dàng thay thế các nguồn cung truyền thống.

Cũng theo chia sẻ của ông Cẩm, giá trị nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may từ các nước CPTPP trong giai đoạn 2018-2025 gần như không tăng, duy trì khoảng 1,58-1,59 tỷ USD/năm. Cùng với đó, phương thức sản xuất CMT (gia công) vẫn phổ biến. Khi doanh nghiệp chủ yếu gia công theo đơn đặt hàng, khách hàng thường cung cấp hoặc chỉ định nguồn nguyên phụ liệu, khiến doanh nghiệp không hoàn toàn chủ động trong việc lựa chọn nguồn cung đáp ứng quy tắc xuất xứ CPTPP.

“Quy tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” là rào cản lớn. Trong chuỗi sản xuất, khâu sợi đáp ứng khá tốt, nhưng điểm nghẽn lớn nhất là khâu dệt, nhuộm và hoàn tất vải”

Ông Trương Văn Cẩm
Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký
Hiệp hội Dệt may Việt Nam



Như vậy, tái cấu trúc nguồn cung trước hết phải bắt đầu từ việc doanh nghiệp nhìn lại toàn bộ chuỗi giá trị mà mình đang tham gia. Nguồn cung nào đang được sử dụng? Xuất xứ ở đâu? Tỷ trọng bao nhiêu? Có đáp ứng quy tắc xuất xứ CPTPP hay không? Công đoạn nào có thể thay thế ngay, công đoạn nào cần thời gian và công nghệ, công đoạn nào phải đầu tư mới?

Đây cũng là cách tiếp cận được ông Trương Văn Cẩm đề xuất: doanh nghiệp cần đánh giá toàn bộ chuỗi cung ứng và phân loại nguồn cung thành: những nhóm có thể thay thế ngay; những nguồn khó thay thế do hạn chế về năng lực, công nghệ và những nguồn chưa thể khai thác từ thị trường CPTPP.

Điều quan trọng là quá trình này không nhất thiết phải diễn ra đồng loạt. Doanh nghiệp có thể đi từng bước, bắt đầu từ những nguồn cung có khả năng chuyển đổi cao, sau đó xử lý các mắt xích khó hơn. Với những nguyên liệu chưa có khả năng sản xuất trong nước, một hướng giải quyết được đề xuất là liên kết hoặc liên doanh với các nhà sản xuất có thế mạnh về nguyên phụ liệu để tổ chức sản xuất tại Việt Nam, qua đó từng bước hình thành nguồn cung phù hợp hơn với yêu cầu xuất xứ.

Cách tiếp cận này giúp chuyển bài toán nguồn cung từ xử lý tình huống sang hoạch định chiến lược. Doanh nghiệp không chỉ tìm nguyên liệu có giá và chất lượng phù hợp, mà phải đồng thời tính đến xuất xứ, khả năng đáp ứng quy tắc CPTPP, độ ổn định của nguồn cung và khả năng mở rộng thị trường.

“Made in CPTPP” và tư duy chiến lược về tham gia chuỗi giá trị khu vực

Nếu “Made in Vietnam” nhấn mạnh nơi sản xuất, thì “Made in CPTPP” đặt trọng tâm vào mạng lưới giá trị mà doanh nghiệp Việt Nam tham gia.

Đây không phải là sự thay thế đơn giản về cách gọi, mà là một chuyển dịch về tư duy chiến lược. Với những cam kết thuận lợi, CPTPP không chỉ tạo ra một tập hợp các thị trường xuất khẩu ưu đãi, mà còn là không gian cung ứng nguyên phụ liệu, công nghệ, máy móc, đầu tư và liên kết sản xuất.

Theo đó, “Made in CPTPP” đòi hỏi doanh nghiệp chuyển từ tư duy coi CPTPP là thị trường tiêu thụ sang nhìn nhận CPTPP như một không gian chuỗi cung ứng. Đồng thời, quy tắc xuất xứ cần được sử dụng như một công cụ để thiết kế chuỗi cung ứng, thay vì chỉ được xem là điều kiện cần kiểm tra sau khi hàng hóa đã được sản xuất. Đây là điểm thay đổi căn bản.

Với cách làm truyền thống, doanh nghiệp thường nhập nguyên liệu, tổ chức sản xuất rồi mới xác định sản phẩm có đáp ứng quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi hay không. Với tư duy mới, doanh nghiệp phải đi theo chiều ngược lại: xác định thị trường mục tiêu và quy tắc xuất xứ, từ đó lựa chọn nguồn nguyên liệu và thiết kế chuỗi cung ứng phù hợp.

Từ góc độ này, quy tắc xuất xứ không còn chỉ là một “rào cản kỹ thuật” mà trở thành một chỉ dẫn cho chiến lược nguồn cung. Doanh nghiệp càng

"Quy tắc xuất xứ ở trong CPTPP không phải là cái để chúng ta đáp ứng, mà là một cách để chúng ta thiết kế lại chuỗi cung ứng"

Ông Ngô Chung Khanh

Phó Vụ trưởng Vụ Phát triển thị trường nước ngoài và Thương mại đa biên (Bộ Công Thương)

hiểu rõ quy tắc, càng có khả năng chủ động lựa chọn nhà cung cấp, tổ chức sản xuất và xây dựng liên kết phù hợp.

Tư duy "Made in CPTPP" cũng đặt ra một yêu cầu lớn hơn: thay vì chỉ tận dụng CPTPP để bán nhiều hàng hơn, doanh nghiệp phải tìm cách tạo ra nhiều giá trị gia tăng hơn trong không gian CPTPP thông qua hợp tác với các nước CPTPP.

Ở đây, mục tiêu của tái cấu trúc nguồn cung không chỉ là đáp ứng C/O để hưởng thuế suất ưu đãi. Mục tiêu sâu hơn là nâng vị trí của doanh nghiệp trong chuỗi giá trị: từ gia công sang chủ động hơn về nguyên liệu, thiết kế sản xuất, quản trị chuỗi cung ứng và liên kết với các đối tác trong khu vực.

Đây cũng là lý do quá trình chuyển đổi phương thức sản xuất có ý nghĩa quan trọng. Thực tế ngành dệt may cho thấy doanh nghiệp đang từng bước chuyển từ CMT sang các phương thức có mức độ chủ động cao hơn như: FOB, OEM, nhưng đây là quá trình cần thời gian.

Khi doanh nghiệp nâng được mức độ chủ động trong chuỗi, việc tái cấu trúc nguồn cung sẽ không còn là câu chuyện riêng của bộ phận thu mua, mà trở thành một phần của chiến lược kinh doanh và chiến lược thị trường.

Tái cấu trúc nguồn cung: Từ lựa chọn nhà cung cấp đến nâng cấp vị trí trong chuỗi giá trị

Để "Made in CPTPP" trở thành một chiến lược thực tế, các chuyên gia khuyến nghị, việc đầu tiên là doanh nghiệp phải có bản đồ nguồn cung của chính mình. Không thể tái cấu trúc một chuỗi cung ứng nếu không biết chuỗi đó đang phụ thuộc vào đâu và điểm yếu nằm ở vị trí nào.

Theo hướng tiếp cận này, doanh nghiệp cần rà soát toàn bộ chuỗi cung ứng, xác định nguồn gốc và tỷ trọng của từng nguồn cung, sau đó phân loại theo khả năng đáp ứng tiêu chí CPTPP. Những nguồn có thể thay thế cần được ưu tiên chuyển đổi; những nguồn khó thay thế cần có lộ trình đầu tư về năng lực và công nghệ; còn những nguồn chưa thể tìm thấy trong nội khối có thể trở thành đối tượng để doanh nghiệp nghiên cứu đầu tư hoặc liên kết sản xuất.

Liên kết sản xuất vì vậy có thể trở thành một giải pháp quan trọng. Thay vì chỉ nhập khẩu nguyên liệu, doanh nghiệp có thể tìm kiếm các đối tác có năng lực để cùng đầu tư, liên doanh hoặc tổ chức sản xuất tại Việt Nam. Khi nguồn cung được đặt ngay trong chuỗi sản xuất phù hợp với quy tắc xuất xứ, doanh nghiệp vừa giảm mức độ phụ thuộc, vừa tăng khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường CPTPP.

Ở cấp độ hỗ trợ thị trường, cách thức xúc tiến thương mại cũng cần được mở rộng. Nếu trước đây trọng tâm là tìm kiếm người mua, thì với yêu cầu tái cấu trúc nguồn cung, cần đồng thời tìm kiếm nhà cung cấp, nhà đầu tư và đối tác sản xuất.

Ông Ngô Chung Khanh nhấn mạnh: "*Chúng ta không chỉ xúc tiến thương mại mà nên xúc tiến chuỗi cung ứng*" và cho rằng, các Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài không chỉ tìm buyer (nhà mua hàng) mà còn có thể tìm supplier (nhà cung cấp), trader (thương nhân) và các đối tác có khả năng cung cấp nguyên liệu, phụ liệu…, qua đó kết nối với doanh nghiệp Việt Nam. Đây là sự thay đổi đáng chú ý trong cách hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA. Khi trọng tâm chuyển từ "bán hàng" sang "xây dựng chuỗi", hoạt động xúc tiến thương mại có thể đóng vai trò kết nối cả hai phía của thị trường: đầu ra và đầu vào.

Về phía doanh nghiệp, điều cần thay đổi trước hết là cách nhìn về nguồn cung. Nguồn cung không còn chỉ được đánh giá bằng giá thành hay khả năng giao hàng, mà phải được đặt trong tổng thể chiến lược thị trường, xuất xứ và khả năng chống chịu của chuỗi.

Về phía liên kết ngành, cần hình thành các mối quan hệ hợp tác dài hạn hơn giữa doanh nghiệp sản xuất, nhà cung cấp nguyên phụ liệu và các đối tác đầu tư. Mục tiêu không chỉ là tăng tỷ lệ nội địa hóa theo nghĩa đơn thuần, mà là hình thành những mắt xích có khả năng tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực.

Còn ở cấp độ chính sách, việc thúc đẩy "Made in CPTPP" cần được nhìn nhận như một định hướng dài hạn. CPTPP sẽ phát huy hiệu quả cao hơn khi doanh nghiệp Việt Nam không chỉ xuất khẩu vào các nước thành viên mà còn tham gia vào quá trình tạo ra giá trị gia tăng trong chính không gian CPTPP ■

HOÀN THIỆN CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU:

NÂNG CAO NĂNG LỰC BẢO ĐẢM NGUỒN CUNG VÀ TÍNH THỊ TRƯỜNG

BỘ CÔNG THƯƠNG ĐANG TIẾP TỤC HOÀN THIỆN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH MỚI VỀ KINH DOANH XĂNG DẦU THEO HƯỚNG TĂNG TÍNH THỊ TRƯỜNG, NÂNG QUYỀN CHỦ ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, LÀM RÕ TRÁCH NHIỆM BẢO ĐẢM NGUỒN CUNG VÀ TĂNG CƯỜNG GIÁM SÁT BẰNG DỮ LIỆU.

● THY THẢO



Tăng tính thị trường trong cơ chế quản lý xăng dầu

Sau hơn một thập kỷ thực hiện Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và các nghị định sửa đổi, bổ sung, thị trường xăng dầu đã thay đổi đáng kể cả về cơ cấu nguồn cung, hệ thống phân phối và phương thức tổ chức kinh doanh.

Theo đánh giá của Bộ Công Thương, hệ thống chính sách hiện hành đã góp phần đưa thị trường xăng dầu vận hành cơ bản theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, mở rộng hệ thống phân phối và nhìn chung bảo đảm nguồn cho sản xuất, tiêu dùng.

Tuy nhiên, thị trường ngày càng chịu tác động mạnh từ biến động địa chính trị, giá dầu thế giới, nguồn cung và chi phí vận tải; trong khi cơ cấu nguồn trong nước cũng thay đổi đáng kể khi các nhà máy lọc dầu trong nước đảm nhận tỷ trọng lớn hơn nhu cầu nội địa. Cùng với quá trình đó, một số giới hạn của cơ chế quản lý hiện hành cũng dần bộc lộ rõ hơn.

Sự thay đổi của thị trường đặt ra yêu cầu điều chỉnh tương ứng đối với phương thức quản lý.

Ở khâu điều hành giá, cơ chế hiện hành đòi hỏi cơ quan quản lý và doanh nghiệp thực hiện qua nhiều bước, trong khi doanh nghiệp phụ thuộc khá lớn vào giá cơ sở được công bố định kỳ. Một số yếu tố hình thành giá được xác định trên cơ sở dữ liệu của kỳ trước nên có thể chưa phản ánh kịp thời biến động thực tế của hoạt động kinh doanh.

Trong hệ thống phân phối, việc mở rộng các loại hình thương nhân đã góp phần tạo thêm lựa chọn nguồn hàng và tăng mức độ tham gia thị trường, nhưng đồng thời cũng làm xuất hiện những tầng nấc giao dịch khó xác định rõ giá trị gia tăng. Việc thương nhân phân phối mua bán lẫn nhau không làm phát sinh thêm nguồn cung mới, trong khi có thể làm phức tạp hơn việc kiểm soát nguồn hàng.

Từ những vấn đề đó, hướng sửa đổi hiện nay không chỉ tập trung điều chỉnh từng điều kiện kinh doanh riêng lẻ, mà đi xa hơn theo hướng thay đổi cách Nhà nước quản lý thị trường.

Phát biểu tại Hội nghị lấy ý kiến rộng rãi Dự thảo Nghị định thay thế các Nghị định của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu ngày 30/9/2026, Thứ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Việt Sơn cho biết, Nghị định có phạm vi điều chỉnh rộng, nội dung phức tạp, tác động trực tiếp đến hoạt động của hàng nghìn doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, hệ thống cửa hàng bán lẻ và người tiêu dùng; đồng thời liên quan chặt chẽ đến bảo đảm an ninh năng lượng, cung ứng xăng dầu và ổn định kinh tế vĩ mô.

"*Tinh thần xuyên suốt của Nghị định mới là hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu theo hướng minh bạch, ổn định, phù hợp với cơ chế thị trường; giảm các khâu trung gian không cần thiết, giảm thủ tục hành chính, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng và nâng cao tính chủ động của doanh nghiệp",* Thứ trưởng Nguyễn Việt Sơn nhấn mạnh.

Theo nội dung mà Bộ Công Thương công bố tại Hội nghị, Dự thảo Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu được xây dựng theo hướng doanh nghiệp quyết định giá, Nhà nước kiểm tra, giám sát, thay cho việc Nhà nước công bố giá cơ sở định kỳ như hiện nay. Doanh nghiệp phải công bố giá trước thời điểm điều chỉnh, thực hiện kê khai sau khi điều chỉnh và kết nối dữ liệu giá với cơ quan quản lý.

Công thức giá cũng được thiết kế theo hướng để một số yếu tố phản ánh sát hơn thực tế kinh doanh, gồm giá mua, chi phí tạo nguồn, chi phí kinh doanh định mức, lợi nhuận và thuế. Giá mua và chi phí tạo nguồn do thương nhân xác định theo thực tế; chi phí kinh doanh định mức có mức khởi điểm do cơ quan quản lý công bố, được điều chỉnh theo CPI và rà soát định kỳ trên cơ sở chi phí thực tế đã được kiểm toán.

Sự thay đổi này không đồng nghĩa Nhà nước rút khỏi quản lý giá. Điểm khác biệt nằm ở chỗ vai trò quản lý chuyển dần từ trực tiếp xác lập một mức giá tham chiếu chung sang thiết lập nguyên tắc, yêu cầu công khai, kê khai và giám sát việc hình thành giá của doanh nghiệp. Khi thị trường xuất hiện biến động bất thường gây tác động lớn đến kinh tế - xã hội, Nhà nước vẫn giữ quyền áp dụng các biện pháp bình ổn theo quy định. Quyền quyết định lớn hơn của doanh nghiệp vì thế cũng đi cùng trách nhiệm giải trình, trong khi Nhà nước vẫn giữ các công cụ can thiệp khi thị trường xuất hiện rủi ro cần xử lý.

Cùng với cơ chế giá, hệ thống phân phối cũng được định hướng tinh gọn hơn. Bộ Công Thương đề xuất sắp xếp lại các loại hình đại lý bán lẻ, thương nhân nhận quyền và thương nhân phân phối theo hướng giảm thủ tục, đồng thời làm rõ hơn quan hệ giữa thương nhân cung cấp và thương nhân phân phối. Hướng điều chỉnh này nhằm giảm bớt các tầng nấc trung gian trong chuỗi phân phối, đồng thời vẫn duy trì cạnh tranh và khả năng lựa chọn nguồn hàng của các chủ thể trên thị trường.

Với hoạt động mua bán giữa các thương nhân

phân phối, cơ quan soạn thảo vẫn đang lấy ý kiến các phương án khác nhau nhằm vừa tạo dư địa cho hoạt động kinh doanh, vừa bảo đảm giao dịch gắn với hàng hóa thực tế, trách nhiệm nguồn cung và khả năng truy xuất dòng hàng.

Như vậy, câu chuyện không còn chỉ là doanh nghiệp được trao thêm quyền hay một số thủ tục được cắt giảm. Quan trọng hơn là sự chuyển dịch trong phương thức quản lý: tăng tính thị trường trong hoạt động kinh doanh, đồng thời làm rõ hơn trách nhiệm của các chủ thể và yêu cầu giám sát của cơ quan quản lý.

Nâng năng lực đầu mối, làm rõ trách nhiệm bảo đảm nguồn cung

Một cơ chế thị trường hơn đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn đối với những chủ thể giữ vai trò tạo nguồn. Số lượng thương nhân đầu mối không tự thân phản ánh năng lực bảo đảm nguồn cung; điều quan trọng là khả năng tạo nguồn, duy trì dự trữ và bảo đảm cung ứng của từng thương nhân.

Thực tế những năm qua cho thấy, quy mô và năng lực giữa các thương nhân đầu mối có sự chênh lệch đáng kể. Trong khi đó, đây là nhóm chủ thể trực tiếp tham gia tạo nguồn, tổ chức nhập khẩu, mua từ các nhà máy lọc dầu trong nước, dự trữ và phân phối xăng dầu ra thị trường.

Năm 2025, tổng nguồn xăng dầu cho tiêu thụ nội địa ước đạt khoảng 28,6 triệu m^3/tấn, trong khi tiêu thụ khoảng 26,4 triệu m^3/tấn. Đến cuối năm 2025, thị trường có 26 thương nhân đầu mối xăng dầu mặt đất, 5 thương nhân nhiên liệu hàng không và 252 thương nhân phân phối. Tuy vậy, Bộ Công Thương vẫn ghi nhận có trường hợp thương nhân chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, chưa đáp ứng kế hoạch tổng nguồn tối thiểu được phân giao.

Sang năm 2026, tổng nguồn tối thiểu được phân giao gần 31,8 triệu m^3/tấn, bình quân khoảng 2,65 triệu m^3/tấn/tháng. Cùng với yêu cầu bảo đảm đủ nguồn cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng, công tác điều hành cũng đặt trọng tâm vào việc giám sát thực hiện tổng nguồn và hạn chế nguy cơ thiếu hàng, đứt gãy cục bộ.

Trong Tờ trình Chính phủ về việc xây dựng Nghị định mới từ năm 2024, Bộ Công Thương từng chỉ ra có thương nhân đầu mối thực hiện tổng nguồn rất thấp so với quy mô thị trường; một số doanh nghiệp có quy mô nhỏ khó cạnh tranh về chi phí trong khâu tạo nguồn





và phân phối, qua đó hạn chế khả năng đóng góp thực chất vào mục tiêu bảo đảm nguồn cung.

Yêu cầu đặt ra vì vậy không chỉ là có bao nhiêu thương nhân đầu mối, mà là các thương nhân này có đủ năng lực tạo nguồn và thực hiện trách nhiệm với thị trường hay không.

Theo hướng chính sách mới đang được Bộ Công Thương hoàn thiện, điều kiện đối với thương nhân đầu mối được nâng lên cả về cơ sở vật chất, hệ thống phân phối và kinh nghiệm tham gia thị trường. Bên cạnh các điều kiện về cảng chuyên dụng, kho tiếp nhận, cửa hàng bán lẻ và hệ thống thương nhân phân phối, thương nhân đầu mối còn phải thực hiện tổng nguồn xăng dầu tối thiểu được phân giao, duy trì dự trữ lưu thông và kết nối dữ liệu với cơ quan quản lý.

Mức tổng nguồn tối thiểu được đề xuất ở mức không thấp hơn 300.000 m^3/năm, trừ nhiên liệu hàng không, áp dụng từ kỳ phân giao năm 2027. Cách xác định tổng nguồn cũng hướng vào năng lực tạo nguồn thực tế: xăng dầu nhập khẩu, mua từ nhà máy lọc dầu trong nước, mua từ thương nhân bao tiêu hoặc do thương nhân tự sản xuất, pha chế được tính vào tổng nguồn; còn lượng xăng dầu mua bán giữa các thương nhân đầu mối với nhau không được tính.

Thương nhân phải bảo đảm nguồn cung không thấp hơn mức tổng nguồn tối thiểu được Bộ Công Thương phân giao; trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương có thể quyết định tiến độ nhập khẩu, mua xăng dầu trong nước hoặc điều chỉnh tăng tổng nguồn để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Trách nhiệm bảo đảm nguồn cung cũng không dừng ở tổng nguồn. Thương nhân đầu mối phải duy trì dự trữ lưu thông theo quy định, bảo đảm hoạt động của hệ thống phân phối và thực hiện kết nối dữ liệu về kho, bồn bể, tổng nguồn, nhập - xuất - tồn kho với Bộ Công Thương.

Đi cùng với các nghĩa vụ này là chế tài cụ thể. Trường hợp thương nhân không thực hiện đủ tổng nguồn tối thiểu trong hai năm liên tiếp, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chỉ đạo về bảo đảm nguồn cung, hoặc không khắc phục vi phạm về điều kiện và dự trữ trong thời hạn quy định, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối có thể bị xem xét thu hồi.

Đằng sau việc nâng điều kiện đối với thương nhân đầu mối là sự chuyển dịch từ việc chú trọng điều kiện gia nhập sang đánh giá năng lực thực hiện trách nhiệm sau khi đã tham gia thị trường.

Dù vậy, Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước cho biết, việc nâng điều kiện không nhằm loại bỏ doanh nghiệp khỏi thị trường, mà nhằm đặt ra ngưỡng năng lực phù hợp đối với chủ thể giữ vai trò tạo nguồn và bảo đảm cung ứng. Quyền kinh doanh được đặt song hành với nghĩa vụ tạo nguồn, dự trữ và cung ứng; còn khả năng duy trì vị trí của thương nhân đầu mối ngày càng gắn với mứ³c độ thực hiện những nghĩa vụ đó trong thực tế.

Tăng quyền tự chủ, nâng yêu cầu giám sát thị trường

Khi doanh nghiệp được trao quyền chủ động nhiều hơn trong quyết định giá và tổ chức kinh doanh, yêu cầu đặt ra đối với cơ quan quản lý cũng thay đổi. Thay vì dựa nhiều vào cơ chế phê duyệt, giá tham chiếu hay các báo cáo rời rạc, quản lý thị trường cần dựa nhiều hơn vào dữ liệu, khả năng giám sát và các công cụ can thiệp có mục tiêu khi thị trường xuất hiện rủi ro.

Đây cũng là bài toán đã được đặt ra trong quá trình xây dựng Nghị định mới. Tờ trình năm 2024 của Bộ Công Thương đánh giá việc số hóa, kết nối dữ liệu giữa doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu với cơ quan quản lý còn chưa đầy đủ; trong khi dữ liệu về tổng nguồn, tiêu thụ, tồn kho cần được cập nhật nhanh và kịp thời hơn để phục vụ công tác quản lý, điều hành thị trường.

Vấn đề đặt ra là, khi doanh nghiệp được trao nhiều quyền chủ động hơn trong quyết định giá và tổ chức kinh doanh, Nhà nước sẽ giám sát thị trường bằng cách nào để kịp thời nhận diện, xử lý rủi ro mà không quay trở lại cơ chế can thiệp hành chính sâu?

Theo ông Trần Hữu Linh - Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, hướng quản lý mới là chuyển dần từ can thiệp trực tiếp vào hoạt động kinh doanh sang thiết lập "luật chơi", giám sát việc tuân thủ và can thiệp khi cần thiết.

"*Tinh thần của dự thảo Nghị định mới là giảm trung gian nhưng không giảm cạnh tranh; đơn giản hóa thủ tục nhưng không buông lỏng quản lý. Nhà nước chuyển trọng tâm sang thiết lập các nguyên tắc của thị trường, quản lý bằng dữ liệu, tăng hậu kiểm và giám sát; doanh nghiệp được chủ động hơn nhưng phải chịu trách nhiệm rõ hơn về nguồn hàng và hoạt động kinh doanh của mình"*, ông Trần Hữu Linh nhấn mạnh.

Theo hướng này, dữ liệu không còn chỉ phục vụ tổng hợp và báo cáo. Thương nhân đầu mối phải kết nối dữ liệu về kho, bồn, bể chứa, tình hình thực hiện tổng nguồn, nhập - xuất - tồn kho; thương nhân phân phối kết nối dữ liệu về sản lượng mua, bán; các chủ thể có trách nhiệm kê khai giá cũng phải kết nối dữ liệu giá với cơ quan quản lý. Như vậy, cơ quan quản lý có thể đồng thời theo dõi ba yếu tố quan trọng của thị trường là nguồn cung, dòng hàng và giá bán.

Ý nghĩa của việc kết nối này không chỉ nằm ở việc có thêm dữ liệu. Quan trọng hơn, dữ liệu có thể trở thành cơ sở để nhận diện sớm những dấu hiệu cần lưu ý như nguồn cung suy giảm, tồn kho biến động mạnh, việc thực hiện tổng nguồn không đạt yêu cầu hoặc giá bán có diễn biến bất thường. Từ đó, cơ quan quản lý có thêm căn cứ để xác định mức độ rủi ro và lựa chọn biện pháp xử lý phù hợp, thay vì chỉ phản ứng sau khi vấn đề đã phát sinh.

Trong quản lý giá, cơ quan nhà nước có trách nhiệm theo dõi giá bán lẻ trong nước, giá xăng dầu thế giới và các chỉ tiêu phản ánh tác động của biến động giá đến lạm phát, chi phí sản xuất, kinh doanh và thị trường. Các dữ liệu này được tổng hợp theo chuỗi thời gian để phục vụ đánh giá mức độ biến động và xác định khi nào cần áp dụng biện pháp bình ổn.

Theo đó, tăng quyền tự chủ cho doanh nghiệp không đồng nghĩa Nhà nước thu hẹp vai trò điều hành. Điểm thay đổi nằm ở cách thức và thời điểm can thiệp. Trong điều kiện thị trường vận hành bình thường, doanh nghiệp chủ động hơn trong quyết định kinh doanh; cơ quan quản lý tập trung theo dõi, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ và diễn biến thị trường.

Trường hợp xuất hiện biến động bất thường gây tác động lớn đến kinh tế - xã hội, sản xuất, kinh doanh và đời sống người dân, Nhà nước vẫn giữ các công cụ can thiệp. Bộ Công Thương có thể phối hợp với các cơ quan liên quan đánh giá tình hình, đề xuất biện pháp bình ổn; điều tiết nguồn cung thông qua tổng nguồn tối thiểu, dự trữ lưu thông và hệ thống phân phối; đồng thời tăng cường kiểm tra các hành vi đầu cơ, găm hàng, ngừng bán hàng trái quy định hoặc hạn chế cạnh tranh. Các công cụ về thuế, tài chính, tiền tệ, dự trữ quốc gia và Quỹ Bình ổn giá nếu có cũng có thể được sử dụng tùy theo nguyên nhân và mức độ của biến động.

Nhìn tổng thể, từ cơ chế giá, trách nhiệm của thương nhân đầu mối đến quản lý dữ liệu và bình ổn thị trường, hướng sửa đổi hiện nay đang đặt quyền tự chủ kinh doanh và trách nhiệm thị trường trong cùng một khuôn khổ. Mức độ thành công của cơ chế mới vì thế không chỉ phụ thuộc vào việc trao thêm quyền cho doanh nghiệp, mà còn ở khả năng thực hiện trách nhiệm nguồn cung, chất lượng dữ liệu và hiệu quả giám sát của cơ quan quản lý ■

CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH KINH DOANH XĂNG DẦU:

PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ DỰA TRÊN YẾU TỐ CẠNH TRANH, AN NINH CUNG ỨNG VÀ BÌNH ỔN GIÁ

● PGS.TS. NGÔ TRÍ LONG - *Chuyên gia Kinh tế*
Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Thị trường - Giá cả (Bộ Tài chính)

Bài viết phân tích các định hướng hoàn thiện chính sách kinh doanh xăng dầu ở Việt Nam trên cơ sở lý thuyết chi phí giao dịch, kinh tế học thông tin và quản lý giá trong điều kiện thị trường. Đồng thời, bài viết tiếp cận cơ chế giá, tổ chức phân phối, năng lực tạo nguồn, giám sát thị trường và bình ổn giá theo Dự thảo lần thứ 14 Nghị định về kinh doanh xăng dầu của Bộ Công Thương. Bài báo phân tích hiệu quả cải cách trên cơ sở kết hợp quyền tự chủ giá với cạnh tranh thực chất, tinh gọn phân phối với bảo đảm nguồn cung và bình ổn giá với kỷ luật can thiệp có điều kiện. Qua đó, đề xuất hoàn thiện tiêu chí quản lý, dữ liệu giám sát và cơ chế đánh giá sau thực thi.



Ảnh minh họa tạo bởi Open AI

Khuôn khổ quản lý hình thành quản lý xăng dầu là Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 95/2021/NĐ-CP và Nghị định số 80/2023/NĐ-CP, đã thiết lập cơ chế điều hành giá và điều kiện kinh doanh [4]. Tuy nhiên, yêu cầu phát triển thị trường đặt ra vấn đề điều chỉnh mức độ can thiệp trực tiếp, khắc phục chi phí trung gian chưa hợp lý và tăng trách nhiệm cung ứng.

Dự thảo lần thứ 14 Nghị định về kinh doanh xăng dầu được Bộ Công Thương đề xuất tăng quyền chủ động định giá, cơ cấu lại hệ thống phân phối, nâng tiêu chuẩn thương nhân đầu mối và xác lập cơ chế bình ổn giá có điều kiện [1]. Những thay đổi này có liên hệ chặt chẽ giữa: trao quyền định giá mà thiếu cạnh tranh có thể làm tăng sức mạnh thị trường; giảm trung gian nhưng suy giảm năng lực điều phối có thể gây thiếu hàng; bình ổn bằng giới hạn giá không phù hợp có thể làm giảm động lực nhập hàng. Bài viết đánh giá luận cứ, rủi ro và điều kiện thực thi chính sách trong một chỉnh thể.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ KINH DOANH XĂNG DẦU

Theo Coase (1937), tổ chức hoạt động kinh tế chịu ảnh hưởng của chi phí giao dịch [6]. Trong kinh doanh xăng dầu, giảm tầng nấc chỉ hiệu quả nếu giảm tổng chi phí tìm nguồn, vận chuyển, lưu kho mà không loại bỏ dịch vụ cần thiết. Stigler (1961) chỉ ra vai trò của chi phí tìm kiếm thông tin [7]. Công khai giá và quyền chuyển nguồn tạo sức ép cạnh tranh; thiếu minh bạch có thể làm suy giảm lợi ích của tự chủ giá. Nghiên cứu của Borenstein, Cameron và Gilbert (1997) tại Hoa Kỳ ghi nhận giá xăng bán lẻ phản ứng nhanh hơn với giá dầu thô tăng so với giảm [8]. Đây là gợi ý cần giám sát truyền dẫn giá; không thể suy diễn kết quả ấy thành bằng chứng về hành vi doanh nghiệp Việt Nam khi chưa có kiểm định riêng.

Về bình ổn, giá thị trường có chức năng phản ánh chi phí và mức độ khan hiếm. Can thiệp chỉ thích đáng khi biến động bất thường gây tác động kinh tế - xã hội đáng kể và phải có giới hạn. Giá bị kìm giữ dưới chi phí cung ứng hợp lý trong thời gian dài có nguy cơ dẫn tới thiếu hàng. Do đó, nghiên cứu đánh giá chính sách theo năm tiêu chí: hiệu quả chi phí, cạnh tranh, an ninh cung ứng, minh bạch và khả năng thực thi.

Phương pháp sử dụng gồm phân tích tài liệu, đối chiếu dự thảo với pháp luật hiện hành và thống kê mô tả. Mỗi phương án được xem xét theo chuỗi quan hệ: Quy định mới làm thay đổi hành vi doanh nghiệp như thế nào, tác động gì tới chi phí và cạnh tranh, cuối cùng ảnh hưởng ra sao đến nguồn cung và người tiêu dùng. Vì nghị định mới chưa có hiệu lực, bài viết đánh giá thiết kế và điều kiện triển khai, không ước lượng tác động nhân quả của cải cách.

THỰC TIỄN THỊ TRƯỜNG VÀ NHỮNG CẢI CÁCH TRONG CHÍNH SÁCH KINH DOANH XĂNG DẦU

Theo Bộ Công Thương, tổng nguồn xăng dầu cho thị trường nội địa năm 2025 ước đạt 28,6 triệu m^3/tấn; tiêu thụ khoảng 26,4 triệu m^3/tấn; tồn kho khoảng 1,7 triệu m^3/tấn. Tổng nguồn tối thiểu phân giao năm 2026 gần 31,8 triệu m^3/tấn [2]. Đơn vị m^3/tấn giữ nguyên theo cách công bố, trong khi chỉ tiêu phân giao là kế hoạch, không phải lượng tiêu thụ thực tế. Cân đối nguồn toàn quốc không bảo đảm cung ứng đồng đều. Thiếu phối hợp kho vận có thể gây thiếu hàng cục bộ; cần đánh giá khả năng giao hàng đúng nơi, đúng lúc.

Theo Cục Thống kê, CPI tháng 9/2026 tăng 0,62% so với tháng trước, tăng 5,08% so với cùng kỳ; bình quân 9 tháng tăng 4,52%. Trong tháng 9, giá xăng tăng 9,39%, dầu diesel tăng 4,53%; nhóm giao thông làm CPI chung tăng 0,4 điểm phần trăm [3]. Số liệu cho thấy tác động lan tỏa, nhưng không tự chứng minh cần bình ổn đặc biệt; phải đánh giá nguyên nhân và mức độ tác động.

Quyền tự chủ về giá và điều kiện cạnh tranh

Điều 28 dự thảo xác định giá của thương nhân đầu mối trên cơ sở giá mua, chi phí tạo nguồn, chi phí kinh doanh định mức, lợi nhuận và thuế; đồng thời phân biệt cơ chế giá của thương nhân phân phối trong hệ thống đầu mối và thương nhân phân phối độc lập [1]. Cách tiếp cận này tăng khả năng phản ánh biến động chi phí. Tuy nhiên, hiệu quả tùy thuộc khả năng lựa chọn nguồn hàng và mức độ cạnh tranh. Nếu cửa hàng khó chuyển nhà cung cấp hoặc một doanh nghiệp kiểm soát hạ tầng kho vận thiết yếu, giá do doanh nghiệp quyết định chưa chắc tạo được sức ép tiết kiệm chi phí. Vì vậy, cần giám sát điều kiện hợp đồng, chiết khấu, giá bán theo địa bàn và việc tiếp cận nguồn hàng, đồng thời áp dụng pháp luật cạnh tranh đối với hành vi hạn chế cạnh tranh.

Cơ chế chi phí định mức cũng phải tránh hai cực đoan: Định mức quá thấp gây khó khăn tạo nguồn và thừa nhận mọi chi phí khiến doanh nghiệp thiếu động

lực tiết kiệm. Việc dự thảo đề xuất điều chỉnh định mức theo CPI và định kỳ rà soát bằng dữ liệu chi phí, kiểm toán là hướng tiếp cận có căn cứ; yêu cầu quyết định nằm ở chất lượng phương pháp tính và khả năng kiểm chứng. Cần kiểm soát ảnh hưởng tỷ giá, thuế và tồn kho trước khi kết luận về giá.

Tinh gọn phân phối theo chức năng kinh tế

Giảm tầng nấc trung gian là cần thiết nếu loại bỏ các giao dịch không tạo giá trị. Tuy nhiên, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kho chứa, vận chuyển hoặc điều hòa hàng hóa vẫn có vai trò kinh tế, nhất là tại vùng xa và khi nguồn cung biến động. Thước đo cải cách là chi phí, thời gian giao hàng và độ tin cậy cung ứng. Điều 15 và Điều 16 dự thảo quy định những hình thức kinh doanh, quan hệ hợp đồng và yêu cầu truy xuất nguồn gốc đối với thương nhân phân phối [1]. Cần bảo đảm thương nhân mua bán độc lập có khả năng lựa chọn nhà cung cấp, trong khi các giao dịch phải gắn với quyền sở hữu và chứng từ có thể kiểm tra. Đối với yêu cầu giao nhận, nên phân biệt giao dịch không có hàng hóa thực tế với hoạt động giao hàng qua bên cung cấp dịch vụ kho vận hợp pháp. Thiết kế đúng sẽ giảm giao dịch vòng vo và khuyến khích chuyên môn hóa.

Năng lực đầu mối và bảo đảm an ninh cung ứng

Khoản 4 Điều 24 dự thảo đề xuất mức tổng nguồn tối thiểu phân giao cho đầu mối không thấp hơn 300.000 m^3/năm, trừ nhiên liệu hàng không; đồng thời có căn cứ xem xét thu hồi giấy xác nhận nếu không thực hiện đủ mức nguồn trong hai năm liên tiếp [1]. Nâng chuẩn có thể tăng trách nhiệm tạo nguồn nhưng cũng làm tăng rào cản gia nhập, thu hẹp lựa chọn của thị trường. Vì vậy, tiêu chuẩn phải được đánh giá tác động, không chỉ dựa vào quy mô. Năng lực thực chất còn thể hiện ở tài chính, hợp đồng tạo nguồn, quyền sử dụng kho, phương án dự phòng và thời gian có thể điều chuyển hàng. Dung tích kho không chứng minh năng lực ứng phó nếu hàng không được điều chuyển kịp thời. Quy định chuyển tiếp phải tránh gián đoạn cung ứng; giám sát phụ thuộc nguồn nhập khẩu và mức độ tập trung theo địa bàn.

Bình ổn giá có điều kiện, tránh làm méo mó thị trường

Trên cơ sở Luật Giá hiện hành [5], Điều 30 dự thảo yêu cầu bình ổn phù hợp cơ chế thị trường, hài hòa lợi ích, không làm méo mó tín hiệu giá trong trung và dài hạn; đồng thời kết hợp điều hòa cung cầu, dự trữ, thuế, tài chính và các biện pháp giá có thời hạn [1]. Điểm tiến bộ là không đồng nhất bình ổn với áp giá hành chính. Khoản 3 Điều 31 nêu những dấu hiệu biến động bất thường, bao gồm mức tăng hoặc giảm cộng dồn từ 15% đến 20% trở lên trong một đến bốn tuần và tác động đáng kể đến kinh tế - xã hội [1]. Tiêu chí định lượng là cần thiết, nhưng cách diễn đạt này chưa xác định rõ ngưỡng áp dụng. Cần quy định kỳ gốc, cách tính biến động, phạm vi dữ liệu và sự khác biệt giữa từng loại nhiên liệu. Ngưỡng giá chỉ nên là dấu hiệu cảnh báo, không tự động phát sinh quyết định bình ổn; quyết định còn phải căn cứ nguyên nhân, hậu quả và thẩm quyền pháp luật. Đặc biệt, giá giảm mạnh do cạnh tranh lành mạnh hoặc chi phí đầu vào giảm không thể tự động coi là biến động gây hại. Cần tránh sử dụng bình ổn để bảo vệ lợi nhuận doanh nghiệp trước cạnh tranh hợp pháp. Công cụ can thiệp phải phù hợp nguyên nhân. Khi thiếu hàng, ưu tiên khơi thông nguồn cung, vận tải và dự trữ. Khi chi phí quốc tế tăng mạnh, cân nhắc giải pháp thuế, tài chính phù hợp khả năng ngân sách. Khi phát sinh găm hàng, thao túng hoặc hạn chế cạnh tranh, phải xử lý vi phạm. Nếu giới hạn giá dưới chi phí tạo nguồn hợp lý quá lâu, doanh nghiệp có thể giảm nhập hàng, khiến giá niêm yết thấp nhưng hàng hóa khan hiếm. Vì vậy, phải đánh giá cả giá và khả năng mua hàng. Điều 31 còn quy định Chính phủ quyết định biện pháp và thời hạn bình ổn; khi hết hạn mà không gia hạn, biện pháp tự động hết hiệu lực [1]. Cần làm rõ một quy trình thống nhất giữa Bộ Công Thương và Bộ Tài chính về đánh giá, tổng hợp, trình quyết định và tổ chức thực hiện. Sau bình ổn, phải công bố kết quả về giá, nguồn cung, chi phí và tác động xã hội. Nhờ đó, can thiệp có trách nhiệm và giới hạn.

Quản trị bằng dữ liệu và chuyển tiếp Quỹ Bình ổn giá

Tăng quyền tự chủ đòi hỏi giám sát có khả năng đối chiếu giá bán, hóa đơn điện tử, nhập - xuất - tồn kho và giao nhận hàng hóa. Dữ liệu cần xác định theo chủng loại nhiên liệu, thời gian và địa bàn. Cảnh báo là căn cứ kiểm tra, không chứng minh vi phạm. Khoản 4 Điều 31 dự thảo đề xuất thu thập dữ liệu từ các thương nhân đầu mối có tổng sản lượng tiêu thụ trên 70% cả nước [1]. Độ bao phủ cao không bảo đảm tính đại diện cho từng vùng; cần bổ sung dữ liệu địa phương, tính

giá bình quân có trọng số và kiểm tra chéo với hóa đơn, tồn kho thực tế. Khoản 4 Điều 33 dự kiến chấm dứt cơ chế trích lập, chi Quỹ Bình ổn giá hiện hành từ 1/1/2027, có ngoại lệ đối với khoản tạm ứng ngân sách; đồng thời quy định chốt số dư, chuyển tiền về tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và kiểm toán độc lập [1], [9]. Cần phân biệt tiền Quỹ hình thành tại doanh nghiệp với khoản tạm ứng ngân sách, xử lý đầy đủ số dư dương, âm và nghĩa vụ hoàn trả. Tách bạch dòng tiền không thay thế năng lực tạo nguồn và dự trữ.

KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH

Cải cách thị trường xăng dầu chỉ có giá trị khi gắn quyền tự chủ kinh doanh với cạnh tranh, tinh gọn phân phối với an ninh cung ứng và bình ổn giá với giới hạn can thiệp rõ ràng. Dự thảo Nghị định ngày 7/10/2026 đặt ra những định hướng đáng chú ý, song hiệu quả phụ thuộc vào chất lượng dữ liệu, tiêu chuẩn thực thi và trách nhiệm giải trình. Mục tiêu là thị trường thích ứng với cú sốc, cung ứng thông suốt và bảo vệ lợi ích chính đáng của các chủ thể.

Thứ nhất, thiết kế đồng bộ quyền định giá, giám sát cạnh tranh và trách nhiệm bảo đảm nguồn hàng. Công khai giá phải đi cùng khả năng lựa chọn nhà cung cấp; dữ liệu chi phí phải đủ để giải trình nhưng không tạo gánh nặng báo cáo trùng lặp.

Thứ hai, tổ chức lại phân phối theo hiệu quả thực tế. Khuyến khích chuyên môn hóa kho vận, loại bỏ giao dịch không tạo giá trị; đánh giá kết quả bằng chi phí toàn chuỗi, thời gian giao hàng và tình trạng thiếu hàng tại địa phương.

Thứ ba, xác định tiêu chuẩn đầu mối theo năng lực cung ứng có thể kiểm chứng. Đánh giá tác động rào cản gia nhập, kiểm tra tài chính, hợp đồng nguồn và khả năng điều chuyển dự trữ; có quy định chuyển tiếp để thị trường không bị gián đoạn.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế bình ổn với hai tầng đánh giá: chỉ báo cảnh báo sớm về giá và nguồn cung; đánh giá nguyên nhân, tác động kinh tế - xã hội trước khi quyết định. Mọi biện pháp cần công bố mục tiêu, thời hạn, chi phí, tiêu chí kết thúc và trách nhiệm giải trình.

Thứ năm, xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông, chuẩn hóa số liệu giá, sản lượng, hóa đơn, tồn kho và địa bàn; bảo vệ thông tin thương mại hợp pháp. Việc chuyển tiếp Quỹ phải được kiểm toán, đối chiếu và quyết toán minh bạch, phân định rõ nghĩa vụ liên quan đến ngân sách.

Thứ sáu, đánh giá sau thực thi bằng các chỉ tiêu đo lường được: chi phí phân phối, thời gian gián đoạn cung ứng, khả năng chuyển nguồn, tốc độ truyền dẫn giá và hiệu quả bình ổn. So sánh trước và sau phải kiểm soát giá quốc tế, thuế, tỷ giá và nhu cầu ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

[1] Bộ Công Thương (2026). Dự thảo 14 Nghị định về kinh doanh xăng dầu, ngày 7/10/2026, bản do tác giả cung cấp.

[2] Bộ Công Thương (2026). Bộ Công Thương tổng kết công tác điều hành, cung ứng xăng dầu năm 2025, triển khai nhiệm vụ năm 2026, ngày 16/1/2026. https://moit.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong/bo-cong-thuong-tong-ket-cong-tac-dieu-hanh-cung-ung-xang-dau-nam-2025-trien-khai-nhiem-vu-nam-2026.html

[3] Cục Thống kê (2026). Thông cáo báo chí về tình hình giá tháng Chín, quý III và 9 tháng năm 2026, ngày 3/10/2026. https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/10/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-gia-thang-chin-quy-iii-va-9-thang-nam-2026/

[4] Chính phủ (2023). Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 sửa đổi, bổ sung các nghị định về kinh doanh xăng dầu. https://vanban.chinhphu.vn/?docid=208982&pageid=27160

[5] Văn phòng Quốc hội (2026). Văn bản hợp nhất số 25/VBHN-VPQH ngày 26/2/2026 hợp nhất Luật Giá. https://congbao.chinhphu.vn/van-ban/van-ban-hop-nhat-so-25-vbhn-vpqh-469052/63156.htm

[6] Coase, R. H. (1937). The nature of the firm. Economica, 4(16), 386-405. https://doi.org/10.1111/j.1468-0335.1937.tb00002.x

[7] Stigler, G. J. (1961). The economics of information. Journal of Political Economy, 69(3), 213-225. https://doi.org/10.1086/258464

[8] Borenstein, S., Cameron, A. C., & Gilbert, R. (1997). Do gasoline prices respond asymmetrically to crude oil price changes? The Quarterly Journal of Economics, 112(1), 305-339. https://doi.org/10.1162/003355397555118

[9] Chính phủ (2026). Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 27/3/2026 về triển khai thực hiện chi tạm ứng cho Quỹ Bình ổn giá xăng dầu từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2025. https://vanban.chinhphu.vn/?docid=217336&pageid=27160

TĂNG QUYỀN TỰ CHỦ CỦA DOANH NGHIỆP XĂNG DẦU:

TỰ DO KINH DOANH PHẢI ĐI CÙNG KỶ LUẬT CẠNH TRANH

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH MỚI VỀ KINH DOANH XĂNG DẦU ĐANG ĐƯỢC XÂY DỰNG THEO HƯỚNG TĂNG QUYỀN TỰ CHỦ CỦA DOANH NGHIỆP, TINH GỌN HỆ THỐNG PHÂN PHỐI VÀ CHUYỂN MẠNH SANG HẬU KIỂM, QUẢN LÝ BẰNG DỮ LIỆU. ĐỂ HƯỚNG CẢI CÁCH NÀY PHÁT HUY HIỆU QUẢ, QUYỀN TỰ CHỦ KINH DOANH CẦN ĐI CÙNG KỶ LUẬT CẠNH TRANH, MINH BẠCH THÔNG TIN VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG TOÀN BỘ CHUỖI CUNG ỨNG.

● PGS.TS. NGÔ TRÍ LONG - *Chuyên gia Kinh tế*
Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Thị trường - Giá cả (Bộ Tài chính)



Từ "quản giá" sang "quản thị trường"

Dự thảo Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu cho thấy một bước chuyển đáng kể trong tư duy quản lý: từ Nhà nước can thiệp tương đối trực tiếp vào giá và cấu trúc phân phối sang tăng quyền tự chủ của doanh nghiệp, chuyển mạnh hơn từ tiền kiểm sang hậu kiểm và tăng cường quản lý bằng dữ liệu. Đây là hướng cải cách cần thiết.

Thị trường hóa, tuy nhiên, không đồng nghĩa với việc tháo bỏ càng nhiều ràng buộc càng tốt. Đối với một mặt hàng chiến lược và thị trường có mức độ tập trung cao như xăng dầu, quyền tự chủ kinh doanh chỉ tạo ra hiệu quả khi đi cùng kỷ luật cạnh tranh, minh bạch thông tin và khả năng xác định trách nhiệm trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

Một trong những thay đổi quan trọng của dự thảo là phương thức quản lý giá. Theo hướng xây dựng chính sách mới, doanh nghiệp được tăng quyền chủ động quyết định giá trên cơ sở các nguyên tắc và phương pháp được quy định, trong khi Nhà nước chuyển trọng tâm sang theo dõi thị trường, kiểm tra, giám sát và áp dụng các công cụ quản lý khi cần thiết.

Điểm đáng chú ý ở đây không phải là Nhà nước "bỏ quản giá", mà là thay đổi cách quản lý giá. Trong nền kinh tế thị trường, giá cần phản ánh quan hệ cung - cầu, chi phí và mức độ cạnh tranh. Khi Nhà nước tham gia quá sâu vào việc xác lập giá, chi phí thực tế có thể phản ánh chậm, doanh nghiệp thiếu động lực tối ưu hóa và trách nhiệm kinh doanh dễ bị phân tán. Trao quyền nhiều hơn cho doanh nghiệp, đồng thời tăng trách nhiệm kê khai, giải trình và giám sát, có thể khắc phục một phần những bất cập này.

Tư duy cải cách cũng thể hiện ở việc tổ chức lại hệ thống phân phối và nâng cao trách nhiệm của các chủ thể tham gia thị trường. Giảm tầng nấc trung gian là cần thiết nếu qua đó loại bỏ được những giao dịch không tạo thêm giá trị và làm tăng chi phí của toàn chuỗi. Tuy nhiên, không phải mọi trung gian đều không cần thiết.



Một góc Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè - đơn vị thành viên trực thuộc Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH Một thành viên (Petrolimex Sài Gòn)
Ảnh: https://saigon.petrolimex.com.vn

Những doanh nghiệp thực hiện chức năng kho chứa, vận tải, điều hòa hàng hóa giữa các địa bàn hoặc hỗ trợ lưu chuyển hàng hóa khi nguồn cung biến động vẫn có vai trò kinh tế thực tế.

Tương tự, việc đặt yêu cầu cao hơn đối với thương nhân đầu mối cần được nhìn trong tương quan với trách nhiệm mà chủ thể này đảm nhận. Kinh doanh xăng dầu không đơn thuần là mua rẻ - bán đắt. Doanh nghiệp đầu mối còn thực hiện chức năng tạo nguồn, nhập khẩu, ký hợp đồng dài hạn, dự trữ và chịu rủi ro biến động giá quốc tế. Vì vậy, nếu trao quyền kinh doanh mà không gắn với trách nhiệm bảo đảm nguồn cung thì khi thị trường thuận lợi doanh nghiệp hưởng lợi, còn khi nguồn cung khó khăn, Nhà nước và xã hội lại phải gánh rủi ro.

Nhìn tổng thể, tư tưởng cải cách của dự thảo khá rõ: thị trường hơn trong các quyết định kinh doanh, nhưng quản lý nhà nước phải hiệu quả hơn ở những vấn đề thị trường không thể tự giải quyết. Bản chất của sự thay đổi không phải Nhà nước quản ít đi, mà là chuyển sang một phương thức quản lý phù hợp hơn với cơ chế thị trường.

Mở quyền kinh doanh phải đi cùng trách nhiệm và truy xuất nguồn hàng

Một nội dung đáng chú ý trong quá trình hoàn thiện Dự thảo Nghị định là việc mở rộng quyền lựa chọn nguồn hàng và tổ chức hoạt động kinh doanh của thương nhân phân phối. Đây là hướng đi phù hợp với mục tiêu tăng tính chủ động của doanh nghiệp và thúc đẩy cạnh tranh trong hệ thống phân phối.

Tuy nhiên, vấn đề không chỉ nằm ở việc cho phép thương nhân được mua hàng từ đâu, mà quan trọng hơn là phải xác định rõ quyền và trách nhiệm đi cùng với mỗi mô hình kinh doanh.

Đối với thương nhân hoạt động độc lập, quyền lựa chọn nguồn hàng rộng hơn có thể tạo sức ép cạnh tranh giữa các nhà cung cấp, giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc tìm kiếm mức giá, điều kiện thương mại và dịch vụ phù hợp. Trong khi đó, với thương nhân hoạt động theo hình thức đại lý hoặc nhận quyền thương mại, quan hệ với thương nhân đầu mối còn gắn với thương hiệu, chính sách giá, chiết khấu và trách nhiệm bảo đảm nguồn hàng theo hợp đồng.

Vì vậy, việc thiết kế chính sách cần phân biệt rõ giữa các mô hình này. Nếu một cửa hàng treo logo A nhưng lại nhập hàng từ B, C, D thì khi xảy ra sự cố về chất lượng, trách nhiệm thuộc về ai? Khi quyền lựa chọn nguồn hàng được mở rộng, yêu cầu về nhận diện và truy xuất dòng hàng càng phải rõ ràng hơn.

Cùng với việc mở rộng quyền kinh doanh, cơ quan quản lý cần có khả năng xác định được hàng đi từ đâu, qua những khâu nào, quyền sở hữu được chuyển giao ra sao và trách nhiệm thuộc về ai khi phát sinh vấn đề.

Theo hướng này, yêu cầu giao nhận thực tế, chuyển quyền sở hữu và truy xuất nguồn gốc theo lô hàng là những điều kiện cần thiết để phân biệt hoạt động thương mại có giá trị thực với các giao dịch chỉ làm tăng tầng nấc trung gian mà không tạo thêm giá trị cho chuỗi cung ứng.

Có thể nghiên cứu áp dụng mã định danh hoặc "hộ chiếu điện tử" đối với từng lô hàng, gắn với thông tin về nguồn xuất phát, quá trình giao nhận và chuyển quyền sở hữu. Nếu dữ liệu được kết nối xuyên suốt, việc mở rộng quyền mua bán giữa các chủ thể không nhất thiết làm suy giảm khả năng quản lý.

Từ góc độ kinh tế, không nên mặc định mọi trung gian đều làm tăng chi phí và cần loại bỏ. Điều cần hạn chế là các giao dịch vòng vo, không gắn với hàng hóa thực tế hoặc chỉ làm tăng chi phí mà không bổ sung chức năng kinh tế. Thước đo của việc tinh gọn hệ thống vì thế phải là chi phí toàn chuỗi, thời gian giao hàng và độ tin cậy của nguồn cung, chứ không đơn thuần là số tầng nấc bị cắt giảm.

Do đó, thay vì quản lý bằng số lượng trung gian, chính sách nên hướng tới quản lý dòng hàng, giao dịch và trách nhiệm của từng chủ thể. Mở rộng quyền kinh doanh chỉ thực sự tạo ra cạnh tranh tích cực khi đi cùng với minh bạch giao dịch, truy xuất được nguồn gốc và xác định rõ trách nhiệm trong toàn bộ chuỗi.

Càng tăng quyền tự chủ về giá, càng cần kỷ luật cạnh tranh

Chi phí của một cửa hàng xăng dầu ở trung tâm đô thị không thể giống một cửa hàng ở miền núi, biên giới hay hải đảo. Chi phí vận tải, kho bãi, tổ chức phân phối và điều kiện tiếp cận nguồn hàng có sự khác biệt đáng kể giữa các địa bàn. Một cơ chế giá quá cứng khó phản ánh đầy đủ những khác biệt đó.

Trao quyền chủ động hơn cho doanh nghiệp trong quyết định giá vì thế là một bước chuyển quan trọng của cơ chế quản lý thị trường xăng dầu. Tuy nhiên, quyền tự chủ về giá chỉ phát huy đầy đủ tác dụng khi thị trường có cạnh tranh thực chất.

Nếu một cửa hàng bán lẻ khó chuyển đổi nhà cung cấp, hoặc khả năng tiếp cận nguồn hàng, kho bãi và hạ tầng phân phối bị hạn chế, thì việc doanh nghiệp được tự quyết định giá chưa chắc đã tạo ra sức ép đủ lớn để giảm chi phí và nâng cao hiệu quả. Vì vậy, cùng với việc mở rộng quyền định giá, cần bảo đảm khả năng lựa chọn nguồn hàng và điều kiện tiếp cận thị trường của các chủ thể.

Ở góc độ này, vấn đề cần quan tâm không phải là doanh nghiệp lớn hay nhỏ, mà là thị trường có tồn tại

hành vi hạn chế cạnh tranh hay không. Quy mô lớn tự thân không phải là dấu hiệu của vi phạm. Điều cần giám sát là khả năng lạm dụng sức mạnh thị trường, áp đặt điều kiện bất lợi, hạn chế quyền tiếp cận nguồn hàng hoặc hình thành các thỏa thuận làm giảm cạnh tranh.

Các yếu tố như điều kiện hợp đồng, mức chiết khấu, khả năng chuyển đổi nhà cung cấp, giá bán theo từng địa bàn và khả năng tiếp cận hạ tầng thiết yếu vì thế cần được đặt trong cơ chế giám sát cạnh tranh.

Minh bạch giá phải đi trước hoặc ít nhất đi cùng với tự do giá. Khi doanh nghiệp được trao quyền quyết định giá, người mua và các chủ thể trong chuỗi cần có đủ thông tin để so sánh và đưa ra lựa chọn. Công khai giá không chỉ phục vụ cơ quan quản lý mà còn tạo áp lực thị trường đối với doanh nghiệp.

Tuy nhiên, minh bạch không có nghĩa là yêu cầu doanh nghiệp công khai toàn bộ thông tin thương mại. Điều cần thiết là những thông tin đủ để thị trường nhận biết mức giá, điều kiện giao dịch và những thay đổi có ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định mua bán, đồng thời vẫn bảo đảm quyền bảo mật đối với các dữ liệu kinh doanh hợp pháp.

Bên cạnh đó, cần nhìn nhận đúng sự khác biệt về chi phí giữa các khu vực. Chi phí vận tải, kho bãi và tổ chức phân phối ở các địa bàn xa trung tâm nguồn hàng có thể cao hơn đáng kể so với khu vực thuận lợi về hạ tầng. Vì vậy, sự khác biệt về giá giữa các địa bàn không nhất thiết phản ánh hành vi thiếu cạnh tranh, mà cần được xem xét trên cơ sở cấu trúc chi phí và điều kiện cung ứng thực tế.

Điều quan trọng là cơ chế giám sát phải đủ khả năng phân biệt giữa chênh lệch giá do chi phí hợp lý với chênh lệch phát sinh từ việc hạn chế cạnh tranh hoặc lạm dụng sức mạnh thị trường.

Càng mở rộng quyền tự chủ về giá, vai trò của chính sách cạnh tranh càng trở nên quan trọng. Nhà nước không nhất thiết phải quyết định thay doanh nghiệp mức giá cụ thể, nhưng cần bảo đảm một môi trường trong đó doanh nghiệp buộc phải cạnh tranh về giá, chất lượng dịch vụ và hiệu quả vận hành.

Cân bằng quyền lợi, trách nhiệm và giới hạn can thiệp

Một thị trường vận hành hiệu quả không thể chỉ nhìn từ lợi ích của một khâu riêng lẻ. Trong chuỗi kinh doanh xăng dầu, mỗi chủ thể đều có chức năng, chi phí và mức độ rủi ro khác nhau; vì vậy, chính sách cần tạo được sự cân bằng giữa quyền kinh doanh, nghĩa vụ cung ứng và trách nhiệm đối với thị trường.

Vấn đề không nên được đặt theo hướng bảo vệ lợi ích của đầu mối, phân phối hay bán lẻ một cách riêng biệt, mà phải xem xét chi phí và trách nhiệm của từng khâu trong toàn bộ chuỗi. Chỉ khi chi phí hợp lý được nhận diện đúng và trách nhiệm được phân bổ rõ, cơ chế thị trường mới có thể vận hành ổn định.

Cách tiếp cận này cũng cần được áp dụng đối với bình ổn giá. Bình ổn không đồng nghĩa với việc giữ giá ở một mức nhất định bằng biện pháp hành chính. Điều quan trọng hơn là xác định đúng nguyên nhân của biến động để lựa chọn công cụ phù hợp.

Nếu thị trường thiếu hàng do gián đoạn nguồn cung hoặc khó khăn trong vận tải, biện pháp ưu tiên phải là khơi thông nguồn hàng, điều phối dự trữ và xử lý các điểm nghẽn logistics. Nếu chi phí đầu vào quốc tế tăng mạnh, cần xem xét các công cụ tài chính, thuế hoặc các biện pháp phù hợp. Trường hợp phát sinh hành vi găm hàng, thao túng hoặc hạn chế cạnh tranh thì phải xử lý theo pháp luật.

Ngược lại, không nên coi mọi biến động giá đều là dấu hiệu cần can thiệp. Giá tăng hoặc giảm do thay đổi chi phí đầu vào, cung - cầu hoặc cạnh tranh hợp pháp là một phần của cơ chế thị trường. Can thiệp chỉ thực sự cần thiết khi biến động bất thường gây tác động lớn đến kinh tế - xã hội và việc can thiệp phải có mục tiêu, thời hạn và giới hạn rõ ràng.

Trong điều kiện tăng quyền tự chủ cho doanh nghiệp, quản lý bằng dữ liệu trở thành một công cụ quan trọng. Thông tin về giá, nguồn hàng, nhập - xuất - tồn kho, giao nhận và hóa đơn cần được kết nối, đối chiếu để cơ quan quản lý có khả năng nhận diện sớm những dấu hiệu bất thường. Tuy nhiên, dữ liệu cảnh báo chỉ nên là căn cứ để kiểm tra, không thể tự động được coi là bằng chứng của vi phạm.

Khi dữ liệu được chuẩn hóa và kết nối đầy đủ, quản lý nhà nước có thể chuyển mạnh hơn từ kiểm soát hành chính sang giám sát rủi ro và hậu kiểm. Đây cũng là điều kiện để giảm thủ tục cho doanh nghiệp mà vẫn duy trì kỷ luật thị trường.

Cải cách thị trường xăng dầu vì thế không nên chuyển từ cực quản lý chặt sang cực buông lỏng, mà là chuyển sang cách quản lý phù hợp hơn với thị trường. Nhà nước không nhất thiết phải quyết định thay doanh nghiệp trong từng hoạt động kinh doanh, nhưng phải mạnh hơn ở những nơi thị trường có nguy cơ thất bại, như cạnh tranh, minh bạch thông tin, chất lượng, đo lường, truy xuất nguồn gốc, an ninh nguồn cung và bảo vệ người tiêu dùng.

Thị trường càng được trao nhiều quyền tự do thì luật chơi càng phải rõ ràng và kỷ luật thị trường càng phải được củng cố. Nói cách khác, đừng để tự do kinh doanh đi trước kỷ luật cạnh tranh ■

XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU DOANH NGHIỆP VIỆT:

TỪ "SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM" ĐẾN "TẠO RA GIÁ TRỊ TỪ VIỆT NAM"

VIỆC CHUYỂN TỪ "SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM" SANG "TẠO RA GIÁ TRỊ TỪ VIỆT NAM" ĐANG ĐẶT RA YÊU CẦU CHO DOANH NGHIỆP PHẢI LÀM CHỦ NHIỀU HƠN CÁC KHÂU CÓ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CAO, TẠO SỨC LAN TỎA ĐỐI VỚI CHUỖI CUNG ỨNG VÀ XÂY DỰNG CHỖ ĐỨNG CHO THƯƠNG HIỆU VIỆT NAM TRÊN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.

● HUYỀN MY

Qua 10 kỳ xét chọn Thương hiệu quốc gia cho thấy nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã lớn mạnh về quy mô, năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh. Tuy nhiên, trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu đang được tổ chức lại, quy mô sản xuất hay kim ngạch xuất khẩu chưa đủ để quyết định vị thế của doanh nghiệp, vấn đề quan trọng hơn là doanh nghiệp Việt Nam tạo ra và giữ lại được bao nhiêu giá trị trong mỗi sản phẩm.

Trao đổi với báo chí mới đây, Thứ trưởng Bộ Công Thương Lương Hoàng Thái nhấn mạnh, mục tiêu xuyên suốt trong giai đoạn tới là chuyển từ "sản xuất tại Việt Nam" sang "tạo ra giá trị từ Việt Nam", từ tham gia sang nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Định hướng này đặt ra yêu cầu mới đối với xây dựng thương hiệu doanh nghiệp: Khi doanh nghiệp làm chủ được nhiều hơn các khâu tạo giá trị, thương hiệu mới có nền tảng để phát triển bền vững và đóng góp rõ nét hơn vào giá trị Thương hiệu quốc gia Việt Nam.

Thương hiệu phải bắt đầu từ năng lực nội sinh

Đến nay, Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam đã góp phần tạo dựng một khuôn khổ chung để Nhà nước và doanh nghiệp cùng phát triển thương hiệu Việt Nam trên nền tảng ba giá trị "Chất lượng - Đổi mới sáng tạo - Năng lực tiên phong".

Nếu trong giai đoạn đầu, Chương trình tập trung nâng cao nhận thức, lựa chọn sản phẩm tiêu biểu và quảng bá hình ảnh hàng hóa Việt Nam thì yêu cầu hiện nay đòi hỏi doanh nghiệp không chỉ cần sản xuất được sản phẩm có chất lượng, mà còn phải chứng minh khả năng đổi mới, thích ứng và duy trì lợi thế cạnh tranh.

Sự thay đổi này được thể hiện rõ trong hệ thống tiêu chí xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2026, với điểm dành cho nhóm tiêu chí đổi mới sáng tạo được nâng từ 180 lên 300 điểm, tương đương 30% tổng số điểm. Theo đó, hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, tài sản trí tuệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển nguồn nhân lực được đánh giá với trọng số cao hơn.

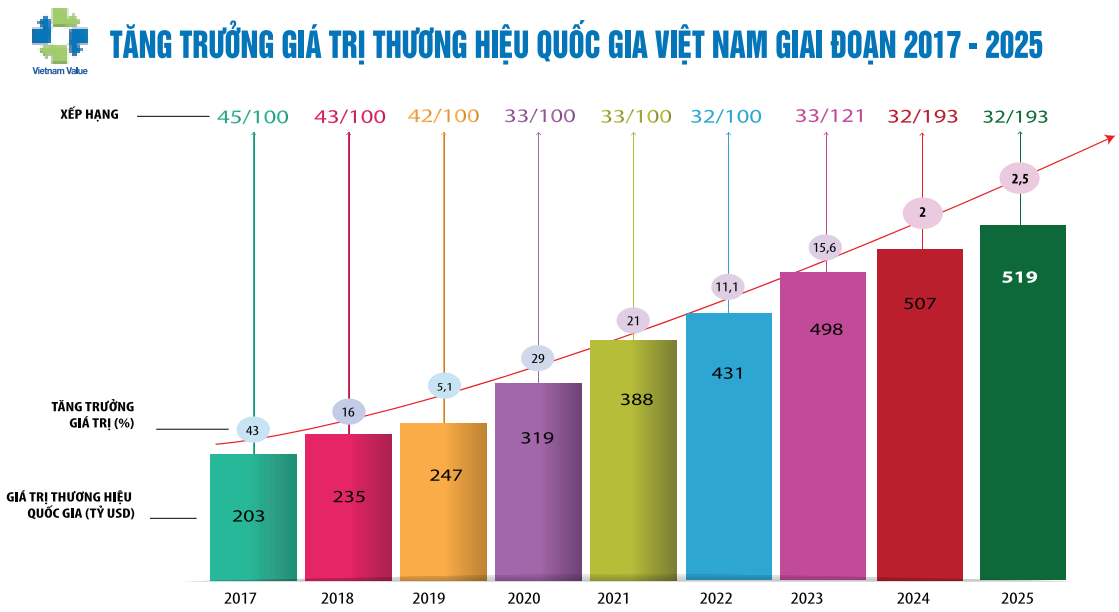
Sự thay đổi trong tiêu chí xét chọn có thể nhìn thấy rõ qua quá trình chuyển đổi của Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông. Sau gần 70 năm gắn với những sản phẩm quen thuộc như bóng đèn, phích nước, ngày 28/4/2026, Rạng Đông đã công bố hệ thống nhận diện mới, định vị từ một nhà sản xuất truyền thống thành doanh nghiệp công nghệ cung cấp các giải pháp thông minh, xanh và bền vững.

Trước khi thay đổi nhận diện, doanh nghiệp đã trải qua nhiều năm đầu tư cho nghiên cứu, làm chủ công nghệ, số hóa hoạt động quản trị và hiện đại hóa sản xuất. Từ các sản phẩm chiếu sáng riêng lẻ, Rạng Đông mở rộng sang hệ sinh thái Smart Home (Nhà thông minh), Smart City (Đô thị thông minh), Smart Farm (Nông nghiệp thông minh) và các giải pháp năng lượng tái tạo.

Với hệ sinh thái này, giá trị doanh nghiệp cung cấp không còn dừng lại ở chiếc đèn được sản xuất và đưa ra thị trường mà sản phẩm được tích hợp với phần mềm, công nghệ điều khiển, khả năng kết nối và các giải pháp giúp khách hàng tiết kiệm năng lượng, tối ưu vận hành.

Theo Rạng Đông, định vị thương hiệu mới được xây dựng trên nền tảng năng lực R&D, làm chủ công nghệ lõi, hệ thống sản xuất hiện đại và hệ sinh thái sản phẩm, giải pháp, dịch vụ tích hợp. Bộ nhận diện mới vì vậy là kết quả của quá trình chuyển đổi đã diễn ra trong hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp, thay vì chỉ là sự thay đổi về hình ảnh.

Câu chuyện của Rạng Đông cho thấy, giá trị thương hiệu được hình thành từ chính năng lực mà doanh nghiệp



Năm 2026, giá trị Thương hiệu quốc gia Việt Nam đạt 462,279 tỷ USD, tăng 45,14% so với năm 2020, xếp thứ 32/193 quốc gia được xếp hạng.

làm chủ. Việc tái định vị chỉ có sức thuyết phục khi câu chuyện về công nghệ, đổi mới hay phát triển xanh được thể hiện bằng sản phẩm, dây chuyền, đội nhân lực và kết quả cụ thể.

Từ sản xuất sản phẩm đến dẫn dắt chuỗi sản xuất

Nếu câu chuyện của Rạng Đông cho thấy một thương hiệu truyền thống có thể được nâng cấp bằng công nghệ, trường hợp của THACO thể hiện một hướng phát triển khác, đó là xây dựng thương hiệu thông qua khả năng tổ chức hệ sinh thái sản xuất công nghiệp.

Trong định hướng năm 2026, THACO INDUSTRIES xác định tiếp tục phát triển công nghiệp hỗ trợ cho ô tô, nông nghiệp và cơ khí đa dạng; đồng thời mở rộng sang công nghiệp đường sắt, công nghiệp nặng và công nghiệp công nghệ cao.

Hoạt động được tổ chức xuyên suốt từ kinh doanh, nghiên cứu và phát triển, sản xuất đến thi công, lắp đặt và bàn giao. Tại Chu Lai, doanh nghiệp tiếp tục đầu tư các nhà máy linh kiện, phụ tùng, cơ khí chế tạo, thiết bị cơ điện tử và tự động hóa. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, THACO INDUSTRIES triển khai tổ hợp công nghiệp đường sắt và cơ khí đa dụng, hướng tới sản xuất đầu máy, toa xe, thiết bị chuyên dụng và các sản phẩm cơ khí công nghiệp nặng.

Năm 2026, THACO INDUSTRIES đặt mục tiêu doanh thu hơn 15.800 tỷ đồng, trong đó doanh thu xuất khẩu trên 200 triệu USD; đồng thời tiếp tục đầu tư cho hệ thống sản xuất và nguồn nhân lực kỹ thuật.

Quá trình mở rộng này không chỉ tạo thêm sản phẩm mang thương hiệu THACO. Khi phát triển công nghiệp hỗ trợ, linh kiện, thiết bị và các hoạt động OEM, ODM, doanh nghiệp phải tổ chức mạng lưới đối tác, nhà cung ứng, kiểm soát tiêu chuẩn kỹ thuật và kết nối nhiều khâu trong chuỗi sản xuất.

Cách phát triển của THACO cũng làm rõ hơn vai trò dẫn dắt mà Thứ trưởng Bộ Công Thương Lương Hoàng Thái đặt ra đối với cộng đồng doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia. Doanh nghiệp lớn không chỉ tăng quy mô của riêng mình mà còn tạo ra nhu cầu về nguyên liệu, linh kiện, dịch vụ kỹ thuật và logistics, qua đó mở thêm cơ hội cho các nhà cung ứng trong nước.

Thông qua đơn hàng, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng, doanh nghiệp dẫn dắt có thể thúc đẩy các nhà cung ứng đầu tư thiết bị, cải tiến quy trình và nâng cao năng lực. Khi đó, sức cạnh tranh không chỉ được tạo ra ở một doanh nghiệp mà từng bước lan tỏa sang cả hệ sinh thái sản xuất.

Từ xuất khẩu hàng hóa đến tạo lập thị trường ở nước ngoài

Trong lĩnh vực công nghiệp thực phẩm, hành trình mở rộng thị trường của Vinamilk cũng cho thấy doanh nghiệp Việt Nam có thể tiến từ xuất khẩu sản phẩm sang tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh tại thị trường nước ngoài.

Từ những lô sản phẩm đầu tiên được xuất khẩu năm 1997, đến năm 2024, Vinamilk đã hiện diện ở 60 thị trường, cùng với đó, từng bước mở rộng hoạt động quốc tế bằng nhiều phương thức khác nhau.

Tại Mỹ, doanh nghiệp mua lại và sở hữu 100% Driftwood Dairy, qua đó tiếp cận hệ thống sản xuất, phân phối và khách hàng đã có tại thị trường sở tại. Tại Campuchia, Vinamilk đầu tư nhà máy Angkormilk để trực tiếp sản xuất và cung ứng sản phẩm cho thị trường này.

Ở các khâu khác trong chuỗi giá trị, Vinamilk đầu tư tổ hợp trang trại bò sữa Lao-Jagro tại Lào nhằm mở rộng vùng nguyên liệu; đồng thời thành lập liên doanh Del Monte-Vinamilk Dairy tại Philippines để kết hợp năng lực phát triển sản phẩm với mạng lưới và kinh nghiệm thị trường của đối tác địa phương.

Năm 2024, doanh thu thuần từ xuất khẩu của Vinamilk đạt 5.664 tỷ đồng, tăng 12,4% so với năm trước; doanh thu của Driftwood tại Mỹ tăng 10%; doanh thu và lợi nhuận của Angkormilk tại Campuchia lần lượt tăng 7,6% và 48,4%.

Những kết quả này cho thấy, hoạt động quốc tế của doanh nghiệp không chỉ phụ thuộc vào việc bán sản phẩm từ Việt Nam. Thông qua đầu tư cơ sở sản xuất, phát triển đối tác và tổ chức hệ thống phân phối tại nước ngoài, Vinamilk có điều kiện tiếp cận trực tiếp hơn với thị trường, điều chỉnh sản phẩm theo nhu cầu của người tiêu dùng và từng bước xây dựng vị thế cho thương hiệu.

Câu chuyện của Vinamilk cũng cho thấy "vươn ra thị trường quốc tế" không đơn thuần là gia tăng số lượng quốc gia nhập khẩu sản phẩm. Sự hiện diện bền vững đòi hỏi doanh nghiệp phải chủ động hơn trong sản xuất, phân phối, bảo hộ thương hiệu và xây dựng quan hệ lâu dài với khách hàng tại thị trường sở tại.

Đây cũng là hướng đi mà Chương trình "Vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026-2030" hướng tới. GoGlobal đặt mục tiêu đào tạo ít nhất 10.000 lượt doanh nghiệp, tư vấn cho 1.000 doanh nghiệp xây dựng kế hoạch quốc tế hóa; hỗ trợ chuyên sâu cho 100 doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, trong đó có ít nhất 20 doanh nghiệp lớn thuộc các ngành mũi nhọn, chiến lược.

Năng lực doanh nghiệp bồi đắp Thương hiệu quốc gia

Câu chuyện của Rạng Đông, THACO và Vinamilk cho thấy giá trị thương hiệu không chỉ được quyết định bởi quy mô sản xuất. Rạng Đông nâng giá trị sản phẩm bằng công nghệ và các giải pháp tích hợp; THACO phát triển năng lực tổ chức hệ sinh thái công nghiệp; còn Vinamilk kết hợp xuất khẩu với đầu tư sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu và liên doanh tại nước ngoài. Dù lựa chọn những hướng đi khác nhau, các doanh nghiệp đều từng bước làm chủ thêm những khâu có giá trị gia tăng cao.

Từ góc độ quản lý nhà nước, Thứ trưởng Bộ Công Thương Lương Hoàng Thái xác định 3 ưu tiên của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam trong giai đoạn tới, gồm: (i) xây dựng Chiến lược phát triển Thương hiệu quốc gia Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045; (ii) nâng cao năng lực xây dựng và quản trị thương hiệu của doanh nghiệp trên nền tảng "Chất lượng - Đổi mới sáng tạo - Năng lực tiên phong"; và (iii) hỗ trợ thương hiệu Việt Nam mở rộng hiện diện tại thị trường khu vực và quốc tế.

Những ưu tiên này cho thấy, Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam cần chuyển mạnh từ ghi nhận kết quả sang thúc đẩy quá trình nâng cấp doanh nghiệp. Nếu một sản phẩm được gắn biểu trưng Thương hiệu quốc gia Việt Nam nhưng doanh nghiệp vẫn phụ thuộc vào công nghệ, nguyên liệu, thiết kế và hệ thống phân phối của đối tác, tác động của Chương trình đối với vị trí của doanh nghiệp trong chuỗi giá trị sẽ còn hạn chế.

Ngược lại, khi tiêu chí xét chọn tạo động lực để doanh nghiệp tăng cường đầu tư cho R&D, hình thành tài sản trí tuệ, phát triển nhà cung ứng và trực tiếp xây dựng thị trường, biểu trưng Thương hiệu quốc gia Việt Nam không chỉ mang ý nghĩa tôn vinh mà còn là cam kết công khai về chất lượng, năng lực đổi mới và trách nhiệm duy trì uy tín của doanh nghiệp.

Hiệu quả của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam cũng cần được đánh giá bằng những chuyển biến thực chất trong năng lực của doanh nghiệp, thay vì chỉ dựa vào số lượng sản phẩm được công nhận. Thước đo quan trọng hơn là doanh nghiệp làm chủ thêm được bao nhiêu công nghệ, tạo ra bao nhiêu tài sản trí tuệ, nâng cấp được bao nhiêu nhà cung ứng Việt Nam và xây dựng được vị thế như thế nào trên thị trường quốc tế.

Sự kết nối giữa Chương trình Thương hiệu quốc gia và GoGlobal sẽ góp phần hình thành lộ trình hỗ trợ liên tục, từ nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực quản trị và đổi mới sáng tạo đến bảo hộ thương hiệu, đầu tư và mở rộng hoạt động ở nước ngoài. Trong quá trình đó, cơ quan quản lý nhà nước tạo khuôn khổ, cung cấp thông tin và các công cụ hỗ trợ; còn doanh nghiệp phải trực tiếp đầu tư nguồn lực, lựa chọn thị trường và chịu trách nhiệm về chất lượng, uy tín của thương hiệu.

Theo Thứ trưởng Lương Hoàng Thái, mục tiêu xuyên suốt trong giai đoạn tới là chuyển từ "sản xuất tại Việt Nam" sang "tạo ra giá trị từ Việt Nam", từ tham gia sang nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu. Định hướng này đồng thời đặt ra yêu cầu gắn kết phát triển thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp, thương hiệu ngành và Thương hiệu quốc gia; phát triển những doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, có khả năng dẫn dắt ngành hàng và đưa các doanh nghiệp trong nước cùng tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị■


Vietnam Value
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM
QUA 10 KỲ XÉT CHỌN 2008 - 2026
1 QUY MÔ CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP NGÀY CÀNG LỚN
Qua 10 kỳ xét chọn, số doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam đã tăng từ 30 doanh nghiệp với 50 sản phẩm năm 2008 lên 227 doanh nghiệp với 499 sản phẩm năm 2026.
Năm 2008
30 doanh nghiệp
50 sản phẩm
Năm 2026
227 doanh nghiệp
499 sản phẩm
2 KẾT QUẢ NỔI BẬT CỦA 227 DOANH NGHIỆP NĂM 2025
227 doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2026 đạt nhiều kết quả ấn tượng trong năm 2025.
Tổng doanh thu
hơn 2,5 triệu tỷ đồng
Doanh thu xuất khẩu
hơn 262 nghìn tỷ đồng
Nộp ngân sách
hơn 133 nghìn tỷ đồng
Tạo việc làm
hơn 760 nghìn lao động
3 ĐẦU TƯ CHO ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH
Không chỉ tạo ra giá trị lớn về sản xuất, xuất khẩu và việc làm, nhóm doanh nghiệp này còn đẩy mạnh đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, sở hữu nhiều tài sản trí tuệ và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.
Đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D)
gần 43.600 tỷ đồng
Tăng hơn 6% so với năm trước
Đăng ký
gần 5.700
nhãn hiệu, sáng chế, giải pháp hữu ích
Sở hữu
hơn 2.400
chứng chỉ, tiêu chuẩn quốc tế
Đồ họa: Tạp chí Công Thương



Phê duyệt chương trình quốc gia Phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo đáp ứng các ngành công nghệ chiến lược

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG NGÀNH CÔNG THƯƠNG:

BÀI TOÁN THỰC TIỄN VÀ GIÁ TRỊ GIA TĂNG MỚI

NGÀY HỘI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA 2026 ĐẶT RA YÊU CẦU CHUYỂN TỪ "CÓ HOẠT ĐỘNG" SANG "CÓ KẾT QUẢ", TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM VÀ THỊ TRƯỜNG. VỚI NGÀNH CÔNG THƯƠNG, NƠI TẬP TRUNG NHIỀU LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ NHỮNG BÀI TOÁN CÔNG NGHỆ CỤ THỂ, ĐÂY LÀ CƠ HỘI ĐỂ CÙNG XÁC ĐỊNH PHƯƠNG THỨC ĐƯA KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀO THỰC TIỄN.

● NGA HỒ

Đổi mới sáng tạo phải tạo ra giá trị đo được

Ngày hội Đổi mới sáng tạo quốc gia năm 2026 với chủ đề "Đổi mới sáng tạo - Động lực phát triển của toàn xã hội" do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức, quy tụ các nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức trong nước, quốc tế.

Các ý kiến tại Ngày hội cùng đặt ra một yêu cầu: đổi mới sáng tạo phải tạo ra kết quả trong thực tế, từ giải quyết bài toán sản xuất đến tạo ra công nghệ, sản phẩm và giá trị mới.

Phát biểu tại chương trình Ngày hội, thay mặt Chính phủ, Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng đề nghị mỗi bộ, ngành xác định các bài toán đổi mới sáng tạo trọng tâm; đưa mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu đổi mới sáng tạo vào kế hoạch phát triển, bố trí nguồn lực và định kỳ đánh giá kết quả, tác động. Phó Thủ tướng cũng yêu cầu thúc đẩy đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, hình thành dòng chảy giữa nhu cầu của doanh nghiệp với nguồn cung công nghệ, chuyên gia, tài chính, sở hữu trí tuệ và thị trường.

Trước đó, tại Phiên họp Ban Chỉ đạo Trung ương ngày 30/7/2026, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã chỉ đạo: "Mỗi bộ, ngành, địa phương đều phải trở thành một trung tâm đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực của mình".

Với ngành Công Thương, yêu cầu này bắt đầu từ việc xác định đúng những vấn đề cần khoa học, công nghệ giải quyết: nâng năng suất, giảm chi phí, làm chủ công nghệ, nâng chất lượng sản phẩm. Kết quả phải được thể hiện qua hiệu quả sản xuất, công nghệ được đưa vào sử dụng và sản phẩm có khả năng tiếp cận thị trường.

Tại Ngày hội, Tổng Giám đốc Samsung Việt Nam Na Ki Hong cũng nhìn câu chuyện đổi mới sáng tạo từ thực tế hoạt động của doanh nghiệp.

Theo ông Na Ki Hong, vai trò của doanh nghiệp FDI không nên chỉ được nhìn qua quy mô nhà máy hay kim ngạch xuất khẩu, mà còn ở số kỹ sư Việt Nam tham gia nghiên cứu triển khai (R&D), số doanh nghiệp Việt Nam đủ năng lực trở thành nhà cung ứng và lượng giá trị công nghệ được tạo ra, lưu giữ trong nền kinh tế Việt Nam. Samsung cũng đang mở rộng các hoạt động theo hướng này. Từ năm 2012 đến nay, doanh nghiệp đã đầu tư khoảng 180 tỷ đồng cho các chương trình hợp tác đại học, nghiên cứu và đào tạo nhân tài.

Ở khối doanh nghiệp, chương trình tư vấn phát triển Nhà máy thông minh do Samsung phối hợp với Bộ Công Thương và các địa phương đã hỗ trợ 91 doanh nghiệp, đào tạo 201 chuyên gia Việt Nam. Tại một doanh nghiệp nhựa ở Bắc Ninh, ứng dụng giải pháp quản trị dữ liệu giúp tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tăng từ 80% lên 92%, trong khi tỷ lệ lỗi giảm từ 12% xuống 0,5%.

Những kết quả này đặt ra yêu cầu với ngành Công Thương: nhiệm vụ khoa học, công nghệ phải xuất phát từ nhu cầu của doanh nghiệp và được đo bằng hiệu quả trong sản xuất, sản phẩm và thị trường.

Ngành Công Thương có nhiều bài toán để đổi mới sáng tạo

Ngành Công Thương có một lợi thế lớn: các bài toán cần giải nằm ngay trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Từ năng lượng, cơ khí, vật liệu, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo đến tự động hóa, tiết kiệm năng lượng, công nghệ xanh..., các lĩnh vực của ngành đều có nhu cầu nâng năng suất, chất lượng, giảm chi phí và tăng khả năng cạnh tranh. Mỗi vấn đề đều hoàn toàn có thể trở thành bài toán cho nghiên cứu và phát triển công nghệ.

Vấn đề là kết nối những bài toán đó với năng lực nghiên cứu như thế nào.

Theo định hướng của Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số - Bộ Công Thương trong các hoạt động hưởng ứng Ngày hội Đổi mới sáng tạo quốc gia, việc kết nối cung - cầu công nghệ, hợp tác nghiên cứu giữa viện, trường với doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đặt hàng, thử nghiệm, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu được chú trọng.

Đây cũng là hướng ngành Công Thương có thể tiếp tục đẩy mạnh: xác định bài toán từ doanh nghiệp, đặt hàng nghiên cứu và tạo điều kiện để kết quả được thử nghiệm ngay trong môi trường sản xuất. Như vậy, doanh nghiệp không chỉ tiếp nhận kết quả ở cuối quá trình, mà có thể tham gia từ lúc xác định vấn đề, đặt yêu cầu kỹ thuật và thử nghiệm công nghệ.

Những nội dung được trao đổi tại Diễn đàn Tương lai khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia 2026 trong khuôn khổ Ngày hội Đổi mới sáng tạo quốc gia 2026, cũng cho thấy yêu cầu này.

Diễn đàn tập trung vào 3 trụ cột: công nghệ

chiến lược; hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số. Theo Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo - Bộ Khoa học và Công nghệ Nguyễn Mai Dương, Ngày hội năm nay đặt ra yêu cầu chuyển mạnh từ nhận thức sang hành động; từ ý tưởng sang sản phẩm; từ nghiên cứu sang ứng dụng và thương mại hóa; từ mô hình đơn lẻ sang những kết quả có thể nhân rộng.

Ở trụ cột công nghệ chiến lược, chuỗi được đặt ra khá rõ: lựa chọn đúng công nghệ, làm chủ công nghệ, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ, đưa công nghệ vào sản xuất, thị trường và mở rộng ứng dụng.

Với trụ cột đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp được xác định là chủ thể trung tâm. Viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức trung gian, nhà đầu tư và cơ quan quản lý cần có những cơ chế hợp tác thực chất hơn.

Trụ cột thứ ba là chuyển đổi số quốc gia, từ khung kiến trúc số đến dữ liệu, hạ tầng dùng chung và năng lực triển khai ở quy mô quốc gia.

Đây cũng là những mắt xích ngành Công Thương đang có điều kiện tham gia trực tiếp.

Từ phòng thí nghiệm đến nhà máy và thị trường

Một đề tài được nghiệm thu chưa có nghĩa công nghệ đã sẵn sàng đưa vào sản xuất. Từ mô hình nghiên cứu đến sản phẩm thương mại còn phải qua thử nghiệm thực tế, hoàn thiện thiết kế, kiểm chứng, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và sản xuất thử.

Trong Tọa đàm "Tự chủ công nghệ của ngành Công Thương: Bài toán lớn và sản phẩm công nghệ chiến lược" do Tạp chí Công Thương thực hiện, TS. Vũ Văn Khoa - Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Cơ khí, cho rằng sau kết quả bước đầu trong phòng thí nghiệm, công nghệ vẫn phải được thử nghiệm ở quy mô thực, hoàn thiện thiết kế, kiểm chứng và hoàn thiện. Đây cũng là giai đoạn cần thêm nguồn lực mà kinh phí của một đề tài nghiên cứu thông thường không phải lúc nào cũng đáp ứng đủ.

Với doanh nghiệp, công nghệ còn phải đáp ứng những yêu cầu rất cụ thể về độ ổn định, chi phí, tiêu chuẩn và điều kiện vận hành.

Ông Nguyễn Hải Quân - Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP, cho rằng doanh nghiệp cần một cơ chế đặt hàng xuất phát từ nhu cầu thực tế của ngành, với lộ trình rõ từ nghiên cứu, thử nghiệm đến ứng dụng và thương mại hóa.

Điều đó cũng có nghĩa doanh nghiệp cần tham gia sớm, ngay từ khi xác định bài toán nghiên cứu. Khi biết rõ ai sử dụng, thử nghiệm ở đâu, tiêu chuẩn nào phải đáp ứng và sản phẩm hướng tới thị trường nào, khả năng công nghệ đi được đến sản xuất sẽ cao hơn.

Đây là điểm ngành Công Thương có thể phát huy lợi thế. Một nhu cầu của nhà máy có thể trở thành bài toán nghiên cứu; kết quả được thử nghiệm trong sản xuất, tiếp tục hoàn thiện rồi nhân rộng.

Khi đó, đánh giá một nhiệm vụ khoa học, công nghệ không chỉ dừng ở số lượng đề tài hay mô hình được tạo ra, mà cần nhìn vào công nghệ đã được kiểm chứng chưa, doanh nghiệp nào sử dụng, sản phẩm có thị trường không và hiệu quả sản xuất ra sao.

Đó cũng là con đường được đặt ra tại Diễn đàn Tương lai khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia 2026: từ nghiên cứu, làm chủ công nghệ, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ đến sản xuất, thị trường và mở rộng ứng dụng.

Nhìn từ Samsung, đầu tư cho R&D, hợp tác với trường đại học, đào tạo nhân lực, phát triển nhà máy thông minh hay nâng năng lực doanh nghiệp Việt Nam cũng đều hướng tới tạo thêm giá trị tại Việt Nam.

Đổi mới sáng tạo của ngành Công Thương phải bắt đầu từ những vấn đề cụ thể trong sản xuất: một công đoạn cần nâng năng suất, một dây chuyền cần giảm tiêu hao, một sản phẩm cần nâng chất lượng hoặc một công nghệ cần thay thế thiết bị nhập khẩu. Từ yêu cầu đó, doanh nghiệp đặt bài toán, viện nghiên cứu và trường đại học tham gia giải quyết, công nghệ được thử nghiệm, hoàn thiện trước khi đưa vào sản xuất và thương mại hóa.

Cách làm này cũng đặt ra yêu cầu rõ hơn với hoạt động khoa học và công nghệ của ngành: doanh nghiệp phải nêu đúng nhu cầu, các đơn vị nghiên cứu phải giải được bài toán và kết quả nghiên cứu phải chứng minh được hiệu quả khi đưa vào sản xuất, tạo ra sản phẩm và tiếp cận thị trường■

VIETNAM INDUSTRY & TRADE REVIEW



LEVERAGING RESOURCES AND ALIGNING TRAINING AND SCIENTIFIC RESEARCH WITH KEY CHALLENGES FACING THE INDUSTRY AND TRADE SECTOR

Website: tapchicongthuong.vn



MINISTER LÊ MẠNH HÙNG'S ACTIVITIES DURING HIS VISIT TO CANADA AS PART OF THE DELEGATION ACCOMPANYING GENERAL SECRETARY AND STATE PRESIDENT TÔ LÂM ON HIS STATE VISIT

ON SEPTEMBER 23, 2026, MINISTER OF INDUSTRY AND TRADE LÊ MẠNH HÙNG JOINED THE DELEGATION ACCOMPANYING GENERAL SECRETARY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM AND STATE PRESIDENT TÔ LÂM AS IT ARRIVED IN OTTAWA, BEGINNING A STATE VISIT TO CANADA AT THE INVITATION OF GOVERNOR GENERAL LOUISE ARBOUR.

An official welcoming ceremony for General Secretary and State President Tô Lâm and the high-level Vietnamese delegation was held on the morning of September 24, 2026, at Rideau Hall in Ottawa, with the highest level of protocol accorded to a head of state.

Further leveraging the CPTPP and accelerating the conclusion of ASEAN - Canada Free Trade Agreement negotiations

On September 24, 2026, Minister of Industry and Trade Lê Mạnh Hùng joined General Secretary and State President Tô Lâm's delegation for talks with Canadian Prime Minister Mark Carney.

During the talks, Prime Minister Carney expressed his desire to make cooperation in economics, trade, investment, finance and economic integration a major driving force behind the strategic partnership between the two countries. He called for improved market access for goods, stronger trade and investment promotion, and closer supply chain linkages. He also encouraged Canadian businesses and investment funds to expand their investments in Vietnam, welcomed new areas of cooperation such as infrastructure and transportation, and supported exploring the establishment of direct flights between the two countries.

The Canadian Prime Minister proposed that both sides further leverage the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) to promote free trade and accelerate the conclusion of negotiations on the ASEAN - Canada Free Trade Agreement, thereby broadening opportunities for cooperation and diversifying markets and supply chains.

General Secretary and State President Tô Lâm affirmed that the two countries should focus on new priorities in their bilateral relationship, with science and technology, digital transformation, artificial intelligence and advanced technologies serving as new drivers of

cooperation. He called for stronger collaboration in research, development and the application of emerging technologies, as well as greater exchanges of experience in digital transformation and the development of digital government, the digital economy and digital society, alongside a focus on developing highly skilled human resources. Both sides agreed to strengthen linkages among universities, research institutes and businesses, promote joint research and facilitate knowledge and technology transfer and the development of innovation ecosystems.

The two sides agreed to expand energy cooperation, including in clean energy, liquefied natural gas (LNG), renewable energy and potential cooperation in the peaceful use of nuclear energy. They also agreed to strengthen cooperation in healthcare, environmental protection, agriculture, food security, education and training, culture and people-to-people exchanges. Both countries emphasized making better use of their complementary strengths in agriculture, food production and food trade to help build sustainable supply chains.

A New Milestone in Vietnam - Canada Energy Cooperation

On this occasion, in the presence of General Secretary and State President Tô Lâm and Canadian Prime Minister Mark Carney, Minister of Industry and Trade Lê Mạnh Hùng exchanged a Memorandum of Understanding (MoU) on energy cooperation and the clean energy transition with Canadian Minister of Energy and Natural Resources Tim Hodgson.

The exchange of the MoU marked a new milestone in energy cooperation between Vietnam and Canada, helping translate their shared commitment to strengthening bilateral relations into concrete action while expanding opportunities for cooperation in the energy sector. This sector plays a vital role in economic development, energy security and the transition towards cleaner energy sources.

The MoU establishes a framework for both sides to enhance dialogue, exchange information, and share experience and best practices in energy development and the clean energy transition. It also encourages private sector participation, creating opportunities for cooperation in investment, financing and energy project development. Based on their respective needs and comparative advantages, the two countries may advance cooperation in areas such as LNG, liquefied petroleum gas (LPG), crude oil, hydrogen and hydrogen derivatives, renewable energy, hydropower and other mutually agreed sectors.

The MoU also provides a mechanism for strengthening connections among government agencies, businesses, financial institutions, research organizations and other relevant stakeholders in both countries, helping translate broad cooperation priorities into tangible opportunities and projects in the coming years.

The exchange of the MoU in the presence of the two countries' senior leaders underscored Vietnam and Canada's shared commitment to deepening energy cooperation and making practical contributions to economic growth, energy security and a cleaner, more sustainable energy transition.

Earlier, on September 23, 2026, Minister of Industry and Trade Lê Mạnh Hùng held a working meeting with Canadian Minister of Energy and Natural Resources Tim Hodgson, following the completion and signing of the MoU on energy cooperation and energy transition between the two ministries.

During the meeting, the two ministers discussed areas where Vietnam and Canada have complementary capabilities and potential for cooperation, ranging from LNG, clean energy and offshore wind power to carbon capture and storage (CCS), small-scale nuclear power and technological solutions supporting the energy transition. Minister Lê Mạnh Hùng highlighted Vietnam's need to diversify energy supplies, develop LNG to support gas-fired power projects and ensure energy security. He also emphasized the importance of gaining greater access to Canada's experience, technologies and expertise in emerging energy sectors and clean technologies.

For his part, Minister Tim Hodgson discussed opportunities to expand investment cooperation in LNG, including the possibility of Vietnamese enterprises exploring participation in LNG projects in Canada. Canada also expressed interest in strengthening cooperation on nuclear technologies, including CANDU reactor technology and small modular reactors (SMRs), while fostering closer connections among businesses, technology providers and energy partners from both countries.

Following the discussions, Minister Lê Mạnh Hùng proposed the early establishment of a joint working group on energy and the development of an implementation plan for the MoU, with clearly defined tasks and deliverables.

The meeting highlighted how energy cooperation is opening up new opportunities for Vietnam and Canada to combine their respective strengths and capabilities. Beyond trade and investment, cooperation is increasingly extending into technology, infrastructure, human resources and solutions supporting the energy transition. Building on the newly established cooperation framework, both countries are well positioned to advance concrete initiatives, encourage greater business participation and gradually turn cooperation potential into actual projects, making practical contributions to sustainable energy development and bilateral economic relations.

Strengthening Logistics Cooperation, Promoting Investment and Deepening Manufacturing Linkages in Regional and Global Supply Chains

On September 25, 2026, Minister of Industry and Trade Lê Mạnh Hùng met with Canada's Minister of International Trade and Global Affairs, Maninder Sidhu.

During the meeting, the two ministers welcomed the positive momentum in Vietnam -Canada economic and trade relations and agreed on the need to further capitalize on the potential and complementary advantages of their economies, while promoting diversification of markets, partners and supply chains.

Both sides agreed to continue effectively implementing the outcomes of their existing cooperation, make better use of opportunities under the CPTPP and advance negotiations on the ASEAN - Canada Free Trade Agreement (ACAFTA), with a view to expanding opportunities for bilateral trade and investment cooperation.

Regarding trade connectivity, Vietnam proposed strengthening logistics cooperation, particularly by exploring the development of direct maritime shipping routes linking Vietnam with ports on Canada's east coast, such as Montreal and Halifax. Enhanced direct connectivity would help shorten shipping times, reduce logistics costs, improve the competitiveness of goods and enable businesses in both countries to expand more easily into each other's markets.

Vietnam also proposed promoting investment and manufacturing linkages to facilitate deeper integration into regional and global supply chains, particularly in sectors where Canada has strengths and Vietnam has growing demand, including energy, aviation, high technology and food processing.

The two ministers also discussed measures to promote more balanced and sustainable trade. Vietnam reaffirmed its readiness to increase imports of Canadian products in which Canada holds competitive advantages, including agricultural and seafood products, LNG, fertilizers and industrial production inputs, thereby further expanding the scale and composition of bilateral trade. Both sides agreed to maintain close coordination within regional and multilateral cooperation frameworks, including the CPTPP and the Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC) forum. Vietnam welcomed and supported Canada's hosting of APEC in 2029 and expressed its readiness to coordinate in preparing and organizing related activities.

The meeting helped advance the implementation of bilateral economic and trade cooperation priorities, generating further momentum for business connectivity, supply chain expansion and the development of more substantive, balanced and sustainable trade and investment relations between Vietnam and Canada.

Vietnam ready to serve as a bridge for Canadian businesses to expand operations in Vietnam and access ASEAN markets

On September 25, 2026, Minister of Industry and Trade Lê Mạnh Hùng held working meetings with Goldy Hyder, President and Chief Executive Officer of the Business Council of Canada (BCC), and Ian L. Edwards, President and Chief Executive Officer of AtkinsRéalis.

During his meeting with Goldy Hyder, Minister Lê Mạnh Hùng welcomed the growing interest of the Canadian business community in Vietnam amid significant shifts in global supply chains. Both sides acknowledged that Vietnam and Canada possess substantial complementary advantages, while considerable untapped potential remains in trade, investment and supply chain connectivity.

The minister emphasized Vietnam's readiness to serve as a bridge for Canadian businesses seeking to expand their operations in Vietnam and gain access to ASEAN markets. He also encouraged enterprises from both countries to strengthen investment, manufacturing, technology and brand partnerships, enabling deeper participation in regional and global value chains.

The two sides discussed cooperation opportunities in promising sectors, including clean energy and the green transition, nuclear power and SMRs, LNG, minerals and high technology, agriculture and food processing, and education and training. Vietnam expressed its desire for Canadian enterprises to increase investment, facilitate technology transfer, support workforce training and participate in energy, infrastructure and industrial development projects in Vietnam.

Minister Lê Mạnh Hùng affirmed that the Ministry of Industry and Trade stands ready to act as a facilitator and support Canadian businesses throughout the process, from investment promotion and partner identification to the implementation of specific projects in Vietnam, thereby contributing to increasingly substantive economic, trade and investment cooperation between the two countries.

Building the institutional framework and capabilities needed for nuclear power development in Vietnam

During his meeting with Ian L. Edwards, President and Chief Executive Officer of AtkinsRéalis, a Canadian engineering and nuclear services group, Minister Lê Mạnh Hùng commended the company's extensive experience and capabilities in nuclear power and discussed potential cooperation and support for Vietnam as it explores and develops nuclear energy. Discussions focused on establishing a legal framework, licensing regulations and nuclear safety standards; training and human resource development; and opportunities to strengthen the capabilities of Vietnamese government agencies and enterprises in the nuclear power sector.

The minister called on AtkinsRéalis to continue cooperating with Vietnam through technical exchanges, experience sharing and training activities, helping establish the institutional foundations and technical capabilities needed for the country's nuclear power development.

On that basis, both sides agreed to continue technical discussions, assess supply chain capabilities and identify priority areas for cooperation, laying the groundwork for concrete collaborative programs in the coming years.

The meetings helped strengthen ties between Vietnam and Canada's business community and major corporations, while expanding opportunities for cooperation in economics, trade, investment, energy and technology. They also contributed to translating the two countries' cooperation priorities into concrete initiatives in a new phase of bilateral relations■

VIETNAM'S INDUSTRY AND TRADE SECTOR MAINTAINS STRONG GROWTH MOMENTUM IN FIRST NINE MONTHS OF 2026

ON THE AFTERNOON OF OCTOBER 7, 2026, DEPUTY MINISTER PHAN THỊ THẮNG, SPOKESPERSON FOR THE MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE, CHAIRED THE MINISTRY'S REGULAR PRESS CONFERENCE FOR THE THIRD QUARTER OF 2026 AT ITS HEADQUARTERS.

Industrial production, trade and energy maintain positive momentum in the first nine months

According to a report by the Ministry of Industry and Trade, the global economy continued to experience rapid, complex and unpredictable developments during the first nine months of 2026. Strategic competition among major powers intensified, accompanied by rising protectionist barriers, tariffs and new requirements concerning rules of origin, green standards and carbon emissions. In particular, geopolitical conflicts in the Middle East drove oil prices sharply higher in September, pushing up fuel and logistics costs.

Domestically, the economy recorded a strong recovery, with rising demand for production inputs, increased investment expansion by foreign-invested enterprises and growing export orders. These developments generated substantial demand for electricity, fuels, raw materials, machinery and equipment. Meanwhile, domestic consumption, tourism and services continued to improve, supported by economic stimulus programmes.

Against this backdrop, and in accordance with the directions of the Government and Prime Minister, the Ministry of Industry and Trade closely followed the resolutions and conclusions of the Party and National Assembly, as well as the Government's Resolution No. 01/NQ-CP. The industry and trade sector proactively monitored market developments, ensured energy security, addressed difficulties facing businesses and promoted industrial production and exports.

Socio-economic performance in September, the third quarter and the first nine months of 2026 recorded numerous positive results, with growth reaching its highest level in many years and macroeconomic stability broadly maintained. Within the industry and trade sector, industrial production, trade and energy activities generally sustained positive momentum. Key results included the following:

Industrial production continued to expand. The Index of Industrial Production (IIP) rose by 16.65% year-on-year in September and 3.26% month-on-month. Over the first nine months, the IIP increased by 12.33%, closely tracking the nine-month growth scenario of 12.28%. Growth accelerated across successive quarters, from 10.5% in the first quarter to 11.2% in the second and 14.8% in the third.

Manufacturing and processing remained the principal growth driver, expanding by 12.93% over the nine-month period, including a 17.12% increase in September alone. However, industrial growth remained uneven across localities, with several major industrial hubs still performing below their targeted growth rates. Maintaining strong momentum in manufacturing and processing during the fourth quarter will therefore be decisive in achieving the full-year targets.

The domestic market continued to underpin economic growth. Total retail sales of goods and consumer service revenues were estimated at VND 690.6 trillion in September, up 14.1% year-on-year and 1.7% from the previous month. Cumulative revenue for the first nine months reached VND 5,925.7 trillion, representing a 13.4% increase, within the full-year target range and 1.4% above the nine-month plan. Third-quarter revenue was estimated at approximately VND 2,039 trillion, up 14.5%.

Nevertheless, growth continued to rely more heavily on services, highlighting the need to further strengthen consumer demand for goods to generate greater spillover effects on domestic production.

Import-export activities remained a bright spot.



Deputy Minister Phan Thị Thắng, Spokesperson of the Ministry of Industry and Trade, chairs the Ministry's regular press conference for the third quarter of 2026. (Photo: Vietnam Industry and Trade Review)

Export turnover surged by 24.5% in the first nine months, with September alone recording a 39.1% increase, the highest growth rate since the beginning of the year. The foreign-invested sector accounted for 80.6% of total export turnover and posted growth of 29.2%, while exports by domestic enterprises rose by 8.1%. Growth was concentrated primarily in electronics, machinery and equipment.

Meanwhile, import turnover increased by 36.7% over the nine-month period. Machinery, equipment, fuels, raw materials and other inputs used for domestic production and export processing accounted for approximately 90.5% of total imports.

National energy security continued to be firmly maintained. The power system operated safely and stably, fully meeting demand for production and daily life. Total electricity generation and imports reached 266.58 billion kWh in the first nine months, up 9.65% year-on-year and equivalent to approximately 76% of the annual plan. In September 2026 alone, the figure reached 30.73 billion kWh, an increase of 11.95%.

Commercial electricity sales amounted to 237.19 billion kWh, up 9.66%. Of this total, the industrial and construction sectors consumed 122.18 billion kWh, an increase of 8.32%, while electricity consumption in the commercial, hotel and restaurant sectors rose by 13.61%.

The power generation capacity reserve margin stood at approximately 26.3%, exceeding the target of 21.8%. Petroleum supplies were also maintained without disruption despite fluctuations in global oil prices.

E-commerce continued to expand, with 68% of enterprises adopting e-commerce, exceeding the set target. However, the business-to-consumer (B2C) e-commerce market grew by only 19.5%, falling short of the targeted range of 20 - 22%. Accordingly, the fourth-quarter focus should shift from expanding participation towards improving transaction efficiency, service quality and the management of digital platforms.

Coordinated measures in the final three months to achieve the highest possible fulfilment of 2026 targets

The Ministry of Industry and Trade noted that, despite the positive results achieved during the first nine months, the economy in general and the industry and trade sector in particular would continue to face a combination of difficulties and challenges in the fourth quarter.

Externally, prolonged monetary tightening, exchange rate fluctuations and geopolitical tensions have driven up energy prices and logistics costs, directly increasing production expenses and inflationary pressures while weakening purchasing power in key

export markets. These pressures are compounded by rising technical barriers, tariffs, green standards and risks of market volatility in major economies such as the United States and China.

Domestically, industrial production growth remains vulnerable to a slowdown due to constraints related to export orders, raw material supplies and progress in bringing additional power generation capacity online. Meanwhile, the recovery in domestic purchasing power and e-commerce has yet to gain sufficient momentum.

"These challenges underscore the urgent need for proactive monitoring, flexible adaptation and the coordinated implementation of key measures during the final three months of the year to achieve the highest possible fulfilment of the 2026 targets," the Ministry stated.

To address these challenges, the Ministry outlined six priority groups of measures.

First, removing obstacles and accelerating the recovery of industrial production. Efforts will focus on decisively addressing bottlenecks involving orders and raw material supplies, providing maximum support to manufacturing and processing enterprises, and accelerating the commissioning of major industrial projects capable of generating additional output within the year.

Second, ensuring energy security. Priority will be given to accelerating construction and completion of key power generation and transmission grid projects, while reviewing and updating power system operating plans under peak-load scenarios towards the end of the year to ensure adequate supplies of fuels and raw materials for electricity generation.

The Ministry will also continuously monitor developments in global oil prices and international shipping routes, proactively diversify import sources and flexibly coordinate price regulation mechanisms, taxes, fees and national reserves to stabilize the domestic market and minimize the impact of external price shocks.

Third, boosting exports, diversifying markets and strengthening compliance capabilities. The Ministry will focus on maximizing the benefits of signed free trade agreements (FTAs) and expanding into new markets, while enhancing early-warning capabilities concerning trade remedy investigations, tariff barriers, green standards, traceability requirements and rules of origin.

Support will also be provided to help enterprises improve product quality, develop brands and enhance supply chain transparency. Additional priorities include promoting exports through formal trade channels, expanding phytosanitary agreements and protocols for agricultural products, increasing investment in cold-chain logistics infrastructure, and standardizing cultivation areas and packing facilities to meet the regulatory requirements of individual partner markets.

Fourth, stimulating consumption and strengthening the domestic market. The Ministry will focus on implementing large-scale consumption stimulus initiatives, nationwide concentrated promotion programmes, supply-demand connection activities and the development of modern commercial infrastructure.

Greater attention will also be paid to monitoring and stimulating purchasing power and retail sales in major consumption centres and localities experiencing relatively low growth. Measures will be taken to ensure adequate supplies of essential goods to meet demand during the year-end peak shopping season and the Lunar New Year holiday.

Fifth, accelerating e-commerce development while ensuring effective governance of the digital marketplace. Coordinated measures will be implemented to bring B2C e-commerce growth within the targeted range of 20-22%.

The Ministry will intensify support for small and medium-sized enterprises and household businesses in adopting digital technologies and participating in cross-border e-commerce platforms. At the same time, it will strengthen regulatory oversight, seller identity verification and enforcement against counterfeit and imitation goods, while protecting consumer rights and improving data connectivity and sharing among state management agencies operating in the digital environment.

Sixth, improving the institutional framework, reforming administrative procedures and advancing digital transformation, while accompanying and supporting enterprises, promptly resolving business difficulties and strengthening competitiveness.

The Ministry of Industry and Trade will continue working closely with other ministries, government agencies, local authorities and the business community to firmly safeguard national energy security, promote industrial development, strengthen the role of the domestic market and expand exports.

Through these efforts, the Ministry aims to achieve the highest possible fulfilment of the sector's development targets, contributing to the successful implementation of Vietnam's socio-economic development objectives for 2026■



Deputy Minister of Industry and Trade Lương Hoàng Thái. (Photo: moit.gov.vn)

STRENGTHENING VIETNAM'S NATIONAL BRAND TO ENHANCE GLOBAL COMPETITIVENESS AND INTERNATIONAL STANDING

Deputy Minister of Industry and Trade Lương Hoàng Thái emphasized that building Vietnam's national brand is a key driver of greater competitiveness and a stronger international standing.

After more than two decades, the Vietnam National Brand Program has become a distinctive trade promotion initiative, helping enhance business competitiveness and increase the value of Vietnam's national brand. In its next phase, the Program aims to integrate brand development with innovation, digital transformation and the green transition, while raising the profile of Vietnamese brands in international markets.

In an interview with the press, Deputy Minister of Industry and Trade Lương Hoàng Thái discussed the achievements of the Vietnam National Brand Program and its strategic priorities for enhancing the value of Vietnamese brands in the years ahead.

National brand development enhances competitiveness

Reporter: *After more than two decades of implementation, what achievements has the Vietnam National Brand Programme made in enhancing the value of the national brand and strengthening Vietnam's reputation and standing internationally?*

DEPUTY MINISTER LƯƠNG HOÀNG THÁI: The Vietnam National Brand Program is a long-term, specialized trade promotion initiative of the Government, linking the development of product and corporate brands with efforts to strengthen the country's reputation and competitiveness. Over more than two decades, the Program has established a common framework for the Government and businesses to jointly develop Vietnamese brands, with quality, innovation and pioneering capabilities as its foundations.

In 2026, according to Brand Finance, a UK-based brand valuation consultancy, Vietnam's national brand value reached US$462.279 billion, an increase of 45.14% compared with 2020, ranking 32nd among 193 countries assessed.

The Program has contributed to this overall achievement through the development of enterprises

whose products have earned Vietnam National Brand recognition. These enterprises account for 50% of Vietnam's 50 most valuable brands. Five are among the country's top 10 most valuable brands, collectively representing approximately 69.1% of the group's total brand value.

By fostering high-quality, competitive brands, the Program has helped strengthen international recognition of Vietnam as a country capable of innovation, advanced manufacturing and supplying high-value products, as well as a reliable economic partner.

This provides an important foundation for reinforcing the confidence of international consumers, business partners and investors, enhancing Vietnam's attractiveness and elevating its position in global value chains.

Reporter: *The community of enterprises with products recognized under the Vietnam National Brand Programme continues to grow, making significant contributions to production, exports, state budget revenue and employment. How do you assess the role of these enterprises in the national economy?*

DEPUTY MINISTER LƯƠNG HOÀNG THÁI: Enterprises with products recognized under the Vietnam National Brand Program represent an important force in expanding production, boosting exports and strengthening the competitiveness of the economy.

Across 10 selection rounds, the Program has expanded from 30 enterprises with 50 recognized products in 2008 to 227 enterprises with 499 recognized products in 2026, reflecting the growing scale of Vietnam's nationally recognized business community.

First and foremost, these enterprises make direct contributions to production, exports, government revenue and employment.

In 2025, the 227 enterprises whose products received Vietnam National Brand recognition in 2026 generated total revenue of more than VND 2.5 quadrillion, export revenue exceeding VND 262 trillion and state budget contributions of more than VND 133 trillion, while providing employment for over 760,000 workers. They also allocated nearly VND 5 trillion to social welfare activities.

Beyond their contributions in terms of business scale and economic output, these enterprises have placed considerable emphasis on investing in their competitiveness.

In 2025, they invested nearly VND 43.6 trillion in research and development (R&D), an increase of more than 6% compared with 2024. They also registered nearly 5,700 trademarks, patents and utility solutions, along with more than 2,400 international certifications and standards.

These are important factors enabling enterprises to improve productivity and quality, increase product value and expand into new markets.

They also provide a foundation for these enterprises to play a leading role in supporting the development of domestic suppliers, strengthening the economy's self-reliance and enhancing the position of Vietnamese products in global value chains.

Positioning Vietnamese brands for global value creation

Reporter: *Building on these achievements, what strategic priorities will the Vietnam National Brand Programme pursue in the coming years to strengthen brand-building capabilities and elevate Vietnamese brands internationally?*

DEPUTY MINISTER LƯƠNG HOÀNG THÁI: In the coming period, the Vietnam National Brand Program will focus on three key priorities.

First, developing the Vietnam National Brand Development Strategy to 2035, with a vision to 2045, linking the development of product brands, corporate brands, industry brands and the national brand.

The focus will be on leveraging the strengths of key economic sectors, mobilizing the participation of ministries, government agencies, local authorities and the business community, and combining economic strength with Vietnam's cultural values and human capital to enhance the country's brand value, reputation and international appeal.

Second, strengthening enterprises' brand-building and brand management capabilities, based on the three core values of "Quality - Innovation - Leadership."

The Program will promote digital transformation and the green transition, while supporting enterprises in meeting international standards, building credibility and developing sustainable competitive advantages.

Third, supporting Vietnamese brands in expanding their presence across regional and international markets. This will involve intensifying brand promotion and protection, while strengthening linkages with diplomacy, culture, tourism and international communications.

Particular emphasis will be placed on developing enterprises with strong brands capable of leading their respective industries and enabling more domestic businesses to participate deeply in global value chains.

The overarching objective is to shift from "Made in Vietnam" to "Value Created in Vietnam", and from merely participating in global value chains to securing a stronger position within them, thereby further consolidating Vietnam's standing in international markets.

Reporter: *Thank you very much, Deputy Minister.*

LEVERAGING RESOURCES AND ALIGNING TRAINING AND SCIENTIFIC RESEARCH WITH KEY CHALLENGES FACING THE INDUSTRY AND TRADE SECTOR

On October 2, 2026, Minister of Industry and Trade Lê Mạnh Hùng chaired a working meeting with universities, colleges and research institutes under the Ministry to review their recent performance and identify measures to better harness the potential, strengths and resources of the Ministry's education and research institutions.

The meeting was attended by Deputy Ministers Phan Thị Thắng and Nguyễn Việt Sơn, leaders of departments and agencies under the Ministry, and representatives of universities, colleges and research institutes affiliated with the Ministry.

Harnessing the resources of the ministry's research and education institutions

Speaking at the meeting, Minister of Industry and Trade Lê Mạnh Hùng emphasized that science, technology and innovation must become key drivers in achieving Vietnam's development goals in the new era. In this process, cooperation among the Government, educational institutions, research organizations and businesses plays a particularly important role.

According to Minister Lê Mạnh Hùng, the Ministry of Industry and Trade oversees a network of universities, colleges and research institutes, together with resources capable of contributing to the country's scientific, technological and innovation development objectives.

However, education, scientific research and innovation activities need to be more closely aligned with efforts to improve labour productivity, develop new products and services, and strengthen participation in value chains. At the same time, these activities must be better integrated with the development of Vietnam's industrial sectors.

Against this backdrop, the meeting provided an opportunity for the Ministry's leadership and its universities, colleges and research institutes to jointly review existing difficulties and obstacles, while identifying measures to more effectively utilize the potential, comparative advantages and collective capabilities of the Ministry's education and research network.



Minister of Industry and Trade Lê Mạnh Hùng chairs a working session with research institutes, universities, and colleges under the Ministry. (Photo: Vietnam Industry and Trade Review)

Presenting a report at the meeting, Trần Quang Huy - Director General of the Department of Personnel and Organization, said the Ministry currently oversees 26 educational institutions and is undertaking a restructuring of the system.

These universities, colleges and research institutes are located across various regions and localities nationwide, providing education and training from elementary vocational qualifications to doctoral degrees. They serve workforce needs in the industrial, trade and energy sectors, with particular emphasis on priority fields such as mechanical engineering, manufacturing, electronics, energy and nuclear power.

In 2026, total enrolment across the Ministry's educational institutions reached 279,635 students, with university students accounting for 69%.

The institutions have also strengthened links between education and practical industry requirements through cooperation with approximately 5,295 businesses and associations. A total of 47,600 student internship placements were recorded at enterprises.

These efforts demonstrate the contribution of the Ministry's educational institutions to supplying skilled human resources for key areas of the industry and trade sector, while gradually strengthening the alignment

between training programmes and the practical needs of businesses.

Providing further information at the meeting, Nguyễn Thị Lâm Giang - Director General of the Agency for Science, Technology and Digital Transformation, noted that scientific and technological activities at research institutes and educational institutions had achieved certain results in recent years.

Nevertheless, limitations remain in terms of funding, facilities, the scale of research projects, institutional collaboration and the transfer of research outcomes.

In the coming period, she emphasized the need to concentrate resources on areas where universities and research institutes possess particular strengths, while strengthening cooperation among research institutions, educational establishments and enterprises. Scientific and technological activities should increasingly focus on tangible outputs, practical applications and commercialization potential.

"Businesses will be at the centre of innovation activities. Therefore, universities and research institutes must place businesses at the centre of their research efforts, serving their needs in line with the sector's development priorities," Director General Nguyễn Thị Lâm Giang emphasized.

During the meeting, representatives of universities under the Ministry of Industry and Trade discussed education and training, scientific research, innovation and technology transfer.

The institutions are focusing on modernizing university governance models, accelerating digital transformation and applying artificial intelligence in management and education. They are also developing their areas of expertise to meet the workforce requirements of the industry and trade sector.

Alongside efforts to improve educational quality, universities are strengthening partnerships with businesses, industrial parks and industry associations, aligning education and research with practical requirements and promoting the application of research findings in production and business activities.

University representatives also proposed greater attention to the review, approval and implementation of scientific and technological projects, as well as investment support for research facilities and laboratories to strengthen their capabilities in education, research and technology transfer.

Sharing the objective of aligning research with the sector's practical needs, representatives of research institutes under the Ministry focused their discussions on scientific research, consultancy, technology transfer and participation in developing mechanisms and policies in specialized fields.

The institutes also highlighted difficulties involving highly qualified personnel, mechanisms for implementing research projects and the practical application of research results.

They proposed strengthening mechanisms for commissioning and coordinating large-scale scientific and technological projects, while promoting cooperation among research institutes, universities and specialized departments to concentrate resources on addressing major challenges facing the industry and trade sector.

Aligning education and scientific research with the sector's major development challenges

In his concluding remarks, Minister Le Manh Hung acknowledged and highly appreciated the efforts and achievements of educational, training and scientific research institutions under the Ministry, which have made important contributions to the development of the industry and trade sector.

To fully harness the potential, strengths and development momentum of the Ministry's education and research system, the Minister called on relevant departments, universities and research institutes to focus on implementing several key priorities.

First, he emphasized the particularly important role of education and scientific research. Accordingly, education, scientific research, technology and innovation must serve as the primary and most important drivers in implementing the development strategy of the industry and trade sector.

Based on the Ministry's existing regulations, rules and coordination mechanisms, Minister Lê Mạnh Hùng instructed the Department of Personnel and Organization and the Agency for Science, Technology and Digital Transformation to coordinate with relevant units and consult universities and research institutes to promptly develop and issue internal regulations governing resource utilization across the industry and trade sector.

At the same time, he called for the restructuring and consolidation of educational institutions under the Ministry to be completed without delay, with clear development orientations and strategies established for institutions following the reorganization.

For educational institutions transferred to local authorities in accordance with Government directives, the Minister stressed the need for proactive coordination with local administrations to provide maximum support for state management activities in the industry and trade sector.

These institutions should also continue leveraging their strengths and maintaining their focus on human resource development to meet the socio-economic development needs of their respective localities■

VĂN HÓA AN TOÀN EVN BẮT ĐẦU TỪ NHỮNG VIỆC HẰNG NGÀY

VĂN HÓA AN TOÀN EVN KHÔNG CHỈ ĐƯỢC ĐO BẰNG SỐ BUỔI HUẤN LUYỆN HAY KIỂM TRA, MÀ CÒN THỂ HIỆN QUA THÓI QUEN NHẬN DIỆN RỦI RO, KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ CHỦ ĐỘNG BẢO VỆ MÌNH CỦA MỖI NGƯỜI LAO ĐỘNG.

● THÁI LINH

Trong môi trường làm việc đặc thù của ngành Điện, một thao tác đúng quy trình có thể ngăn chặn nguy cơ xảy ra sự cố. Ngược lại, chỉ một phút chủ quan, bỏ qua bước kiểm tra hoặc đánh giá chưa đầy đủ điều kiện hiện trường cũng có thể dẫn đến hậu quả khó lường.

Bởi vậy, an toàn không thể chỉ được đặt ra trong những đợt kiểm tra hay nhắc lại tại các buổi huấn luyện. Điều quan trọng hơn là biến những yêu cầu bắt buộc thành phản xạ nghề nghiệp, để mỗi người lao động biết nhận diện nguy cơ và chủ động phòng ngừa trước khi bắt đầu công việc. Đó cũng là nền tảng để hình thành văn hóa an toàn EVN một cách thực chất và bền vững.

Từ tuân thủ quy trình đến chủ động phòng ngừa

Những con số được công bố tại Hội nghị công tác an toàn 9 tháng đầu năm 2026 cho thấy quy mô công việc mà EVN và các đơn vị đã triển khai. Hơn 50.000 lượt cán bộ, công nhân viên được huấn luyện an toàn; trên 2.300 cuộc thanh tra, kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động được thực hiện. Cùng với đó, hơn 600 nội quy, quy trình và hướng dẫn an toàn đã được sửa đổi, bổ sung.

Đằng sau các con số ấy là yêu cầu thường xuyên cập nhật phương thức quản lý trước những thay đổi của thiết bị, công nghệ và điều kiện làm việc. Tuy nhiên, quy trình dù chặt chẽ đến đâu cũng chỉ phát huy hiệu quả khi được người lao động hiểu đúng và thực hiện đầy đủ tại hiện trường.

Vì thế, xây dựng văn hóa an toàn EVN cần đi xa hơn việc yêu cầu người lao động ghi nhớ các quy định. Nội dung huấn luyện phải gắn với vị trí việc làm, những tình huống có thể phát sinh và điều kiện thực tế tại mỗi đơn vị. Người lao động không chỉ biết "phải làm gì" mà còn phải hiểu vì sao cần thực hiện từng bước và rủi ro nào có thể xảy ra nếu quy trình bị bỏ qua.

Từ góc độ quản lý, trách nhiệm bảo đảm an toàn trước hết thuộc về người đứng đầu. Ông Đinh Thế Phúc - Thành viên Hội đồng thành viên EVN yêu cầu tổng giám đốc, giám đốc các đơn vị trực tiếp chỉ đạo, điều hành công tác an toàn; đồng thời nâng cao năng lực của bộ phận chuyên trách và phát huy vai trò của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

Khi người đứng đầu thường xuyên kiểm tra, lắng nghe phản ánh từ hiện trường và xử lý kịp thời những nguy cơ được phát hiện, an toàn mới thực sự trở thành một phần trong hoạt động điều hành, thay vì chỉ là nội dung được nhắc đến sau mỗi sự cố.

Để an toàn trở thành phản xạ nghề nghiệp

Trong 9 tháng đầu năm, văn hóa an toàn EVN còn được mở rộng ra ngoài phạm vi nơi làm việc thông qua hoạt động tuyên truyền an toàn sử dụng điện trong cộng đồng. Hơn 3,75 triệu tin, bài và nội dung truyền thông đã được đăng tải; trên 145.000 cuốn cẩm nang, sổ tay về an toàn điện, phòng cháy, chữa cháy trong sử dụng điện được phát hành.

Công tác phòng, chống thiên tai cũng đặt ra những phép thử trực tiếp đối với khả năng tổ chức và kỷ luật



an toàn. Trước các đợt bão, mưa lớn, lũ và sạt lở đất từ đầu năm 2026, EVN và các đơn vị đã tăng cường kiểm tra công trình, chuẩn bị lực lượng, vật tư theo phương châm "4 tại chỗ". Việc xử lý sự cố, khôi phục cấp điện chỉ được triển khai khi điều kiện an toàn cho người lao động và người dân được bảo đảm.

Cùng với hoàn thiện quy trình và tăng cường huấn luyện, công nghệ đang mở thêm hướng tiếp cận cho văn hóa an toàn EVN. Một số đơn vị từng bước số hóa báo cáo, xây dựng dữ liệu tập trung và nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kiểm tra, giám sát thi công. Công nghệ có thể hỗ trợ nhận diện sớm nguy cơ, nhưng quyết định cuối cùng vẫn nằm ở ý thức và hành động của con người.

Theo định hướng đến năm 2030, các đơn vị thành viên EVN phấn đấu đạt mức độ trưởng thành văn hóa an toàn từ "Tốt" đến "Rất tốt". Mục tiêu này cho thấy văn hóa an toàn EVN đang được nhìn nhận như một quá trình lâu dài, cần sự tham gia đồng bộ từ lãnh đạo, bộ phận quản lý đến từng người lao động.

Một môi trường làm việc an toàn không được tạo nên chỉ bằng những khẩu hiệu. Nó bắt đầu từ việc kiểm tra kỹ dụng cụ trước khi làm việc, nhận diện đầy đủ mối nguy tại hiện trường, nhắc đồng nghiệp khi phát hiện thao tác chưa an toàn và sẵn sàng dừng công việc nếu điều kiện chưa bảo đảm.

Khi những việc tưởng như nhỏ ấy trở thành thói quen tự giác, văn hóa an toàn EVN mới thực sự đi vào từng vị trí công tác, góp phần bảo vệ người lao động và giữ cho hệ thống điện vận hành an toàn, liên tục■

CÔNG TY THUỐC LÁ SÀI GÒN

Lan tỏa TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

● LAN CHI

Trong năm 2026, Công ty Thuốc lá Sài Gòn tiếp tục triển khai nhiều hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa và hướng về cộng đồng. Từ chuỗi hoạt động tri ân người có công nhân dịp 27/7 đến hỗ trợ nhà ở cho các gia đình khó khăn, chăm lo thương binh và đóng góp cho chương trình hướng về biên giới, biển, đảo, các hoạt động được triển khai theo hướng thiết thực, gắn trách nhiệm xã hội với sự đồng hành lâu dài cùng cộng đồng.

Trong đó, hoạt động tri ân người có công là một trong những nội dung được Công ty chú trọng. Hưởng ứng Chương trình tri ân liệt sĩ năm 2026 với chủ đề "Gọi tên những vì sao đất nước", Công ty đã đóng góp 280 triệu đồng để hỗ trợ xây dựng 4 căn nhà tình nghĩa dành tặng Mẹ liệt sĩ, con liệt sĩ và thân nhân liệt sĩ gặp khó khăn về nhà ở.

Việc đóng góp kinh phí không chỉ mang lại giá trị vật chất to lớn, giúp các gia đình có một nơi an cư kiên cố, mà còn là sự hỗ trợ thiết thực về mặt tinh thần, qua đó thể hiện sự tri ân đối với những cống hiến của thế hệ đi trước. Không chỉ đóng góp từ nguồn kinh phí của Công ty, các tổ chức đoàn thể còn tích cực phát động, kêu gọi cá nhân cán bộ công nhân viên cùng chung tay quyên góp cho chương trình, và đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình từ tập thể người lao động.

Bên cạnh hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa, Công ty Thuốc lá Sài Gòn còn duy trì hoạt động chăm lo thường xuyên đối với người có công. Hiện Công ty thực hiện trợ cấp hằng tháng cho 6 thương binh nặng trên địa bàn, góp phần hỗ trợ chi phí sinh hoạt và chăm sóc sức khỏe. Trong chuỗi hoạt động tri ân năm 2026, Công ty cũng tổ chức thăm hỏi, trao quà cho các thương binh có hoàn cảnh khó khăn.

Không dừng lại ở việc chăm lo cho các cá nhân có hoàn cảnh khó khăn, Công ty còn tham gia đóng góp để bảo tồn các công trình lịch sử tại địa phương. Điển hình là việc hỗ trợ kinh phí để thực hiện công trình nâng cấp sân đình và Nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ tại ấp Thanh Sơn, xã Đức Huệ, tỉnh Tây Ninh, tạo ra không gian khang trang phục vụ nhu cầu tưởng niệm của người dân.

Hành trình đóng góp cho xã hội của Công ty Thuốc lá Sài Gòn không chỉ giới hạn trong công tác đền ơn đáp nghĩa mà còn được lan tỏa tinh thần tương thân tương ái, hướng tới đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều thiếu thốn. Nhằm hưởng ứng chủ trương "không để ai bị bỏ lại phía sau" của Đảng và Nhà nước, cũng trong tháng 7 vừa qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí xây tặng 2 căn nhà Đại đoàn kết tại thôn Đắk Á, xã Bù Gia Mập, thành phố Đồng Nai. Với số tiền 50 triệu đồng cho mỗi căn, nguồn kinh phí này đã giúp gia đình ông Điểu Kroch và ông Điểu Dơ, hai hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện



Công ty hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo



Công ty ủng hộ 280 triệu đồng cho Chương trình tri ân liệt sĩ 2026

nghèo, từng bước an cư vươn lên thoát nghèo và cải thiện cuộc sống.

Bên cạnh các chương trình an sinh xã hội hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn, Công ty Thuốc lá Sài Gòn còn đặc biệt chú trọng đóng góp nguồn lực để sát cánh cùng các lực lượng đang ngày đêm làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc. Tại chương trình giao lưu nghệ thuật "Hướng về biên giới, biển, đảo Tổ quốc năm 2026" diễn ra vừa qua tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã tham gia đóng góp số tiền 70 triệu đồng để ủng hộ Quỹ "Vì biển đảo quê hương - Vì tuyến đầu Tổ quốc Thành phố Hồ Chí Minh" năm 2026. Khoản tài trợ của doanh nghiệp đã hòa chung vào tổng số tiền hơn 55 tỷ đồng mà toàn thành phố huy động được trong chương trình, góp phần tạo ra nguồn lực tài chính để thực hiện các dự án thiết thực tại các vùng biên cương, biển đảo, góp phần chung tay giữ vững chủ quyền của Tổ quốc.



Công ty ủng hộ Quỹ Vì biển đảo quê hương 2026

Với phương châm phát triển bền vững, Công ty Thuốc lá Sài Gòn luôn xem trách nhiệm xã hội và các hoạt động vì cộng đồng là nét đẹp văn hóa cốt lõi được duy trì và thực hiện xuyên suốt. Bằng những đóng góp thiết thực về vật chất và tinh thần, doanh nghiệp mong muốn được chung tay lan tỏa tinh thần tương thân tương ái, phát huy truyền thống đoàn kết của dân tộc và đồng hành vào sự phát triển chung của đất nước■

TKV khởi động hai dự án tại Cao Bằng

Ngày 2/10, tại Cao Bằng, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) cùng địa phương khởi động Dự án đầu tư dây chuyền cán thép tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng và Dự án Cụm kho vật liệu nổ công nghiệp Nà Rụa.

Dự án đầu tư dây chuyền cán thép do Tổng công ty Khoáng sản - TKV làm chủ đầu tư, có công suất thiết kế khoảng 70.000 - 80.000 tấn sản phẩm/năm, tổng mức đầu tư khoảng 500 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành vào quý III/2028. Dự án sẽ sản xuất thép SVP, thanh ray chuyên dụng, góp phần phát triển chuỗi sản xuất từ quặng sắt đến sản phẩm thép chế biến sâu và chủ động nguồn vật tư phục vụ sản xuất của TKV.

Dự án Cụm kho vật liệu nổ công nghiệp Nà Rụa do Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin làm chủ đầu tư, gồm 2 nhà kho với tổng sức chứa 80 tấn, tổng mức đầu tư khoảng 28,5 tỷ đồng. Dự án dự kiến đưa vào vận hành từ quý IV/2027, đáp ứng khả năng cung ứng thuốc nổ từ 1.000 - 1.600 tấn/năm.

Cùng ngày, tỉnh Cao Bằng cũng tổng kết chiến dịch giải phóng mặt bằng 21 ha giai đoạn 1 khu



Bắc mỏ sắt Nà Rụa. Đến ngày 30/9, 434/443 hộ đã bàn giao mặt bằng, đạt trên 98%; tổng diện tích bàn giao đạt 207.389/210.000 m^2, tương đương 98,8%.

Việc cơ bản hoàn thành giải phóng mặt bằng tạo điều kiện để Công ty CP Gang thép Cao Bằng tổ chức bóc đất, khai thác quặng, góp phần bảo đảm nguồn nguyên liệu cho Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng. TKV yêu cầu các đơn vị đẩy nhanh tiến độ triển khai, kiểm soát chất lượng, chi phí, bảo đảm an toàn, môi trường và hiệu quả đầu tư.

PHƯƠNG MINH

TKV đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và sản xuất

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) đang đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa, tự động hóa và chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, hướng tới mục tiêu trở thành doanh nghiệp số vào năm 2030.

Trong khai thác than, TKV tăng cường đầu tư các dây chuyền cơ giới hóa đồng bộ, thiết bị công suất lớn và tự động hóa các khâu đào lò, vận tải, thông gió, thoát nước, giám sát an toàn. Đến hết năm 2025, Tập đoàn đã vận hành 14 dây chuyền lò chợ cơ giới hóa đồng bộ, sản lượng khoảng 4,5 triệu tấn, chiếm 16% sản lượng than hầm lò. Giai đoạn 2026 - 2030, tỷ lệ khai thác hầm lò bằng cơ giới hóa dự kiến được nâng lên khoảng 25 - 30%.

Chuyển đổi số cũng được triển khai trong quản trị nhân sự, vật tư, tài chính và điều hành sản xuất. Nhiều đơn vị đã ứng dụng chữ ký số, phần mềm giao ca, nhật lệnh, quản lý thiết bị, hệ thống điều khiển tập trung và giám sát từ xa. Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin đã ứng dụng nhận diện khuôn mặt



Hệ thống điều khiển tập trung của Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý và điều hành sản xuất

trong nhận lệnh sản xuất; Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin đưa hệ thống điều khiển tập trung vào quản lý, điều hành sản xuất.

Giai đoạn 2026 - 2030, TKV tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu, phát triển kho dữ liệu lớn, ứng dụng BI, AI và các công cụ phân tích, dự báo; triển khai các hệ thống ERP, MES, Smart Mine, Smart Plant, từng bước nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh.

TKV và Viettel hợp tác chiến lược về chuyển đổi số, công nghệ

Ngày 1/10/2026, tại Hà Nội, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) và Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) ký Thỏa thuận hợp tác chiến lược giai đoạn 2026 - 2030, tập trung vào chuyển đổi số, tự động hóa, công nghệ và phát triển vật liệu mới.

Theo đó, Viettel sẽ phối hợp với TKV thúc đẩy chuyển đổi số, khai thác dữ liệu và ứng dụng các giải pháp công nghệ vào quản lý, sản xuất. TKV đề nghị Viettel hỗ trợ rà soát, tích hợp dữ liệu tại các đơn vị thành viên, từng bước hình thành trục điều hành tập trung.

Hai bên cũng định hướng nghiên cứu, thử nghiệm các giải pháp tự động hóa, robot trong khai thác mỏ, đào lò. TKV sẵn sàng tạo môi trường thực tế để Viettel thử nghiệm các công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất và an toàn lao động.

Bên cạnh chuyển đổi số, hai tập đoàn dự kiến mở rộng hợp tác trong nghiên cứu, sản xuất vật liệu và thiết bị phục vụ công nghiệp điện, công nghệ cao và công nghiệp quốc phòng. TKV có thể cung ứng các sản phẩm khoáng sản thế mạnh phục vụ sản xuất cáp, thiết bị viễn thông; đồng thời hai bên nghiên cứu liên kết trong lĩnh



vực cơ khí và đầu tư khoáng sản tại thị trường nước ngoài.

Giai đoạn 2026 - 2030, hợp tác giữa TKV và Viettel được kỳ vọng phát huy thế mạnh về công nghiệp, tài nguyên của TKV cùng năng lực công nghệ, viễn thông của Viettel, góp phần thúc đẩy đổi mới công nghệ và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

BẢO LINH

Than Thống Nhất: Gắn biển công trình bơm và điều khiển tập trung trị giá 73,6 tỷ đồng

Ngày 6/10, Công ty Than Thống Nhất - TKV tổ chức gắn biển công trình "Lắp đặt trạm bơm nước và hệ thống giám sát điều khiển tập trung tại hầm bơm N3-140", chào mừng kỷ niệm 90 năm Ngày Truyền thống công nhân vùng Mỏ - Truyền thống ngành Than.

Công trình được triển khai tại hầm bơm trung tâm -140 bổ sung khu Lộ Trí, có tổng giá trị đầu tư 73,6 tỷ đồng, nhằm nâng cao năng lực bơm thoát nước mỏ, giảm sức lao động và bảo đảm sản xuất ổn định trong điều kiện khai thác ngày càng xuống sâu.

Các hạng mục chính gồm 3 máy bơm chịu ăn mòn axít MD720-60x4, 2 máy bơm hút chân không, hệ thống van điều khiển điện, hệ thống giám sát và điều khiển tập trung, cấp điện, chiếu sáng. Công trình còn có 2 tuyến đường ống đường kính 300 mm, mỗi tuyến dài 1.050 m từ hầm bơm trung tâm -140 lên mặt bằng +25. Khởi công từ tháng 3/2026, công trình hoàn thành nghiệm thu tổng thể trong tháng 7 và được chạy thử, đưa vào vận hành trong tháng 9/2026, sớm hơn một tháng so với mục tiêu TKV giao.



Việc đưa hệ thống vào hoạt động giúp nâng cao năng lực thoát nước, tăng khả năng giám sát, điều khiển thiết bị và giảm sức lao động trong vận hành; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, tự động hóa trong sản xuất. Ghi nhận việc hoàn thành công trình trước tiến độ, TKV đã khen thưởng Công ty Than Thống Nhất - TKV 100 triệu đồng.

HÀ ANH

KHUYẾN CÔNG TĂNG TỐC HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2026

ĐẾN HẾT THÁNG 9/2026, KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG KHU VỰC PHÍA BẮC MỚI THỰC HIỆN GẦN 30% KẾ HOẠCH NĂM. TIẾN ĐỘ NÀY ĐẶT RA YÊU CẦU RÀ SOÁT TỪNG ĐỀ ÁN, THÁO GỠ CÁC ĐIỂM NGHẼN VÀ ĐẨY NHANH ĐƯA NGUỒN LỰC VÀO SẢN XUẤT TRONG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM

● HÀ MY

Tăng tốc từ từng đề án

Theo báo cáo tại Hội nghị khuyến công các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc lần thứ XX năm 2026 vừa diễn ra tại Hải Phòng, tổng kế hoạch kinh phí khuyến công khu vực phía Bắc năm 2026 được duyệt hơn 110 tỷ đồng, trong đó kinh phí khuyến công quốc gia 17,6 tỷ đồng, khuyến công địa phương 93,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến hết tháng 9/2026, kinh phí thực hiện mới đạt 33,1 tỷ đồng, tương đương gần 30% kế hoạch năm.

Tiến độ này cho thấy, khối lượng công việc trong những tháng cuối năm còn rất lớn. Vì vậy, các địa phương cần rà soát toàn bộ các đề án đã được giao kế hoạch, xác định rõ khả năng hoàn thành và có phương án xử lý phù hợp.

Phát biểu tại Hội nghị, ông Trần Việt Hòa - Cục trưởng Cục Công nghiệp (Bộ Công Thương) cho biết, cần phân loại rõ những đề án có khả năng hoàn thành; những đề án đang vướng nhưng có thể tháo gỡ để đẩy nhanh; đồng thời xác định những đề án không còn khả năng hoàn thành để kịp thời xử lý, điều chỉnh theo thẩm quyền.

Những đề án có khả năng hoàn thành phải được tập trung đẩy nhanh tiến độ. Các đơn vị khuyến công cần sát cánh với cơ sở trong quá trình đầu tư, lắp đặt, nghiệm



Quang cảnh Hội nghị Khuyến công các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc lần thứ XX - năm 2026 tại Hải Phòng, nơi các địa phương tập trung trao đổi giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến công trong giai đoạn mới.



Ông Trần Việt Hòa - Cục trưởng Cục Công nghiệp; ông Nguyễn Văn Thịnh - Phó Cục trưởng Cục Công nghiệp; ông Nguyễn Hoàng Long - Giám đốc Sở Công Thương thành phố Hải Phòng chủ trì Hội nghị khuyến công các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc lần thứ XX - năm 2026

thu, thanh toán, quyết toán; chủ động xử lý vướng mắc, không để vấn đề về tổ chức bộ máy làm đình trệ các đề án đã được giao.

"Yêu cầu cao nhất không phải chỉ là hoàn thành tỷ lệ giải ngân, mà là đưa nguồn lực vào sản xuất và tạo ra chuyển biến thực chất về công suất, năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh", ông Trần Việt Hòa nhấn mạnh.

Tháo gỡ điểm nghẽn, đưa nguồn lực vào sản xuất

Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến tiến độ triển khai là những thay đổi về tổ chức bộ máy, đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ khuyến công và cơ chế tài chính tại một số địa phương. Quá trình sắp xếp đơn vị hành chính, kiện toàn tổ chức đang tác động đến đầu mối, nhân lực và tiến độ thực hiện chính sách. Quy trình giao kinh phí, tạm ứng, thanh toán, quyết toán cũng còn những vướng mắc cần tiếp tục tháo gỡ. Yêu cầu sắp xếp, tinh gọn bộ máy là cần thiết, nhưng không được để hình thành khoảng trống trong thực thi chính sách. Các địa phương cần bảo đảm có đầu mối, nhân lực chuyên môn và năng lực triển khai nhiệm vụ khuyến công.

Hiện tại, Cục Công nghiệp đang hoàn thiện các quy định về xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia trên cơ sở Nghị định số 235/2025/NĐ-CP; đồng thời phối hợp với Bộ Tài chính rà soát cơ chế tài chính, mức hỗ trợ, tạm ứng, thanh toán và quyết toán. Mục tiêu là phân định rõ trách nhiệm, giảm khâu trung gian, tăng tính chủ động cho địa phương nhưng vẫn gắn với kiểm tra, giám sát và hiệu quả sử dụng ngân sách.

Cùng với tháo gỡ cơ chế, chuyển đổi số trong quản lý khuyến công được xác định là giải pháp hỗ trợ nâng cao hiệu quả điều hành. Hệ thống thông tin quản lý khuyến công sẽ được cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu, từng bước kết nối với dữ liệu sản xuất công nghiệp để phục vụ theo dõi, phân tích và điều hành.

Thực tế, chất lượng đề án khuyến công chưa đồng đều; một số nội dung còn phân tán, quy mô nhỏ, chủ yếu hỗ trợ máy móc, thiết bị đơn lẻ. Trong khi đó, các đề án có tính liên kết vùng, liên tỉnh và liên kết chuỗi từ nguyên liệu, sản xuất, chế biến đến thị trường còn chưa nhiều.

Không chạy theo giải ngân, lấy hiệu quả làm thước đo

Theo ông Trần Việt Hòa, khuyến công cần chuyển từ tư duy chủ yếu phân bổ nguồn lực hỗ trợ sang tư duy tạo năng lực tăng trưởng. Ngân sách nhà nước phải phát huy vai trò dẫn dắt, kích hoạt thêm nguồn lực xã hội; công nghệ, năng suất và giá trị gia tăng trở thành những yếu tố quan trọng để đánh giá hiệu quả chính sách.

Vì vậy, các địa phương cần nâng chất lượng lựa chọn đề án, ưu tiên những mô hình có khả năng tạo công suất, năng suất mới, giá trị gia tăng cao, liên kết chuỗi và hiệu quả lan tỏa. Với địa phương có thế mạnh về công nghiệp chế biến, chế tạo, cần gắn hỗ trợ với đổi mới công nghệ, tự động hóa, chuyển đổi số và sản xuất xanh. Địa phương có lợi thế về nguyên liệu, nông - lâm - thủy sản, làng nghề và sản phẩm đặc trưng cần chú trọng chế biến sâu, nâng tiêu chuẩn chất lượng, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường.

Đặc biệt, hiệu quả khuyến công cần được nhìn nhận từ kết quả sau hỗ trợ. Các địa phương cần từng bước lượng hóa mức tăng công suất, năng suất, doanh thu, giá trị gia tăng; sản phẩm, thị trường, đơn hàng mới; mức tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng; số việc làm và nguồn vốn doanh nghiệp, xã hội được huy động thêm.

Trong những tháng cuối năm, yêu cầu đặt ra là tăng tốc nhưng có trọng tâm; tháo gỡ vướng mắc nhưng đúng quy định; đẩy nhanh giải ngân nhưng phải gắn với kết quả sản xuất. Mỗi đề án hoàn thành không chỉ đóng góp vào kế hoạch năm 2026 mà còn phải tạo ra năng lực sản xuất mới cho cơ sở.

Cục trưởng Trần Việt Hòa cho rằng, tăng trưởng công nghiệp hai con số phải được tạo nên từ năng suất cao hơn ở từng nhà xưởng, công nghệ tốt hơn ở từng cơ sở, giá trị cao hơn ở từng sản phẩm và thị trường rộng hơn cho từng doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn. Khuyến công cần góp phần tạo ra những thay đổi cụ thể đó■

HẢI PHÒNG:

ĐỔI MỚI KHUYẾN CÔNG, KHƠI THÔNG NGUỒN LỰC CHO CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TỪ HỖ TRỢ ĐỔI MỚI THIẾT BỊ, CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN PHÁT TRIỂN THEO CHUỖI GIÁ TRỊ, HẢI PHÒNG ĐANG ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG THEO HƯỚNG TRỌNG TÂM, TRỌNG ĐIỂM, KHƠI THÔNG NGUỒN LỰC VÀ TẠO ĐỘNG LỰC NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH CHO CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN.

● MINH TRÍ

Hải Phòng đang duy trì đà tăng trưởng tích cực với quy mô công nghiệp đứng thứ 3 cả nước. 9 tháng năm 2026, tốc độ tăng trưởng GRDP của thành phố ước đạt 12,08%; khu vực công nghiệp tăng 14,27%; chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 15,23%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 15,47%. Trong bức tranh tăng trưởng đó, phát triển công nghiệp nông thôn (CNNT), tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được thành phố xác định là lĩnh vực quan trọng, góp phần khai thác lợi thế từng địa bàn, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Khuyến công đồng hành cùng cơ sở sản xuất

Theo ông Phạm Tuấn Hải - Phó Giám đốc Sở Công Thương Hải Phòng, năm 2025, hoạt động khuyến công thành phố đã tập trung vào việc tháo gỡ khó khăn cho các cơ sở CNNT, hỗ trợ đầu tư, đổi mới sản xuất và phát triển sản phẩm.

Nổi bật là chương trình hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến. Trong năm 2025, Hải Phòng hỗ trợ 17 cơ sở CNNT với tổng kinh phí 4,525 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách địa phương hỗ trợ 3,215 tỷ đồng cho 13 cơ sở; ngân sách Trung ương hỗ trợ 1,31 tỷ đồng cho 4 cơ sở. Nguồn lực này góp phần giúp các cơ sở nâng cao năng suất, tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Cùng với đầu tư máy móc, khuyến công ngày càng chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Năm 2025, có 54 cơ sở CNNT được hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quảng bá sản phẩm, kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Thành phố duy trì 8 gian hàng tiêu chuẩn trưng bày sản phẩm CNNT tiêu biểu với tổng kinh phí 354 triệu đồng; tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho 70 lượt cán bộ làm công tác khuyến công.



Kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ Công ty TNHH Cơ khí Toàn Phát đầu tư dây chuyền quấn và lồng dây điện từ của động cơ điện

Đáng chú ý, năm 2025, Hải Phòng có 4 sản phẩm, bộ sản phẩm đạt danh hiệu Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (RISEP) cấp quốc gia. Các sản phẩm, bộ sản phẩm được công nhận gồm máy rửa xe, tưới cây cao áp; các bộ sản phẩm nước mắm Cát Hải, nước mắm Quang Hải, nước mắm truyền thống Đảo



Ông Nguyễn Hoàng Long - Giám đốc Sở Công Thương thành phố Hải Phòng phát biểu tại Hội nghị Khuyến công các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc lần thứ XX - năm 2026

Cát Hải và bộ sản phẩm nắp hố ga thoát nước.

Những kết quả này cho thấy, chính sách khuyến công đang từng bước chuyển từ hỗ trợ đầu tư đơn thuần sang đồng hành với cơ sở trong đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm, ứng dụng số và mở rộng thị trường.

Chuyển mạnh sang công nghệ, số hóa và chuỗi giá trị

Trong giai đoạn mới, Hải Phòng đang đặt yêu cầu đổi mới phương thức triển khai khuyến công theo hướng tập trung hơn, tạo tác động rõ hơn. Phát biểu tại Hội nghị Khuyến công các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc lần thứ XX năm 2026, ông Nguyễn Hoàng Long - Giám đốc Sở Công Thương thành phố Hải Phòng cho biết, thành phố đang đổi mới mạnh mẽ công tác khuyến công theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; chuyển từ hỗ trợ đơn lẻ sang hỗ trợ đồng bộ, từ hỗ trợ đầu vào sang quản lý theo kết quả đầu ra và tác động của chính sách.

Theo ông Nguyễn Hoàng Long, Hải Phòng tập trung vào 3 nhiệm vụ trọng tâm.

Thứ nhất, khuyến công công nghệ, tập trung đổi mới công nghệ, thiết bị, tự động hóa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng.

Thứ hai, khuyến công chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, thúc đẩy chuyển đổi số gắn với sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, phát triển sản xuất theo hướng tuần hoàn, sạch hơn.

Thứ ba, khuyến công theo chuỗi giá trị, chuyển từ "hỗ trợ từng cơ sở" sang "hỗ trợ chuỗi giá trị - công nghiệp hỗ trợ - liên kết với doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp FDI". Theo lãnh đạo Sở Công Thương Hải Phòng, đây là hướng đặc biệt phù hợp với đặc điểm công nghiệp của thành phố.

Định hướng này được đặt trong Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 2026-2030 do UBND thành phố phê duyệt, trong đó trọng tâm là kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn và ứng dụng công nghệ số.

Kết quả triển khai năm 2026 đang cho thấy sự chuyển động tích cực. 9 tháng đầu năm, Hải Phòng đã phê duyệt hỗ trợ cho 16 cơ sở CNNT với tổng kinh phí hơn 4,3 tỷ đồng.

Cách tiếp cận mới không chỉ hướng tới giải quyết nhu cầu trước mắt của từng cơ sở mà còn tạo năng lực phát triển lâu dài, giúp sản phẩm CNNT nâng cao giá trị gia tăng, tăng khả năng cạnh tranh và từng bước tham gia sâu hơn vào hệ sinh thái công nghiệp của thành phố.

Gỡ điểm nghẽn, nâng hiệu quả khuyến công

Bên cạnh những kết quả đạt được, Hải Phòng cũng nhận diện một số điểm nghẽn cần tháo gỡ, nhất là về năng lực cán bộ cơ sở, thủ tục hành chính, phân bổ nguồn lực và khả năng tiếp cận chính sách của các cơ sở CNNT. Theo ông Phạm Tuấn Hải - Phó Giám đốc Sở Công Thương Hải Phòng, thành phố sẽ tăng cường đào tạo, hướng dẫn cán bộ cấp xã; chuẩn hóa quy trình, hồ sơ và tăng cường phối hợp giữa các cấp để xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh.

Để bảo đảm hoàn thành kế hoạch khuyến công năm 2026, Sở Công Thương Hải Phòng cũng xác định cần theo dõi sát tiến độ phân bổ, giải ngân vốn; tăng cường khảo sát, tư vấn trực tiếp tại cơ sở để xây dựng các đề án phù hợp nhu cầu thực tế, nâng cao hiệu quả nguồn lực hỗ trợ.

Về giai đoạn 2026-2030, Hải Phòng tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện các đề án; lựa chọn những doanh nghiệp có uy tín, năng lực và nhu cầu thực sự; hoàn thiện cơ chế chính sách theo hướng hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm; tăng cường nguồn lực khuyến công và kiện toàn đội ngũ khuyến công viên cấp xã.

Với nền tảng kết quả đã đạt được và cách tiếp cận đang được đổi mới, khuyến công Hải Phòng đang từng bước chuyển từ hỗ trợ trực tiếp sang tạo dựng năng lực phát triển cho cơ sở CNNT. Gắn chính sách với công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và chuỗi giá trị sẽ là hướng đi quan trọng để khu vực CNNT nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và đóng góp hiệu quả hơn vào tăng trưởng công nghiệp của thành phố■

SAU DANH HIỆU RISEP

TIẾP SỨC BẰNG NGUỒN LỰC KHUYẾN CÔNG

ĐƯỢC CÔNG NHẬN LÀ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU (RISEP) CẤP QUỐC GIA KHÔNG PHẢI ĐIỂM KẾT THÚC, MÀ MỞ RA CƠ HỘI TIẾP TỤC TIẾP CẬN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐỔI MỚI THIẾT BỊ, QUẢNG BÁ VÀ MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG. TẠI ĐẮK LẮK, NGUỒN LỰC KHUYẾN CÔNG ĐANG ĐƯỢC TIẾP TỤC DÀNH CHO NHỮNG SẢN PHẨM ĐÃ KHẲNG ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ TIỀM NĂNG THỊ TRƯỜNG.

● HOÀNG DƯƠNG

Từ danh hiệu đến năng lực sản xuất

Tại Lễ tôn vinh, trao Giấy chứng nhận sản phẩm RISEP cấp quốc gia lần thứ VI năm 2025 do Bộ Công Thương tổ chức tháng 10/2025, Đắk Lắk có 4 sản phẩm được công nhận trong tổng số 108 sản phẩm, bộ sản phẩm. Gồm: Macca Eahleo của HTX Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nông nghiệp Macca Eahleo; Bánh hạt cao cấp Hà Chuẩn của Công ty CP Sản xuất chế biến nông sản Hà Chuẩn; Nấm linh chi Thành Đồng của Công ty CP Thực phẩm xanh Thành Đồng và Đông trùng hạ thảo của Công ty CP Dược thảo Thiên Phú.

Việc được công nhận không chỉ khẳng định chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, mà còn tạo cơ sở để ngành Công Thương tiếp tục hỗ trợ phát triển sản xuất, mở rộng thị trường. Tại lễ tôn vinh năm 2025, Thứ trưởng Bộ Công Thương Phan Thị Thắng cho biết: "Trên 80% sản phẩm được công nhận đã được hỗ trợ thông qua các chương trình khuyến công, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đổi mới thiết bị, xúc tiến thương mại; hơn 70% đã tham gia các chuỗi cung ứng, hệ thống phân phối trên toàn quốc".

Tại Đắk Lắk, một số sản phẩm sau khi được công nhận RISEP tiếp tục được hỗ trợ từ nguồn khuyến công địa phương và khuyến công quốc gia, qua đó gắn kết danh hiệu với đầu tư sản xuất, nâng cao giá trị và mở rộng thị trường.

Tiêu biểu, sau khi Nấm linh chi Thành Đồng được công nhận sản phẩm RISEP cấp quốc gia và cấp tỉnh năm 2025. Với định hướng chuyển từ tiêu thụ nấm linh chi dạng quả thể khô, thái lát sang chế biến sâu, Công ty CP Thực phẩm xanh Thành Đồng đã được nguồn kinh phí khuyến công địa phương năm 2025 hỗ trợ 270 triệu động đầu tư hệ thống thiết bị phục vụ sản xuất trà túi lọc nấm linh chi đóng hộp theo quy trình khép kín, gồm: máy đóng gói trà, máy sấy lạnh chất lượng cao, máy nén khí, máy trộn bồn ngang và máy co màng hoàn thiện bao bì.



Phòng trưng bày sản phẩm RISEP góp phần quảng bá, giới thiệu và đưa sản phẩm đến gần hơn với người tiêu dùng, du khách và các nhà phân phối

Theo ông Đoàn Xuân Trường - Tổng Giám đốc Công ty CP Thực phẩm xanh Thành Đồng, việc ứng dụng đồng bộ máy móc giúp doanh nghiệp chủ động năng lực sản xuất, kiểm soát chất lượng, giảm chi phí và từng bước đáp ứng yêu cầu của thị trường. Đây cũng là cơ sở để Thành Đồng chuyển từ sản phẩm nguyên liệu sang các sản phẩm có giá trị gia tăng cao như trà

túi lọc, bột nấm hòa tan, cà phê nấm và thực phẩm chức năng từ nấm.

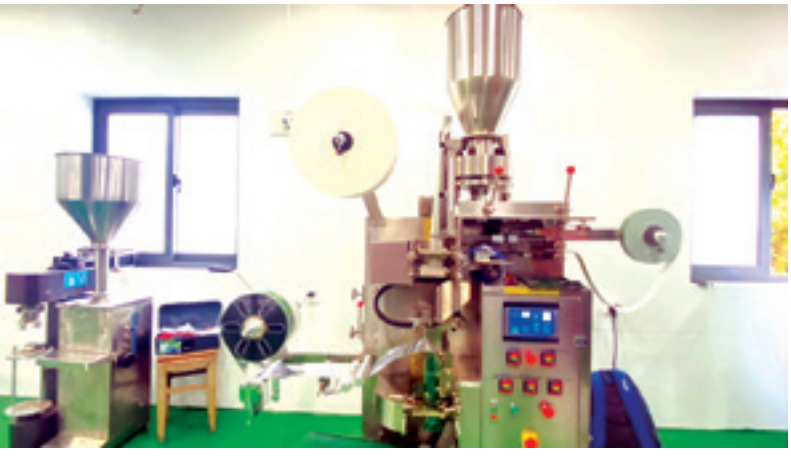
Hiện doanh nghiệp cung cấp khoảng 6-8 tấn nấm khô mỗi năm dự kiến trong năm tới sẽ nâng công suất lên 10-12 tấn/năm, tạo việc làm ổn định cho 15-20 lao động địa phương, doanh thu khoảng 6-8 tỷ đồng/năm. Việc ứng dụng máy móc tiên tiến góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu khách hàng và duy trì việc làm với thu nhập bình quân khoảng 6-8 triệu đồng/người/tháng.

Không chỉ đầu tư máy móc, mở rộng đầu ra

Nếu đề án năm 2025 tập trung nâng năng lực chế biến thì trong năm 2026, Thành Đồng tiếp tục được nguồn kinh phí khuyến công địa phương hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày sản phẩm RISEP các cấp. Phòng trưng bày được đưa vào sử dụng nhằm phục vụ quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm, trở thành một kênh trực tiếp để doanh nghiệp tiếp cận khách hàng.

Hiệu quả của mô hình không chỉ nằm ở việc tạo một không gian giới thiệu sản phẩm chuyên nghiệp, mà còn mở thêm điểm kết nối giữa sản xuất với tiêu dùng. Sản phẩm có điều kiện tiếp cận người dân, khách tham quan và các đối tác phân phối; đồng thời có thể kết nối với các hoạt động hội chợ, triển lãm và xúc tiến thương mại do ngành Công Thương tổ chức.

Theo ông Nguyễn Thanh Hùng - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Đắk Lắk, hỗ trợ các cơ sở có sản phẩm RISEP cần theo hướng đồng hành lâu dài, từ đầu tư thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất đến quảng bá, kết nối giao thương và mở rộng thị trường. Danh hiệu là sự ghi nhận chất lượng, tiềm năng sản phẩm; để chuyển lợi thế thành sức cạnh tranh, khuyến công cần hỗ trợ đúng nhu cầu, đúng thời điểm, tập trung vào những khâu tạo giá trị gia tăng và mở rộng đầu ra.



Hệ thống máy móc được đầu tư từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương giúp Công ty Thành Đồng nâng cao năng lực chế biến nấm dược liệu, phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng

Cách tiếp cận này cũng được thể hiện tại Hợp tác xã Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nông nghiệp Macca Ea Hleo. Năm 2025, hợp tác xã được nguồn kinh phí khuyến công địa phương hỗ trợ thực hiện đề án đầu tư phòng trưng bày sản phẩm RISEP các cấp. Đến nay, không gian trưng bày đã trở thành điểm giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm của hợp tác xã.

Việc có một không gian trưng bày chuyên nghiệp giúp sản phẩm địa phương tiếp cận gần hơn với thị trường, du khách và các nhà phân phối. Đây cũng là điểm kết nối giữa nhà sản xuất - nhà phân phối - người tiêu dùng, qua đó hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm và nâng cao hình ảnh sản phẩm RISEP.

Ông Nguyễn Văn Bình - Chủ tịch HĐQT HTX Sản xuất Thương mại Dịch vụ giá Nông nghiệp Macca Ea Hleo đánh, phòng trưng bày tạo thêm điều kiện để sản phẩm được giới thiệu trực tiếp tới khách hàng, đồng thời mở ra khả năng gắn hoạt động quảng bá sản phẩm với du lịch trải nghiệm và thương mại dịch vụ.

Tiếp tục hỗ trợ từ khuyến công quốc gia

Không dừng ở nguồn lực khuyến công địa phương, các sản phẩm đã được công nhận còn có cơ hội tiếp tục tiếp cận khuyến công quốc gia. Năm 2026, Bộ Công Thương phê duyệt kinh phí khuyến công đợt 1 trong đó hỗ trợ Công ty Cổ phần Sản xuất chế biến nông sản Hà Chuẩn ứng dụng máy móc tiên tiến trong sản xuất, chế biến các sản phẩm nông sản.

Theo đó, doanh nghiệp được hỗ trợ đầu tư 1 máy hạ ẩm, 1 máy sấy chậm và 1 máy sấy, với kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ 300 triệu đồng. Việc đầu tư thiết bị được kỳ vọng tiếp tục nâng cao năng lực chế biến, góp phần hoàn thiện quy trình sản xuất và nâng chất lượng sản phẩm nông sản.

Từ Thành Đồng, Macca Ea Hleo đến Hà Chuẩn, có thể thấy một hướng đi đáng chú ý của chính sách khuyến công: danh hiệu sản phẩm RISEP được gắn với quá trình hỗ trợ sau bình chọn. Khi doanh nghiệp có sản phẩm đạt tiêu chuẩn, có thị trường và có nhu cầu mở rộng, nguồn lực khuyến công tiếp tục được bố trí cho những khâu còn hạn chế, từ máy móc, chế biến sâu đến quảng bá và tiêu thụ.

Đây cũng là cách để giá trị của danh hiệu được chuyển hóa thành năng lực cạnh tranh thực tế. Với sự đồng hành của ngành Công Thương, các cơ sở sản xuất có thêm điều kiện mở rộng quy mô, nâng cao giá trị sản phẩm, tạo việc làm và từng bước đưa sản phẩm công nghiệp nông thôn của Đắk Lắk tham gia sâu hơn vào thị trường trong nước và hướng tới những thị trường rộng lớn hơn■

NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA VĨNH LONG

VỚI LỢI THẾ VỀ GIÓ VEN BIỂN, BỨC XẠ MẶT TRỜI VÀ NGUỒN PHỤ PHẨM NÔNG NGHIỆP PHONG PHÚ, VĨNH LONG CÓ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN ĐA DẠNG CÁC LOẠI HÌNH NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO. TỈNH ĐANG TỪNG BƯỚC CHUYỂN TIỀM NĂNG THÀNH NGUỒN ĐIỆN SẠCH, VIỆC LÀM, NGUỒN THU VÀ SỨC HÚT ĐẦU TƯ, QUA ĐÓ TẠO THÊM ĐỘNG LỰC CHO TĂNG TRƯỞNG XANH.

● HUY TƯỞNG

Lợi thế tự nhiên, kết quả hiện hữu

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất không gian phát triển của Vĩnh Long, Bến Tre và Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long có bờ biển dài khoảng 130 km và vùng biển rộng, thuận lợi phát triển điện gió gần bờ, điện gió ngoài khơi. Cùng với bức xạ mặt trời cao, thời gian chiếu sáng kéo dài và nguồn phụ phẩm dồi dào từ nông nghiệp, thủy sản, dừa, tỉnh có điều kiện phát triển điện mặt trời, điện sinh khối và điện từ xử lý chất thải, tạo lợi thế cho cơ cấu năng lượng xanh, đa dạng và bền vững.



Phối cảnh Nhà máy Xử lý chất thải rắn Trà Vinh

Theo Sở Công Thương, toàn tỉnh có 15 nhà máy điện gió đang vận hành với tổng công suất 650,75 MW, trong đó có 02 nhà máy vận hành một phần; 02 nhà máy điện mặt trời tập trung với tổng công suất 189,3 MW và khoảng 5.000 hệ thống điện mặt trời mái nhà, tổng công suất lắp đặt khoảng 180 MW. Riêng điện gió năm 2025 sản xuất 1,521 tỷ kWh, giá trị sản xuất khoảng 2.994 tỷ đồng. Năng lượng tái tạo đang đóng góp ngày càng rõ nét cho sản xuất công nghiệp, tạo nhu cầu về dịch vụ kỹ thuật, vận hành, bảo dưỡng và mở rộng không gian thu hút đầu tư xanh.

Dư địa phát triển còn lớn hơn nhiều so với quy mô đang vận hành. Theo danh mục nguồn điện đã được quy hoạch, đến năm 2030 tỉnh có tiềm năng phát triển hơn 4.600 MW điện gió, điện mặt trời tập trung, điện sinh khối và điện rác. Trong đó, 18 dự án điện gió với tổng công suất 1.243,75 MW đang được triển khai theo quy hoạch; tỉnh cũng đang hoàn thiện hồ sơ pháp lý, lấy ý kiến về quốc phòng - an ninh đối với 22 dự án điện gió gần bờ giai đoạn 2026 - 2030, tổng công suất khoảng 2.283 MW. Đây là nguồn lực quan trọng, nhưng chỉ có thể trở thành động lực tăng trưởng khi nguồn điện, lưới truyền tải và phụ tải phát triển đồng bộ.



Nhà máy Điện gió Đông Hải 1 (100MW)

Đối với điện từ xử lý chất thải, tỉnh đang đôn đốc triển khai các dự án theo quy hoạch. Nhà máy xử lý chất thải rắn Trà Vinh có công suất phát điện 7,5 MW dự kiến vận hành thương mại cuối năm 2026; dự án nhà máy đốt chất thải rắn phát điện công suất 13 MW tại phường Phú Tân đang xây dựng. Tại khu vực Vĩnh Long cũ, dự án nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt bằng phương pháp đốt thu hồi năng lượng, công suất 14 MW, đã tổ chức mở thầu lựa chọn nhà đầu tư. Các dự án này vừa góp phần xử lý chất thải, vừa tạo thêm nguồn điện sạch tại chỗ.

Đối với điện sinh khối, 01 nhà máy công suất 25 MW đang thực hiện công tác giải phóng mặt bằng. Bên cạnh đó, 3 dự án điện mặt trời tập trung, tổng công suất 150 MW, đã khảo sát vị trí; tỉnh đang tiếp tục thực hiện các bước lựa chọn nhà đầu tư theo quy định để sớm triển khai. Sự đa dạng hóa nguồn điện xanh mở ra cơ hội thu hút đầu tư, gắn phát triển năng lượng với chế biến nông sản, thủy sản, dừa và mục tiêu tăng trưởng bền vững.

Kiến tạo môi trường đầu tư, đồng hành với dự án

Để tiềm năng trở thành động lực tăng trưởng, chỉ có danh mục quy hoạch là chưa đủ. Nhà đầu tư cần vị trí dự án rõ ràng, thủ tục minh bạch, phương án đấu nối khả thi và lưới điện có khả năng tiếp nhận công suất. Thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát tiến độ từng dự án, phối hợp tháo gỡ vướng mắc về đất đai, khu vực biển và đấu nối; đồng thời kiến nghị các đơn vị ngành điện đầu tư đồng bộ lưới truyền tải, phân phối theo quy hoạch, bảo đảm giải tỏa công suất và cấp điện cho phụ tải lớn.

UBND tỉnh đã thống nhất chủ trương giao Sở Công Thương tham mưu xây dựng Đề án phát triển tỉnh Vĩnh Long thành trung tâm xuất khẩu năng lượng tái tạo của vùng và cả nước đến năm 2030, định hướng đến năm 2050. Đề án hướng đến phát triển đồng bộ nguồn điện tái tạo, lưới điện, hệ thống lưu trữ năng lượng, cảng biển, logistics và các ngành sử dụng năng lượng sạch như khu công nghiệp xanh, trung tâm dữ liệu xanh, hydrogen xanh, amoniac xanh. Khi doanh nghiệp ngày càng quan tâm đến điện sạch và dấu chân carbon của sản phẩm, đây sẽ là lợi thế quan trọng để thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng xanh.

Sở Công Thương đang là đầu mối theo dõi tiến độ từng dự án, nhận diện vướng mắc ở từng khâu để phối hợp các sở, ngành, địa phương và nhà đầu tư xử lý kịp thời. Ông Trần Quốc Tuấn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long, nhấn mạnh: "Sở Công Thương sẽ tiếp tục là cầu nối, đồng hành cùng nhà đầu tư, kịp thời tham mưu UBND tỉnh tháo gỡ từng vướng mắc, tạo môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi". Cam kết này phải được thể hiện bằng tiến độ xử lý công việc, thông tin đầy đủ, kịp thời và trách nhiệm rõ ràng đối với từng dự án.

Một nhiệm vụ then chốt là phát triển đồng bộ nguồn điện và lưới điện. Các công trình lưới điện 500 kV, 220 kV, 110 kV và lưới phân phối cần đi trước hoặc theo kịp tiến độ nguồn điện, vừa bảo đảm giải tỏa công suất, vừa đáp ứng nhu cầu điện của khu kinh tế, khu công nghiệp và các dự án phụ tải lớn. Cùng với đó, tỉnh tập trung tháo gỡ giải phóng mặt bằng, lựa chọn nhà đầu tư có năng lực và xử lý các dự án chậm tiến độ theo đúng quy định; dự án vận hành hiệu quả sẽ tạo thêm cơ hội cho doanh nghiệp và người lao động địa phương.

Tăng trưởng xanh đòi hỏi lựa chọn công nghệ phù hợp, sử dụng đất, mặt nước và không gian biển tiết kiệm, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng - an ninh và hài hòa lợi ích của Nhà nước, người dân, doanh nghiệp. Với sự chỉ đạo thống nhất của tỉnh, sự đồng hành của ngành Công Thương và nỗ lực của nhà đầu tư, Vĩnh Long có cơ sở chuyển lợi thế tài nguyên thành năng lực sản xuất mới. Gắn phát triển điện sạch với công nghiệp, logistics và thương mại sẽ nâng cao giá trị kinh tế, đóng góp thiết thực cho mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững của tỉnh■

VĨNH LONG:

XUẤT KHẨU TĂNG TRƯỞNG, MỞ RỘNG KÊNH TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG

TRONG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026, XUẤT KHẨU CỦA VĨNH LONG TĂNG 22,12%, TRONG KHI XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, KẾT NỐI PHÂN PHỐI VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ ĐƯỢC TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ. CÙNG VỚI ĐÀ SẢN XUẤT, NHỮNG CÁCH TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG NÀY ĐANG MỞ THÊM CƠ HỘI KINH DOANH CHO DOANH NGHIỆP VÀ HỘ KINH DOANH VĨNH LONG.

● MINH THỦY

Tăng trưởng cả về năng lực sản xuất lẫn sức cạnh tranh thị trường

Trong 9 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu của Vĩnh Long ước đạt 3.289 triệu USD và hoàn thành hơn 80% kế hoạch năm. Đáng chú ý, khu vực doanh nghiệp trong nước tăng 43,41%, cao hơn đáng kể mức tăng 16,24% của khu vực FDI. Đây là tín hiệu tích cực về sự linh hoạt và khả năng mở rộng thị trường của doanh nghiệp trong nước. Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu đạt 1.628,48 triệu USD với các sản phẩm chủ yếu tư liệu phục vụ sản xuất, qua đó duy trì mức xuất siêu cho tỉnh.

Cơ cấu hàng hóa cho thấy nền tảng của tăng trưởng xuất khẩu vẫn là sản xuất và chế biến. Nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 2.861 triệu USD, chiếm 86,98% tổng kim ngạch xuất khẩu. Nền sản xuất tiếp tục được củng cố khi chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 9 tháng tăng 11,35%, riêng ngành chế biến, chế tạo tăng 10,2%. Một số dự án mới bổ sung năng lực sản xuất, như Acecook Việt Nam với giá trị sản phẩm ước đạt 1.468,2 tỷ đồng và New Hope Vĩnh Long 378,4 tỷ đồng.

Nhưng năng lực sản xuất chỉ thực sự chuyển hóa thành tăng trưởng khi sản phẩm tìm được thị trường. Sau hợp nhất, Vĩnh Long có nguồn nguyên liệu nông, thủy sản phong phú, tạo dư địa phát triển công nghiệp chế biến dừa, thủy sản, trái cây, lúa gạo và các sản phẩm có lợi thế. Vì vậy, mở rộng thị trường không chỉ giúp tiêu thụ sản phẩm hiện có mà còn tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu, nâng giá trị gia tăng. Giờ đây, câu chuyện mở rộng thị trường, với phần lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa, thì việc tìm kiếm đối tác, tiếp cận hệ thống phân phối, cập nhật quy định thị trường hay chuyển sang bán hàng trên nền tảng số đều cần sự hỗ trợ về thông tin, kết nối và kỹ năng.

Từ thực tế đó, UBND tỉnh Vĩnh Long đã chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ xúc tiến thương mại, phát triển thương mại điện tử, hỗ trợ xuất nhập khẩu và hội nhập quốc tế theo hướng gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và sản phẩm địa phương. Sở Công Thương là cơ quan trực tiếp tổ chức, kết nối và hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các hoạt động này.

Trong 9 tháng, tỉnh tổ chức 3 hội chợ cấp tỉnh với quy mô 200-400 gian hàng; hỗ trợ 172 doanh nghiệp tham gia 14 hội chợ ngoài tỉnh. Đồng thời, 5 cuộc kết nối thị trường với 48 doanh nghiệp được tổ chức, kết nối với GO!, Co.opmart Vĩnh Long, Bách Hóa Xanh và các nhà phân phối tại Đà Nẵng. Qua đó, 20 doanh



Dây chuyền chế biến dừa của Công ty Lương Quới



Đại biểu tham quan, trải nghiệm hoạt động trình diễn gói bánh tét truyền thống tại Hội chợ Xúc tiến Thương mại, Du lịch - Mừng Đảng, mừng Xuân Bính Ngọ năm 2026

nghiệp được tiếp nhận hồ sơ để đưa hàng hóa vào hệ thống phân phối.

Không dừng ở hoạt động đưa doanh nghiệp đi hội chợ, cách làm của tỉnh đang chuyển dần sang hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận trực tiếp các kênh phân phối và người mua. 70 doanh nghiệp đã tham gia 5 cuộc kết nối ngoài tỉnh; 1.122 hồ sơ thủ tục hành chính trong lĩnh vực xúc tiến thương mại được thực hiện. Các chương trình khuyến mại, đưa hàng Việt về nông thôn tiếp tục tạo thêm không gian tiêu thụ cho sản phẩm địa phương.

Xúc tiến thương mại gắn liền với chuyển đổi số. Năm 2026, tỉnh phối hợp tổ chức 3 lớp tập huấn thương mại điện tử tại ba khu vực trước sáp nhập, với 372 học viên; 3 phiên livestream thực hành thu hút hơn 164.418 lượt xem. 3 lớp dành cho cán bộ, công chức, viên chức và các đơn vị liên quan thu hút 288 học viên.

Những hoạt động này cho thấy vai trò của Sở Công Thương không chỉ ở tổ chức hội chợ hay các cuộc gặp gỡ doanh nghiệp, mà còn ở việc hình thành hệ thống hỗ trợ thị trường, từ thông tin, xúc tiến, kết nối phân phối đến kỹ năng bán hàng số và hỗ trợ hội nhập.

Hỗ trợ kỹ năng tạo thị trường mới

Một ví dụ điển hình đó là mô hình "Xã thương mại điện tử - Chợ Lách vươn mình". Đến ngày 4/10/2026, mô hình có 60 nhà bán hàng, nhà tiếp thị liên kết; 1.340 sản phẩm được đưa lên môi trường số, 5.445 video được đăng tải. Mô hình phát sinh 25.025 đơn hàng, trong đó 18.768 đơn hàng giao thành công, tổng giá trị đơn hàng đạt 137.446 USD, tương đương khoảng 3,572 tỷ đồng. Kết quả này chủ yếu phản ánh sức tiêu thụ trong nước, chưa thể xem toàn bộ giá trị đơn hàng là đóng góp trực tiếp vào kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, mô hình giúp doanh nghiệp và hộ kinh doanh chuẩn hóa thông tin, hình ảnh, giao nhận, truy xuất nguồn gốc và phương thức giao dịch - những bước chuẩn bị cần thiết để tiếp cận các thị trường lớn hơn.

Ở chợ truyền thống, việc mua bán cũng đang thay đổi. Đến đầu tháng 10/2026, 60 xã, phường đã ban hành kế hoạch xây dựng mô hình Chợ 4.0; thanh toán không dùng tiền mặt được triển khai tại 76 chợ, với tổng kinh phí gần 1,2 tỷ đồng. Người mua và tiểu thương có thêm lựa chọn thanh toán trong giao dịch hằng ngày và cũng là bước thích ứng của chợ truyền thống với kinh tế số.

Với mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số, mỗi động lực đều cần được khai thác đồng thời. Xúc tiến thương mại, thương mại điện tử và kết nối thị trường không tạo ra tăng trưởng độc lập như công nghiệp hay xuất khẩu, nhưng thúc đẩy khả năng tiêu thụ của nền sản xuất, qua đó tác động gián tiếp nhưng thiết thực đến tăng trưởng.

Mối liên hệ này thể hiện qua các con số: xuất khẩu tăng 22,12%, IIP tăng 11,35%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,2%. Khi hàng hóa có đầu ra, doanh nghiệp có thêm cơ sở duy trì sản xuất, tăng công suất, mở rộng đơn hàng và đầu tư; thị trường ổn định cũng tạo động lực nâng chất lượng và đáp ứng tiêu chuẩn cao hơn.

Đặc biệt, khu vực doanh nghiệp trong nước tăng trưởng xuất khẩu 43,41% cho thấy dư địa từ doanh nghiệp địa phương còn lớn. Các chương trình kết nối thị trường, xúc tiến thương mại và thương mại điện tử có thể giúp nhóm doanh nghiệp này mở rộng khách hàng, giảm phụ thuộc vào một vài kênh bán hàng và chủ động hơn trong tiếp cận thị trường.

Từ nay đến cuối năm, Vĩnh Long đặt mục tiêu tiếp tục triển khai xúc tiến thương mại, thương mại điện tử và hội nhập quốc tế. Mô hình Chợ Lách dự kiến tổ chức phiên Megalive, đánh giá và tổng kết trong tháng 11, hướng tới duy trì, nhân rộng giai đoạn 2027-2030. Với Chợ 4.0, tỉnh tiếp tục hoàn thiện, nhân rộng, huy động nguồn lực xã hội hóa và hướng tới 100% xã, phường có mô hình.

Ở lĩnh vực xuất nhập khẩu, tỉnh tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp về quy tắc xuất xứ, truy xuất nguồn gốc, cấp C/O, CFS; theo dõi các FTA như CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP, VIFTA và ứng phó với các vụ việc phòng vệ thương mại.Sự đồng hành của UBND tỉnh và Sở Công Thương được thể hiện qua những việc cụ thể và thiết thực, giúp doanh nghiệp có thêm thông tin, kỹ năng và cơ hội tìm khách hàng để mở rộng kinh doanh■

Petrolimex chủ động chuyển đổi, nâng cao năng lực cạnh tranh

Ngày 9/10, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) tổ chức Hội nghị Gắn kết và Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý 2026 (Petrolimex Connect 2026), tập trung vào các định hướng chuyển đổi, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo giá trị mới.

Tại hội nghị, Petrolimex xác định yêu cầu trong giai đoạn tới là chủ động chuyển đổi khi doanh nghiệp vẫn có vị thế và nguồn lực, đồng thời thống nhất các ưu tiên về chiến lược, thị trường, khách hàng, dữ liệu và năng lực tổ chức.

Trước những thay đổi nhanh về công nghệ, chuyển dịch năng lượng, hành vi khách hàng và mô hình kinh doanh, Petrolimex hướng tới phát triển thành doanh nghiệp năng lượng - dịch vụ hiện đại, hiệu quả, lấy khách hàng làm trung tâm và mở rộng không gian tăng trưởng. Để cụ thể hóa định hướng này, Petrolimex triển khai PLX Horizon 2030 theo 3 lớp "Làm tốt hơn - Làm nhiều hơn - Chuyển đổi", tập trung lựa chọn đúng ưu tiên, xác định rõ trách nhiệm và đo lường kết quả.

Cùng với nâng cao năng lực thực thi, Petrolimex sẽ tiếp tục cải thiện chất lượng dịch vụ tại hệ thống cửa



hàng, nâng cao trải nghiệm khách hàng và phát triển các dịch vụ phù hợp với nhu cầu từng địa bàn.

Trong chuyển đổi số, Tập đoàn định hướng ứng dụng dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) vào dự báo nhu cầu, tối ưu tồn kho, vận tải, phân tích nhu cầu khách hàng và hỗ trợ ra quyết định. Các dự án công nghệ sẽ được triển khai có trọng tâm, tăng cường kết nối, dùng chung nền tảng và đánh giá bằng hiệu quả thực tế.

PHƯƠNG MINH

Petrolimex được vinh danh Thương hiệu Mạnh Việt Nam 2026

Ngày 3/10, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) được vinh danh trong nhóm 10 "Doanh nghiệp dẫn đầu khu vực kinh tế nhà nước" tại Chương trình Thương hiệu Mạnh Việt Nam 2026.

Chương trình nhằm ghi nhận các doanh nghiệp có kết quả nổi bật trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; tiên phong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.

Petrolimex được bình chọn trong nhóm 10 thương hiệu "Doanh nghiệp dẫn đầu khu vực kinh tế nhà nước". Đây là hạng mục dành cho các doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong những lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, đồng thời thể hiện năng lực phát triển, đổi mới và thích ứng với những yêu cầu mới của thị trường. Việc được vinh danh tại chương trình tiếp tục ghi nhận vai trò và những nỗ lực của Petrolimex trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đổi mới và phát triển bền vững.

Theo Ban tổ chức, các doanh nghiệp được bình xét tại Thương hiệu Mạnh Việt Nam 2026 không chỉ dựa trên kết quả sản xuất, kinh doanh mà còn xem xét khả năng đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi



Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) được vinh danh "Doanh nghiệp Dẫn đầu khu vực kinh tế nhà nước" tại Chương trình Thương hiệu Mạnh 2026

xanh, đóng góp cho sự phát triển của ngành, cũng như việc thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng và môi trường. Chương trình hướng tới xây dựng cộng đồng các thương hiệu mạnh, có năng lực thích ứng và đóng góp vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam.

BẢO LINH

TẠP CHÍ CÔNG THƯƠNG THÔNG BÁO

THỂ LỆ VIẾT VÀ GỬI BÀI CÔNG BỐ CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

TẠP CHÍ CÔNG THƯƠNG - CƠ QUAN THÔNG TIN LÝ LUẬN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG, CHỈ SỐ ISSN 0866 - 7756, ĐƯỢC XUẤT BẢN BẰNG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH.
TẠP CHÍ CÔNG THƯƠNG ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC CÔNG NHẬN TÍNH ĐIỂM CHO CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC THUỘC CÁC LIÊN NGÀNH: KINH TẾ 0 - 0,5 ĐIỂM; LUẬT HỌC 0 - 0,5 ĐIỂM VÀ HÓA HỌC - CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM 0 - 0,5 ĐIỂM.

Hàng tháng, Tạp chí Công Thương sẽ dành 3 số công bố Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, thuộc các ngành: Kinh tế ; Luật học; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Cơ khí - Động lực; Cơ học; Luyện kim; Công nghệ thông tin; Điện - Điện tử - Tin học; Sinh học; Xây dựng - Kiến trúc.

Tạp chí Công Thương trân trọng thông báo và hoan nghênh các cộng tác viên có nhu cầu công bố các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ gửi bài đến Tòa soạn. Tạp chí Công Thương sẽ biên tập, thẩm định để đăng vào số thích hợp nhất và Tạp chí Công Thương điện tử.

Thể lệ viết và gửi bài báo khoa học trên Tạp chí Công Thương như sau:

1. YÊU CẦU CHUNG

- Bài gửi Tạp chí Công Thương phải là những bài báo khoa học chưa từng được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.
- Bài viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh.
- Dung lượng bài báo khoảng 4.000 từ. Các danh từ tiếng Việt nếu dịch từ tiếng nước ngoài phải viết kèm theo tiếng nước ngoài. Chữ viết tắt phải có chú thích từ gốc.
- Bài báo gửi về Tòa soạn thông qua hộp thư điện tử được viết dưới dạng file Word; Font chữ Times New Roman.
- Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có cơ quan quản lý, cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).

2. YÊU CẦU VỀ TRÌNH TỰ NỘI DUNG

- **Tên bài báo (Title):** phản ánh được nội dung chính của bài báo, cần phải rõ ràng, không dài quá 20 từ (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh), chữ thường, đậm.
- **Tên tác giả (Author's name):** bao gồm cả họ và tên, viết hoa chữ cái đầu, chữ thường, đậm.
- **Tóm tắt (Abstract):** phản ánh khái quát những nội dung chính trong bài báo và thể hiện rõ những kết quả, đóng góp, điểm mới của bài báo, dài khoảng 100 từ (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh), chữ thường.
- **Từ khóa (Keywords):** thể hiện chủ đề của bài viết, chọn khoảng 3 - 5 từ (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh), chữ thường.
- **Đặt vấn đề (Introduction):** cần trình bày rõ lý do thực hiện nghiên cứu và tầm quan trọng của chủ đề nghiên cứu (có ý nghĩa như thế nào về mặt lý luận và thực tiễn); xác định rõ vấn đề nghiên cứu; nội dung chính mà bài báo sẽ tập trung giải quyết, chữ thường.
- **Tổng quan nghiên cứu và/hoặc Cơ sở lý thuyết (Literature review and/or Theoretical framework):** trình bày khái quát và tổng hợp các công trình nghiên cứu có liên quan, qua đó chỉ ra khoảng trống nghiên cứu (research gap); cơ sở lý thuyết liên quan; khung lý thuyết hoặc khung phân tích sử dụng trong bài.
- **Phương pháp nghiên cứu (Methodology):** có thể là phương pháp nghiên cứu định tính hoặc định lượng, hoặc cả hai tùy theo cách tiếp cận của tác giả, trong đó cần thể hiện mô hình và các giả thuyết nghiên cứu (nghiên cứu định lượng) và/hoặc thiết kế nghiên cứu định tính; đồng thời cần chỉ ra cách thức thu thập dữ liệu.
- **Kết quả và thảo luận (Results and discussion):** trình bày, phân tích các kết quả phát hiện, thu được trong nghiên cứu; đồng thời thảo luận rút ra mối quan hệ chung, mối liên hệ giữa kết quả nghiên cứu của tác giả với những phát hiện khác trong các nghiên cứu trước đó; chữ thường. Lưu ý: Chú thích bảng/hình được đánh số thứ tự tăng dần, không đánh theo thứ tự các tiểu mục. Mỗi bảng/hình cần phải có tên tương ứng mô tả chính xác nội dung của bảng/hình. Số thứ tự và tên bảng/hình được đặt ở vị trí phía trên cùng của bảng/hình đó theo phương chiều ngang, chữ in đậm. Các bảng/hình phải được dẫn nguồn. Nguồn được đặt dưới cùng của bảng/hình, chữ trình bày in nghiêng, không in đậm.
- **Kết luận hoặc/và giải pháp/khuyến nghị/hàm ý (Conclusions or/and solutions/suggestions/implications):** xuất phát từ kết quả nghiên cứu và tùy theo mục tiêu nghiên cứu, cần có kết luận và đưa ra giải pháp hay khuyến nghị cho các nhà quản lý doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách,... có thể thêm quan điểm của nghiên cứu, chữ thường.
- **Lời cảm ơn (Acknowledgements):** không bắt buộc, dành để cảm ơn các cơ quan, tổ chức tài trợ, các cá nhân có đóng góp, giúp đỡ cho việc viết và hoàn thiện bài báo, chữ thường, đậm, nghiêng.
- **Danh mục tài liệu tham khảo (References):** bao gồm các tài liệu đã trích dẫn/tham khảo trong bài báo theo chuẩn APA, được trình bày theo thứ tự: Tên tác giả/tên cơ quan chủ quản, (năm xuất bản), tên bài viết/tên tài liệu, tên đơn vị xuất bản/tên địa phương, tập/số, trang, mã DOI nếu có. Các tài liệu tham khảo được sắp xếp theo vần ABC chữ cái đầu tiên, tài liệu tiếng Việt trước, tiếng Anh sau, chữ thường.

  Với các tài liệu trích dẫn trong bài báo, cần đánh dấu 1, 2, 3,... chữ nhỏ ở ngay phía trên đoạn nội dung đã trích dẫn; đồng thời tổng hợp đầy đủ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN ở cuối bài báo. Với các tài liệu tham khảo, cần cho vào ( ) ở ngay cuối phần nội dung phân tích; đồng thời tổng hợp đầy đủ TÀI LIỆU THAM KHẢO ở cuối bài báo.
- **Thông tin tác giả (Author's biology):** ghi rõ học hàm, học vị, chức danh, đơn vị công tác, số điện thoại, email, địa chỉ nhận thư.

THÔNG TIN CHI TIẾT, LIÊN HỆ:
Tòa soạn: TẠP CHÍ CÔNG THƯƠNG
Địa chỉ: Tầng 8, số 655 Phạm Văn Đồng, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0243.2088856 - 0936.131861 *Website: http://www.tapchicongthuong.vn

VEAM

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP



Chúc mừng

NGÀY DOANH NHÂN VIỆT NAM

13/10

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

TRỤ SỞ CHÍNH: Lô D, khu D1 - Phường Tây Hồ - Thành phố Hà Nội - Việt Nam

CN THANH HÓA: Tổ dân phố 14 - Phường Quang Trung - Tỉnh Thanh Hóa - Việt Nam